



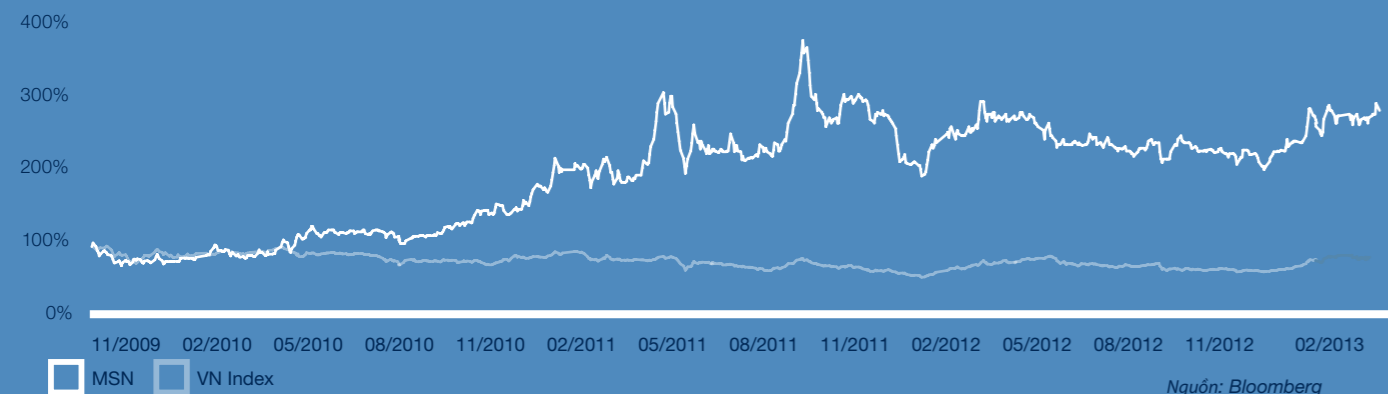
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

20
12

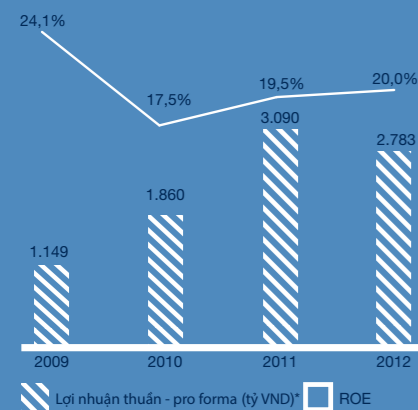
MASAN GROUP

Masan Group là một trong những công ty lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam, tập trung hoạt động trong ngành hàng tiêu dùng và tài nguyên của Việt Nam. Chúng tôi có nhiều thành tích trong hoạt động xây dựng, mua lại và quản lý các nền tảng hoạt động kinh doanh có quy mô lớn nhằm phát triển và khai thác các tiềm năng dài hạn trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và tài nguyên. Chúng tôi tin rằng có thể tạo ra phần lớn giá trị cho cổ đông thông qua đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, các đối tác toàn cầu và sự cam kết phục vụ tầng lớp trung lưu ngày càng lớn mạnh ở Việt Nam.

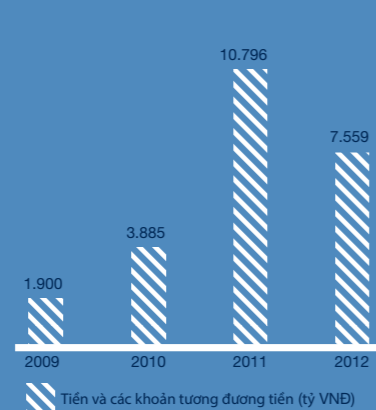
GIÁ CỔ PHIẾU TỪ KHI NIÊM YẾT



LỢI NHUẬN PRO FORMA VÀ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU ROE



TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TỪ 2009



(*) Số liệu tính toán loại trừ lợi thế thương mại và áp dụng tỷ lệ lợi ích kinh tế hiện nay ở Techcombank kể từ năm 2009.

Lưu ý: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm cả các khoản đầu tư ngắn hạn, chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng. Số liệu năm 2012 chưa bao gồm khoản tiền mặt huy động từ KKR vào đầu năm 2013.

MỤC LỤC

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Masan Group	4
Công ty con của chúng tôi	18
Masan Consumer	25
Masan Resources	26
Công ty liên kết của chúng tôi	36
Báo cáo của Ban Điều hành	55
Báo cáo tài chính	61
Thông tin doanh nghiệp	75
	163

KHAI PHÁ GIÁ TRỊ BẰNG CÁCH PHỤC VỤ NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM

THƯ' NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Người tiêu dùng Việt Nam được ưu tiên

#1

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG,

Trong những năm qua, Masan Group đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ từ một công ty sản xuất thực phẩm trở thành một trong những tập đoàn lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Thành công của Tập đoàn khởi nguồn từ cam kết “hằng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam”, cũng như thực hiện chiến lược xây dựng các doanh nghiệp có quy mô hoạt động lớn và nắm giữ những vị thế dẫn đầu thị trường, tạo ra năng lực cạnh tranh vượt trội để giành thắng lợi trên thương trường ngày càng toàn cầu hóa. Chúng tôi không ngừng phấn đấu để trở thành niềm tự hào của Việt Nam, chứng minh cho cả thế giới thấy rằng một công ty Việt Nam vẫn có thể thành công lớn khi “put the Vietnamese consumers first”, tập trung vào một số ít mục tiêu có chọn lọc, và triển khai hoạt động với sự chuyên nghiệp cao nhất.

Trong năm 2012, Masan Group đã tiếp tục triển khai phương pháp xây dựng kinh doanh mang tính kỷ luật cao, tăng cường tập trung vào các nhánh trong ngành hàng tiêu dùng và đẩy mạnh quá trình phát triển dự án Núi Pháo - dự án khai thác khoáng sản lớn nhất trong ngành kinh tế tư nhân tại Việt Nam. Nhờ vậy, chúng tôi đã đạt được doanh thu và lợi nhuận kỷ lục ở Công ty Masan Consumer và duy trì tiến độ xây dựng để đưa dự án Núi Pháo đi vào hoạt động trước thời hạn.

Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh của Tập đoàn cũng được các thị trường tài chính công nhận. Từ khi niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh vào năm 2009, giá cổ phiếu của Masan Group đã tăng thêm 136,1% trong khi chỉ số chứng khoán chung lại giảm đi 25,5% trong cùng thời kỳ này. Hiện nay, giá trị vốn hóa thị trường của Tập đoàn khoảng 79.351 tỷ đồng, tương đương với 3,8 tỷ đô la Mỹ, đưa Masan Group trở thành công ty có giá trị vốn hóa trị trường lớn nhất trong khối kinh tế tư nhân tại Việt Nam¹.

Cũng như những năm trước, năm 2012 tiếp tục là một năm đầy khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam. Nhìn chung, tuy đất nước đạt được những thành quả nhất định trong việc khống chế tỷ lệ lạm phát và duy trì được giá trị của tiền đồng nhưng nền kinh tế vẫn gặp phải giai đoạn tăng trưởng GDP chậm, thị trường bất động sản ảm đạm, và ngành ngân hàng suy yếu trầm trọng do tỷ lệ nợ xấu tăng cao. Những thách thức này đã tạo ra một môi trường kinh doanh hết sức cam go cho các công ty ở Việt Nam khi khả năng tiếp cận nguồn vốn bị giới hạn, mức tăng trưởng chậm hơn và thậm chí phải đối mặt với sự thua lỗ. Thế nhưng, từ trong những thách thức này, Masan Group lại có thể mang đến một năm đầy thành công cho các cổ đông của mình.

Tôi rất tự hào khi điếm qua một số sự kiện quan trọng của Masan Group trong năm 2012 vừa qua:

- Chúng tôi đang tiếp tục mở rộng nền tảng kinh doanh hàng tiêu dùng bằng cách đa dạng hóa danh mục sản phẩm tiêu dùng và xâm nhập vào những ngành hàng tiêu dùng mới:

- Tại Vinacafe, Masan Consumer đã triển khai thành công hợp nhất các nền tảng vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế và đã hiện thực hóa được các tiềm năng hợp lực; Vinacafe đạt được những kết quả tài chính kỷ lục trong năm 2012: doanh thu tăng thêm 33,4% và lợi nhuận thuần tăng thêm 41,3%.
- Chúng tôi đã đa dạng hóa hoạt động của mình theo phương thức “làm ít, làm có chọn lọc” hướng tới những ngành hàng tiêu dùng hấp dẫn khác với hoạt động mua lại 40,0% cổ phần của Công ty Thức ăn Gia súc Việt Pháp - nhà sản xuất thức ăn gia súc lớn thứ hai tại Việt Nam. Thương vụ này sẽ giúp Tập đoàn xâm nhập vào ngành hàng thực phẩm protein ngày càng lớn tại Việt Nam.
- Tháng 2 năm 2013, Masan Consumer đã mua lại 24,9% cổ phần trong Công ty Nước khoáng Vĩnh Hảo, một trong những thương hiệu được tin cậy và công nhận rộng rãi nhất tại Việt Nam trong ngành hàng đồ uống

1. Khối kinh tế tư nhân được định nghĩa là các công ty không có sở hữu của nhà nước và vốn hóa thị trường được tính toán trên cơ sở số lượng cổ phiếu được pha loãng hoàn toàn và áp dụng giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2012.

đóng chai. Từ cơ sở giao dịch này, Masan Consumer đã tiếp tục triển khai một đợt chào mua công khai bằng tiền mặt với những điều khoản thương mại tương tự để gia tăng cổ phần của mình.

- Masan Resources đã hoàn thành tiến độ đáng kể trong quá trình phát triển dự án Núi Pháo:
 - Masan Resources đã chi khoảng 220 triệu đô la Mỹ trong năm qua để hoàn thành phần lớn công tác xây dựng.
 - Nhà máy chế biến dự kiến đi vào hoạt động vào đầu quý 2 năm 2013 với kỳ vọng đưa Công ty thành nhà sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc.
 - Công ty Núi Pháo đã nhận được giải thưởng “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng” năm 2013 từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhờ quá trình hỗ trợ cộng đồng địa phương tỉnh Thái Nguyên và tuân thủ các tiêu chuẩn hoạt động quốc tế trong các khía cạnh bảo vệ môi trường, an toàn và xã hội.
- Chúng tôi đã tăng cường đội ngũ quản lý ở cấp Tập đoàn và các công ty con với những gương mặt mới đến từ các tập đoàn đa quốc gia nổi tiếng và có nhiều kinh nghiệm hoạt động ở các thị trường mới nổi:
 - Ở Masan Consumer, chúng tôi đã tuyển Giám đốc Điều hành cao cấp và Giám đốc Marketing cao cấp.
 - Ở Masan Group, chúng tôi củng cố các nền tảng pháp lý, quản trị rủi ro và quan hệ truyền thông bằng việc tuyển dụng những chuyên gia dày dặn kinh nghiệm.
- Một số nhà đầu tư uy tín nhất thế giới đã tiếp tục xác thực cho phương pháp xây dựng các doanh nghiệp dẫn đầu thị trường của chúng tôi thông qua hoạt động cấp vốn đầu tư:
 - KKR, công ty đầu tư vốn cổ phần tư nhân hàng đầu thế giới, đã đầu tư thêm 200 triệu đô la Mỹ vào Masan Consumer sau khoản đầu tư 159 triệu đô la Mỹ hồi tháng 4 năm 2011. Khoản đầu tư có tổng giá trị 359 triệu đô la Mỹ là giao dịch đầu tư vốn cổ phần tư nhân lớn nhất mọi thời đại ở Việt Nam. Việc KKR mở rộng quan hệ đối tác với Masan minh chứng cho sự tin tưởng tuyệt đối của họ vào tiềm năng tăng trưởng tiêu dùng dài hạn của Việt

Nam và xác thực rằng Masan là đối tác đáng tin cậy để tiếp cận tiềm năng tiêu dùng của thị trường Việt Nam.

- Masan Resources đã đạt được một khoản vay 80 triệu đô la Mỹ từ Ngân hàng Standard Chartered để phát triển dự án Núi Pháo. Đây là khoản vốn vay quốc tế đầu tiên dành cho một dự án khai thác khoáng sản của khối kinh tế tư nhân tại Việt Nam. Khoản vay này đồng thời cũng là sự chứng nhận cho tiến độ triển khai của dự án Núi Pháo và khả năng tài chính của dự án.
- Chúng tôi đã phát hành các công cụ tài chính chuyển đổi trị giá khoảng 130 triệu đô la Mỹ cho các nhà đầu tư hiện hữu là the Richard Chandler Corporation và Mount Kellett. Những giao dịch này chứng minh cho sự tin tưởng không ngừng của họ vào Masan Group.

Về tình hình tài chính, các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Masan Group đều đạt được kết quả kỷ lục, trong khi lợi nhuận hợp nhất có suy giảm do mức đóng góp từ Techcombank thấp hơn. Nhờ gia tăng thị phần trong những ngành hàng chủ chốt và hoạt động hợp nhất thành công với Vinacafe, doanh thu thuần tăng từ 7.057 tỷ đồng năm 2011 lên 10.389 tỷ đồng năm 2012, tương ứng với mức tăng 47,2%. Nếu loại bỏ khấu hao lợi thế thương mại trong các công ty con và công ty liên kết, lợi nhuận thuần pro forma giảm nhẹ từ 3.090 tỷ đồng trong năm 2011 xuống 2.783 tỷ đồng trong năm 2012, tương ứng với tỉ lệ giảm 9,9%. Sự sụt giảm trong lợi nhuận thuần pro forma chủ yếu là do Techcombank, khi lợi nhuận của ngân hàng này tụt giảm đến 75,7%, tương ứng từ 3.154 tỷ đồng năm 2011 xuống 766 tỷ đồng năm 2012 do lãi suất cho vay thấp hơn, môi trường cho vay đầy khó khăn của ngành ngân hàng cả nước và tăng dự phòng cho vay ở mức thận trọng. Mặc dù kết quả kinh doanh từ Techcombank thấp hơn kỳ vọng, nhưng sự suy giảm nhẹ trong tổng lợi nhuận thuần pro forma của Tập đoàn vẫn là một minh chứng rõ ràng cho sức mạnh vững chắc của hoạt động kinh doanh cốt lõi của Masan Group. Lợi nhuận thuần của Masan Consumer tăng 26,4% đạt 2.850 tỷ đồng trong năm 2012.

Về cơ cấu tài sản, vào cuối năm 2012 Tập đoàn nắm giữ khoảng 7.559 tỷ đồng tiền mặt và tương đương tiền mặt¹. Con số này chưa bao gồm vốn cổ phần huy động từ KKR diễn ra vào tháng 1 năm 2013. Vĩ thế tiền mặt này củng cố thêm cho cơ cấu tài

sản của Tập đoàn trong một môi trường vĩ mô đầy bất ổn và trở thành nguồn lực đặc dụng để Masan Group phát triển sâu nền tảng kinh doanh hàng tiêu dùng bằng cả nội lực lẫn thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp. Tuy trước đây khả năng huy động vốn của Tập đoàn đã được xem là một thế mạnh hết sức nổi bật, thế nhưng năm 2012 là một năm đặc biệt hơn khi mà nhiều nhà đầu tư hiện hữu đã tăng gấp đôi giá trị đầu tư của mình vào Masan; đây là một trong những hình thức xác thực niềm tin mạnh mẽ nhất.

Về tình hình hoạt động kinh doanh, năm 2012 đánh dấu một năm phát triển mạnh mẽ của cả Tập đoàn khi chúng tôi tiếp tục củng cố và đầu tư vào các nền tảng hoạt động kinh doanh. Chúng tôi đã hợp nhất thành công các hoạt động kinh doanh của Masan Consumer và Vinacafe, mang lại doanh thu và lợi nhuận kỷ lục cho ngành hàng cà phê. Các doanh nghiệp của chúng tôi cũng tiếp tục mở rộng phạm vi phân phối để phục vụ khách hàng tốt hơn. Masan Consumer tiếp tục gia tăng hệ thống phân phối vốn thuộc vào hàng dẫn đầu thị trường từ khoảng 164.000 điểm bán hàng năm 2011 lên 176.000 điểm bán hàng trong năm 2012. Công ty đã đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và tung ra thị trường những nhãn hàng mới như Chin-su Nam Ngự, Wake Up và Kachi nhằm thúc đẩy sức tăng trưởng nội tại của mình. Bên cạnh đó, tại dự án Núi Pháo, chúng tôi cũng đã triển khai công tác xây dựng và khai thác cho nhà máy chế biến khoáng sản; ngoài ra, số lượng nhân công tại công trường đã tăng lên khoảng 3.300 người. Với mục tiêu tăng cường sự hiện diện của Tập đoàn ra khu vực Đông Nam Á, chúng tôi cũng đã mở một văn phòng đại diện ở Singapore. Điều quan trọng nhất là chúng tôi đã đầu tư vào nguồn nhân lực tài năng trên toàn bộ hệ thống, đặc biệt ở Masan Group, Masan Consumer và Techcombank với việc tuyển dụng thêm những nhà quản lý cấp cao dày dặn kinh nghiệm để góp phần đưa cả Tập đoàn lên một tầm cao mới.

Trên con đường rộng mở phía trước, chúng tôi có nhiều lý do để lạc quan hơn trong năm 2013 với dự án mở đang đi vào hoạt động cùng với sự xâm nhập mạnh mẽ hơn vào ngành đồ uống cũng như những thương vụ đầu tư khác trong các ngành hàng tiêu dùng. Thêm vào đó, Techcombank cũng đã có những nỗ lực hết mình để giảm tỷ lệ cho vay liên ngân hàng, giảm quy mô cho vay và áp dụng những chính sách cho vay thận trọng hơn.

Những nỗ lực này thể hiện rõ quyết tâm mạnh mẽ nhằm tái cấu trúc tài chính và chuẩn bị tốt hơn cho sự tăng trưởng bền vững trong những năm sắp tới. Với những lý do đầy thuyết phục này, Masan Group hoàn toàn tự tin kỳ vọng vào mức tăng trưởng lợi nhuận từ 30% đến 70% trong năm 2013, đưa Tập đoàn đến gần hơn với mục tiêu đạt 1 tỷ đô la Mỹ lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) hợp nhất trong vòng 2 đến 3 năm tới.

Cuối thư, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến toàn thể khách hàng, nhân viên, đối tác và các bên liên quan khác, những người đã hết mình hỗ trợ Masan Group trong những năm qua. Tôi rất tự hào khi Masan tiếp tục tăng trưởng mạnh và mang lại lợi nhuận đáng kể cho các cổ đông trong năm 2012 cùng với những triển vọng đầy sáng sủa trong năm 2013. Đặc biệt, tôi còn lấy làm tự hào hơn nữa khi chúng tôi đã chứng minh cho cả thế giới thấy rằng một công ty địa phương vẫn có thể thành công trong một môi trường đầy thách thức với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp có tư duy doanh nhân và luôn kiên định tập trung vào sứ mệnh phục vụ người tiêu dùng Việt Nam.

Chân thành cảm ơn,



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 8 tháng 4 năm 2012

1. Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm khoản đầu tư ngắn hạn.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CHỌN LỌC NĂM 2012

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	Kiểm toán	Pro forma ¹
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	10.389	10.389
Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần	47,2%	47,2%
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	1.963	2.783
Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận thuần	-21,4%	-9,9%

Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2012	Kiểm toán
Tiền và các khoản tương đương tiền (tỷ đồng) ²	7.559
Tổng nợ (tỷ đồng) ³	11.585
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	13.884
Tổng tài sản (tỷ đồng)	38.699

NHỮNG CÔNG TY CON CỦA CHÚNG TÔI CÓ NỀN TẢNG KINH DOANH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM TRONG NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG VÀ TÀI NGUYÊN

- Pro forma, dù không phải là số liệu đã được kiểm toán, nhưng là kết quả dựa trên những số liệu đã được kiểm toán và được điều chỉnh để phản ánh mức lợi nhuận trong điều kiện bình thường. Những điều chỉnh sau đây được thực hiện: (a) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc chuyển nhượng tỷ lệ sở hữu trong ngân hàng Techcombank trong hai năm tài chính 2011 và 2012, giả định Masan Group nắm giữ 30,4% lợi ích kinh tế của Techcombank kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011; (b) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại, tài sản hữu hình và tài sản vô hình từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa trong năm tài chính 2011 và 2012; (c) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại từ thương vụ mua lại Công ty Thức ăn Gia súc Việt Pháp trong năm tài chính 2012.*
- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm cả các khoản đầu tư ngắn hạn, chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng. Lượng tiền này không bao gồm khoản tiền đầu tư của KKR vào đầu năm 2013.*
- Tổng nợ bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, không bao gồm các hối phiếu nhận nợ. Các hối phiếu nhận nợ trị giá 2.856 tỷ đồng sẽ không còn giá trị nếu thực hiện quyền chọn mua cổ phần phổ thông Masan Group để thanh toán những hối phiếu nhận nợ này thay vì trả bằng tiền mặt. Quyền chọn này là một phần trong giao dịch mua bán dự án Núi Pháo. Vào ngày 31/12/2012, quyền chọn này có giá trị dương. Masan Group có quyền bắt buộc việc chuyển đổi quyền chọn này vào ngày 31/12/2012.*

CHI TIÊU TIÊU DÙNG
CỦA HỘ GIA ĐÌNH
CHIẾM HƠN

63%

GDP CỦA VIỆT NAM



Nguồn: Ngân hàng Thế giới.



VỚI **56**%
DÂN SỐ Ở ĐỘ TUỔI
DƯỚI 30, VIỆT NAM LÀ
MỘT TRONG NHỮNG
NƯỚC CÓ DAN SỐ
TRẺ NHẤT THẾ GIỚI

Nguồn: Nielsen.

VIỆT NAM CÓ DÂN
SỐ ĐÔNG THỨ

13

TRÊN THẾ GIỚI



Nguồn: Ngân hàng Thế giới.



TỔNG CHI TIÊU
TIÊU DÙNG DỰ KIẾN
SẼ TĂNG GẤP ĐÔI LÊN
KHOẢNG

173 TỶ ĐÔ LA MỸ
TRƯỚC NĂM 2020

Nguồn: Euromonitor, Global Insight, Bain.

136%

**GIÁ CỔ PHIẾU CỦA CHÚNG TÔI
TĂNG KẾ TỪ NGÀY NIÊM YẾT 2009¹**



MASAN GROUP

Chúng tôi cam kết hoạt động có trọng tâm và kỷ luật để xây dựng những doanh nghiệp hàng đầu.

GIỚI THIỆU

Masan Group là một trong những công ty lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam. Các mảng kinh doanh chính của chúng tôi bao gồm các công ty con Masan Consumer và Masan Resources, đều là những nền tảng vận hành có quy mô lớn tập trung vào lĩnh vực hàng tiêu dùng và tài nguyên. Chúng tôi cam kết duy trì vị thế của một công ty hàng đầu trong khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam xét về quy mô, lợi nhuận và thu nhập cho cổ đông, và là đối tác có tiềm năng tăng trưởng cũng như nhà tuyển dụng được yêu thích ở Việt Nam. Để đạt được những mục tiêu này, chúng tôi tập trung hoạt động trong các lĩnh vực mà một công ty thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước có thể dẫn đầu thị trường và có thể phát triển quy mô thông qua hoạt động có trọng điểm và áp dụng chiến lược hợp nhất.

Phương pháp xây dựng hoạt động kinh doanh có trọng điểm

Trong một thị trường năng động có nhiều cơ hội tiềm năng như Việt Nam, để một hoạt động kinh doanh thành công và vững mạnh, ngoài tính kỷ cương, chúng tôi còn tin tưởng vào một số yếu tố quan trọng khác như:

Hoạt động kinh doanh tạo ra dòng tiền

Masan tin tưởng rằng sự tăng trưởng bền vững trong một thị trường đang phát triển như Việt Nam đòi hỏi phải xây dựng các hoạt động kinh doanh tạo ra dòng tiền. Chúng tôi không tham gia vào hoạt động mua bán tài sản như mua quỹ đất hoặc tham gia đầu cơ ngắn hạn. Chúng tôi chỉ cạnh tranh trong những lĩnh vực có nội lực tăng trưởng mạnh, có mô hình kinh doanh hiệu quả đã được chứng thực từ khối kinh tế tư nhân trong khu vực, và có tiềm năng xây dựng doanh nghiệp quy mô lớn. Chúng tôi đã xác định hàng tiêu dùng và tài nguyên là những ngành trọng điểm của mình.

Nền tảng vận hành hàng đầu

Sự tăng trưởng bền vững chỉ có thể đạt được thông qua việc xây dựng các hệ thống và nền tảng vận hành tốt nhất. Khi gia nhập một ngành, chúng tôi phát triển hẳn một chiến lược riêng và các mô hình kinh doanh có thể nhân rộng để vươn đến vị thế dẫn đầu thị trường trong từng lĩnh vực kinh doanh. Điều này cho phép chúng tôi không ngừng đầu tư vào những hệ thống vận hành tốt nhất. Trong những năm qua, chúng tôi đã đầu tư phát triển những sản phẩm mới, xây dựng thương hiệu, cơ sở sản xuất, mạng lưới phân phối, hệ thống thông tin, và quan trọng nhất là nguồn nhân lực. Cho đến nay, Masan Group đã sở hữu hệ thống vận hành dẫn đầu thị trường trong từng lĩnh vực tương ứng.

Xây dựng quy mô

Vị thế dẫn đầu thị trường về quy mô cho phép chúng tôi cạnh tranh thành công trong bối cảnh khu vực kinh tế tư nhân bị phân mảnh và sự cạnh tranh từ các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp nhà nước hết sức khốc liệt. Là một trong những công

ty lớn nhất thuộc khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam, Masan Group có nhiều lợi thế để tiếp cận nguồn vốn, đội ngũ nhân sự tài năng và chuyên nghiệp và các cơ hội có quy mô lớn nhằm đầu tư xây dựng các hệ thống và nền tảng vận hành hiệu quả. Chúng tôi xây dựng quy mô thông qua hoạt động kinh doanh có trọng điểm và áp dụng chiến lược hợp nhất, thúc đẩy sự tăng trưởng nội tại của các hoạt động kinh doanh hiện hữu và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng thông qua các giao dịch mua bán doanh nghiệp phù hợp với trọng tâm ngành của công ty.

Phân bổ nguồn vốn cân trọng và kết cấu vốn chặt chẽ

Chúng tôi đã huy động được tổng cộng hơn 1,2 tỷ đô la Mỹ nguồn vốn dài hạn trong những năm qua, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động đầu tư và xây dựng doanh nghiệp mang tính chiến lược. Chúng tôi đã thực hiện sự phân bổ nguồn vốn cân trọng bằng cách sử dụng phần lớn nguồn tiền thu được để đầu tư và tăng tỷ lệ sở hữu trong các hoạt động kinh doanh hiện hữu của công ty. Đối với việc mua lại dự án Núi Pháo, về cơ bản chúng tôi không dùng tiền mặt.

1. Giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2012.

Chúng tôi đã triển khai chưa đến 20% nguồn vốn huy động được để mua lại các doanh nghiệp mới – cụ thể là Vinacafe Biên Hòa, Proconco và Nước khoáng Vĩnh Hảo. Chúng tôi tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh và những nhãn hiệu mang tính biểu tượng của các công ty này sẽ tạo ra những “con đường” rộng mở, giúp công ty thâm nhập sâu hơn vào các ngành hàng tiêu dùng.

Đội ngũ quản lý đẳng cấp thế giới và đối tác danh tiếng

Đội ngũ quản lý của chúng tôi ở tất cả các cấp tổ chức đều chuyên nghiệp. Chúng tôi khuyến khích họ đóng góp bằng cách trao cho họ cơ hội trở thành cổ đông và đại nghị xứng đáng những người làm việc hiệu quả. Về xây dựng quan hệ đối tác, chúng tôi hợp tác có chọn lọc với các công ty danh tiếng toàn cầu có khả năng thẩm định và xác thực chiến lược kinh doanh, có thông tin về các cơ hội kinh doanh và có lợi thế tiếp cận nguồn vốn dài hạn.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM

Chiến lược của Masan Group được xây dựng dựa trên nhận định của chúng tôi về các cơ hội ở Việt Nam, một quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Từ năm 2005 đến 2012, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực đã tăng trưởng với tốc độ kép hàng năm là 7,8%. Tuy sự tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian vừa qua là nhờ vào chi phí lao động thấp và năng suất gia tăng nhờ công cuộc “Đổi mới”, nhưng chúng tôi tin rằng giá trị đích thực của Việt Nam nằm ở tiềm năng tiêu dùng trong nước và tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác.

Tiềm năng tiêu dùng trong nước

Đặc điểm nhân khẩu học và mức thu nhập ngày càng tăng ở Việt Nam thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh không ngừng của sức tiêu dùng trong nước. Đất nước vừa bước vào kỷ nguyên “Lợi tức Dân số - demographic dividend” dự kiến kéo dài 30 năm với đặc điểm gần 70% của dân số 90 triệu người nằm trong độ tuổi lao động và 56% dân số có độ tuổi dưới 30. Trong 10 năm tới, số người trong độ tuổi lao động dự kiến sẽ tăng thêm ít nhất 1 triệu người mỗi năm.

Lực lượng lao động ngày càng tăng sẽ thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng. Việt Nam có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong ngành hàng tiêu dùng ở châu Á trong năm 2012 với tỷ lệ 23% so với Ấn Độ (18%) và Trung Quốc (13%). Nhu cầu tiêu dùng trong nước sẽ tiếp tục nhận được sự tác động hỗn hợp tích cực của các yếu tố nhân khẩu học thuận lợi, quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, sự gia tăng thu nhập khả dụng và mức độ tăng trưởng tiêu dùng.

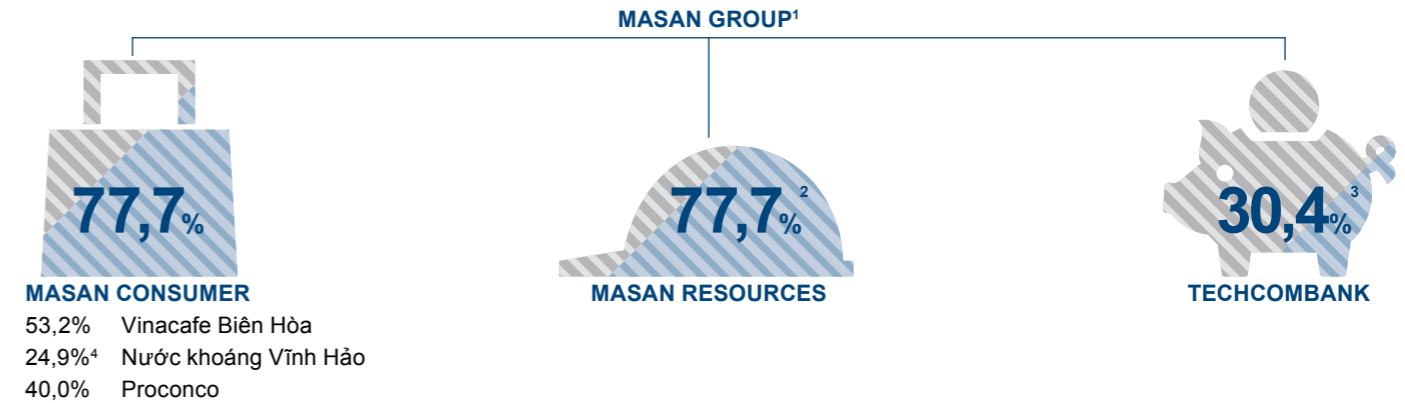
Tiềm năng tài nguyên chưa được khai thác

Tài nguyên khoáng sản, nông nghiệp và năng lượng góp chung tạo nên một tỷ lệ đáng kể trong GDP của Việt Nam với kỳ vọng tăng trưởng cao hơn trong cả ba lĩnh vực này. Tiềm năng tài nguyên khoáng sản của Việt Nam phần lớn vẫn chưa được khai thác vì nhiều khu vực còn chưa được thăm dò. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, vốn chiếm khoảng 24% GDP năm 2012 của Việt Nam, sẽ hưởng lợi từ sự gia tăng của sức tiêu thụ nội địa, các thị trường xuất khẩu mới cũng như sự hỗ trợ từ chính phủ và các nhóm xúc tiến thương mại. Cuối cùng, theo ước tính, Việt Nam đứng ở vị trí thứ ba trong khu vực Đông Nam Á về tài nguyên dầu mỏ với trữ lượng khoảng 4,4 tỷ thùng dầu và gần 710 tỷ m³ khí. Trong khi đó, mức tiêu thụ nhiên liệu của Việt Nam dự kiến sẽ tăng 69% giữa năm 2011 và 2020 với mức tăng trưởng hàng năm từ 5-7%. Cả ba ngành này đều được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh do sự phát triển của các ngành phụ trợ cùng các cơ sở hạ tầng có liên quan.

Những hạn chế của Việt Nam tạo lợi thế cho mô hình kinh doanh của chúng tôi

Việt Nam gần đây đã trải qua những thách thức kinh tế vĩ mô, bao gồm nợ xấu tăng cao và tăng trưởng tín dụng bị thu hẹp khiến tăng trưởng GDP chậm lại. Ngoài ra, khu vực kinh tế tư nhân tuy tăng trưởng mạnh mẽ nhưng vẫn còn phân mảnh, thể hiện qua cấu trúc tổng giá trị thị trường tính theo doanh thu và thị phần. Các công ty thuộc khu vực kinh tế tư nhân còn bị thách thức bởi sự hạn chế của nguồn vốn dài hạn, thiếu chuyên môn và khả năng cạnh tranh kém hơn các công ty đa quốc gia. Masan Group quản lý các rủi ro này và giải quyết những mặt hạn chế còn khó khăn của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam bằng cách xây dựng quy mô và các nền tảng vận hành hàng đầu nhằm tránh các chu kỳ suy thoái tài chính, tiến hành hợp nhất kinh doanh và gia tăng thị phần.

CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN vào tháng 3 năm 2013



CẤU TRÚC VỐN vào tháng 12 năm 2012⁵

MASAN GROUP	MASAN CONSUMER	MASAN RESOURCES	TECHCOMBANK
Nợ trực tiếp: 27 triệu USD	Nợ trực tiếp: 200 triệu USD	Nợ trực tiếp: 191 triệu USD	Techcombank chỉ là công ty liên kết nên sẽ không được hợp nhất
Nợ có khả năng chuyển đổi: 134 triệu USD	Vốn chủ sở hữu: 505 triệu USD	Hối phiếu nhận nợ: 136 triệu USD ⁶	
Vốn chủ sở hữu: 661 triệu USD		Vốn chủ sở hữu: 406 triệu USD	

2012 EBITDA (triệu USD)	119
Tiền và các khoản tương đương tiền (triệu USD)	469 ⁷
Tổng nợ trực tiếp (triệu USD)	418
Nợ trực tiếp thuần (triệu USD) ⁸	-51
Số cổ phiếu (Cơ bản)	687.280.123
Số cổ phiếu (Pha loãng hoàn toàn)	777.954.658

- Không tính đến các công ty trung gian.
- Theo tỉ lệ pha loãng và bao gồm quyền của Masan Group, nhưng không phải là nghĩa vụ, để mua 15% cổ phần của công ty khoáng sản Tiberon, công ty thuộc sở hữu của các quỹ do Dragon Capital quản lý.
- Bao gồm lợi ích kinh tế của Masan Group tại Techcombank thông qua giao dịch đăng ký và mua 3.000 tỉ trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành trong tháng 12/2010.
- Masan Consumer đang chào mua công khai để tăng tỉ lệ sở hữu.
- Nợ trên cơ sở hợp nhất, ngoài trừ Masan Group với nợ riêng lẻ. Tỉ giá USD/VND = 21.000.
- Hối phiếu nhận nợ do công ty mẹ trực tiếp của Masan Resources phát hành. Hối phiếu nhận nợ sẽ không còn giá trị nếu quyền chọn mua cổ phần phổ thông Masan Group được thực hiện và thanh toán bằng những hối phiếu nhận nợ thay vì bằng tiền mặt. Quyền chọn này là một phần trong giao dịch mua bán dự án Núi Pháo. Đến ngày 31/12/2012, quyền chọn này có giá trị dương. Masan Group có quyền bắt buộc việc chuyển đổi quyền chọn này vào ngày 31/12/2012.
- Tính đến 31/12/2012 và bao gồm đầu tư ngắn hạn và tiền từ đầu tư của KKR tại Masan Consumer (văn bản được ký kết vào tháng 12 /2012 và hoàn tất giao dịch vào tháng 1/2013).
- Không bao gồm công cụ chuyển đổi sang cổ phiếu.

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ CHUYÊN NGHIỆP

Đúng người đúng việc – Phương thức Masan

Chúng tôi hoạt động theo “Phương thức Masan”, một mô hình quan hệ đối tác độc đáo, theo đó, các bộ phận chức năng của Masan Group hợp tác bình đẳng và phát huy sức mạnh riêng của mình để thực thi các hoạt động xây dựng và phát triển kinh doanh có quy mô lớn. Những đội ngũ này đóng góp các chuyên môn sau đây:

- Quản lý rủi ro và phân bổ nguồn vốn – là nền tảng về đầu tư vốn cổ phần tư nhân, đề cao hoạt động có trọng tâm, quản lý rủi ro và phân bổ nguồn vốn tối ưu;
- Tiếp cận và thực thi địa phương – khả năng giúp chúng tôi tìm kiếm và triển khai các cơ hội kinh doanh, đồng thời quản lý hiệu quả những rủi ro địa phương;
- Quản lý chuyên nghiệp – đội ngũ những chuyên gia trong nước và quốc tế dày dặn kinh nghiệm, đứng đầu trong từng lĩnh vực, kết hợp với những đối tác chiến lược có uy tín.

Chúng tôi đã đầu tư tối đa để đảm bảo rằng Tập đoàn có một đội ngũ quản lý chuyên nghiệp vững mạnh ở tất cả các công ty con và công ty liên kết. Chúng tôi tin tưởng rằng tuyển dụng những chuyên gia có kinh nghiệm đa quốc gia và có kinh nghiệm làm việc ở thị trường trong nước. Tại Masan Group, các thành viên trong bộ máy quản lý mang lại kinh nghiệm cả về chiều rộng lẫn chiều sâu được hun đúc từ các công ty nổi tiếng như J.P. Morgan, Deutsche Bank, Morgan Stanley, KPMG, Ernst & Young, PricewaterhouseCoopers, White & Case, Linklaters và YKVN. Tại các công ty con, đội ngũ chuyên viên quản lý của chúng tôi đến từ các công ty đa quốc gia hàng đầu như Unilever, Nestle, P&G, OZ Minerals, Placer Dome và MMG.



Quan trọng nhất là chúng tôi đặt niềm tin vào những nhân tài có tinh thần doanh nhân và có kinh nghiệm quản lý dự án mà có khả năng thực hiện đổi mới ở các tổ chức có tốc độ phát triển nhanh. Masan Group tập hợp nhiều chuyên gia trẻ, năng động và có kinh nghiệm thực thi quốc tế, có khả năng thực hiện nhiều dự án đa dạng để mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông.

Chúng tôi cùng nhau xây dựng một nền tảng thực thi độc đáo và đã thiết lập một kỷ lục thành công không ngừng trong một thị trường sơ khai. Đội ngũ quản lý đóng vai trò then chốt trong quá trình chuyển hóa Masan Group từ một văn phòng tư nhân khép kín với một danh mục hoạt động kinh doanh và đầu tư dàn trải thành một trong những tập đoàn kinh tế tư nhân hoạt động có trọng điểm trong ngành hàng tiêu dùng và tài nguyên.

ĐỐI TÁC VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Các đối tác của Masan Group là những công ty danh tiếng toàn cầu, được chúng tôi xem là thành phần then chốt trong mô hình kinh doanh của mình. Họ cung cấp cho Công ty những ý kiến tư vấn chiến lược, cơ hội tiềm năng và nguồn vốn dài hạn để tăng trưởng.

BankInvest

BankInvest Group được thành lập năm 1969 tại Đan Mạch, là một trong những quỹ quản lý tài sản lớn nhất vùng Scandinavia với tổng tài sản đang quản lý lên đến 30 tỷ đô la Mỹ, trong đó có 6 tỷ đô la Mỹ dành riêng để đầu tư vào các thị trường mới nổi.

Năm 2006, BankInvest ra mắt quỹ PENM (Quỹ đầu tư vốn tư nhân vào những thị trường mới nổi) và hiện nay đang sở hữu hai quỹ với tổng nguồn vốn khoảng 240 triệu đô la Mỹ. Thông qua quỹ PENM, BankInvest cung cấp vốn cùng các kinh nghiệm quản trị và tập trung vào các công ty cỡ trung có tiềm năng tăng trưởng cao.

Dragon Capital

Dragon Capital là một tập đoàn đầu tư tập trung hoàn toàn vào Việt Nam. Được thành lập năm 1994, công ty đã quản lý lượng tài sản hơn 1,3 tỷ đô la Mỹ thay cho các tổ chức tư nhân và đại chúng từ khắp nơi trên thế giới.

International Finance Corporation

Công ty Tài chính Quốc tế IFC, thành viên của Tập đoàn Ngân hàng Thế giới (World Bank Group), là tổ chức phát triển toàn cầu lớn nhất, tập trung vào khu vực kinh tế tư nhân ở các nước đang phát triển. IFC cung cấp tài chính để giúp các doanh nghiệp tuyển dụng thêm lao động và cung cấp những dịch vụ thiết yếu, bằng cách huy động vốn từ những nguồn khác nhau song song với việc cung cấp dịch vụ tư vấn để đảm bảo sự phát triển bền vững. Trong thời điểm kinh tế toàn cầu bất ổn, các khoản đầu tư mới của IFC đã đạt mức kỷ lục 18 tỷ đô la Mỹ trong năm tài chính 2010.

TPG Growth

TPG Growth, một công ty đầu tư tư nhân toàn cầu, là một dạng quỹ đầu tư thị trường tầm trung và đầu tư cổ phiếu tăng trưởng thuộc TPG. Với tổng tài sản đang quản lý ước tính khoảng 2,5 tỷ USD, công ty TPG Growth nhắm đến các khoản đầu tư diện rộng thuộc nhiều ngành nghề và khu vực địa lý khác nhau, tận dụng các cấu trúc mua bán doanh nghiệp bằng vốn vay, vốn cổ phần tăng trưởng và đầu tư tư nhân vào cổ phần đại chúng (PIPE). Công ty được hậu thuẫn bởi nguồn lực từ TPG với tài sản đang quản lý hơn 48 tỷ USD. TPG Growth có văn phòng ở Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ.

Kể từ năm 2009, Masan Group đã huy động một lượng tiền mặt hơn 1,2 tỷ đô la Mỹ. Các cổ đông của chúng tôi bao gồm BankInvest, TPG, Goldman Sachs, IFC và Richard Chandler. Ở cấp độ các công ty con, KKR, J.P. Morgan và House Foods là những đối tác của Masan Consumer; HSBC là đối tác chiến lược của ngân hàng Techcombank; và Mount Kellett và Standard Chartered đã tài trợ Masan Resources.

CHÚNG TÔI ĐÃ HUY ĐỘNG

1,2 TỶ USD

TỪ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ ĐỐI TÁC DANH TIẾNG TOÀN CẦU

CÔNG TY CON CỦA CHÚNG TÔI

MASAN CONSUMER

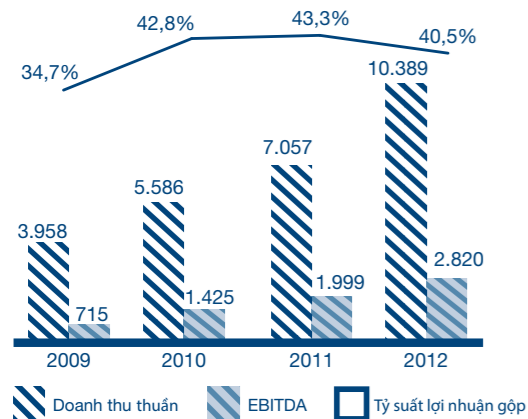
Masan Consumer là một trong những công ty hàng tiêu dùng lớn nhất Việt Nam. Chúng tôi sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, mì ăn liền, cà phê hòa tan, và ngũ cốc dinh dưỡng. Thông qua công ty liên kết Vĩnh Hào¹, chúng tôi đã tham gia ngành hàng nước giải khát đóng chai. Bắt đầu hoạt động từ năm 2000, sau đó chúng tôi đã phát triển thêm danh mục sản phẩm, doanh thu bán hàng và các kênh phân phối trong nước để xác lập vị thế dẫn đầu trên thị trường thực phẩm tiêu dùng và đồ uống mang thương hiệu Việt. Những thương hiệu chủ chốt của Masan Consumer bao gồm Chin-su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Vinacafé, Wake Up, và Kachi, cùng với Vĩnh Hào, thông qua công ty liên kết của mình.



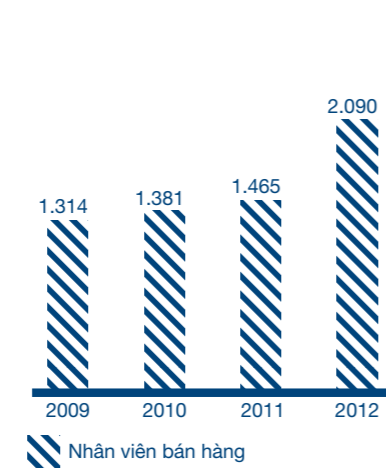
98%

NGƯỜI VIỆT NAM CÓ ÍT NHẤT
MỘT SẢN PHẨM CỦA MASAN
TRONG NHÀ¹

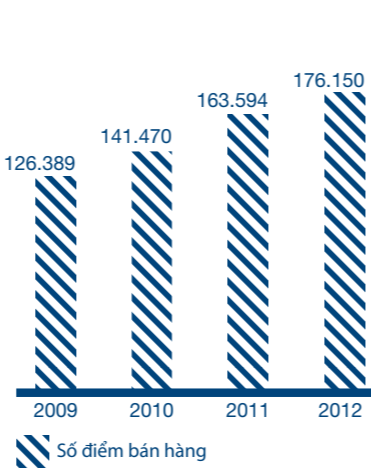
DOANH THU THUẦN, EBITDA² VÀ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN GỘP



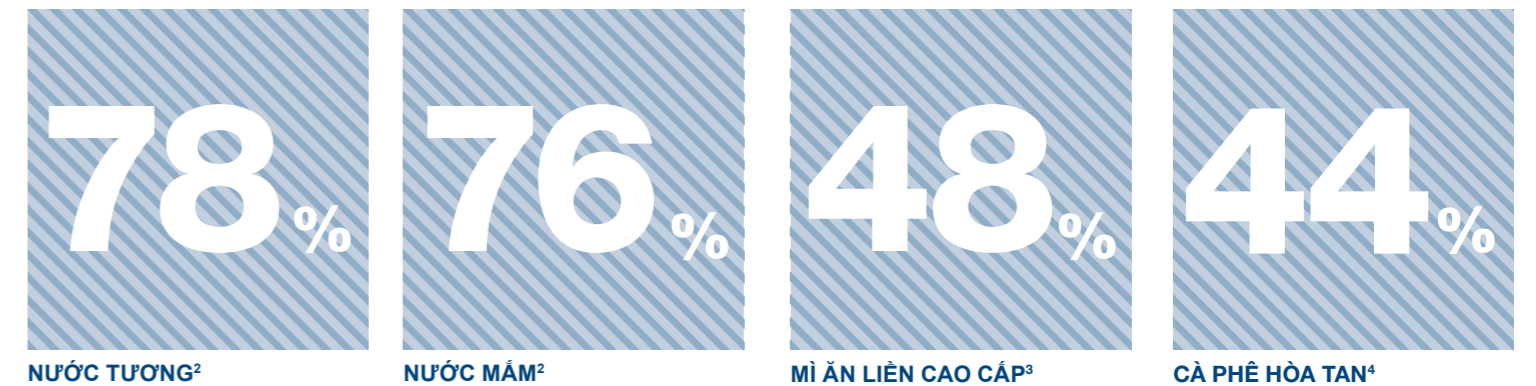
SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN BÁN HÀNG



SỐ LƯỢNG ĐIỂM BÁN HÀNG



THỊ PHẦN



1. Masan Consumer thực hiện chào mua công khai để tăng tỉ lệ sở hữu.
2. Doanh thu thuần và EBITDA tính theo đơn vị tỷ đồng.

1. Kantar.
2. Nguồn: Nielsen 2011, 36 thành phố.
3. Nguồn: Nielsen 2012, 36 thành phố.
4. Euromonitor 2011.

MASAN CONSUMER

Masan Consumer là một trong những công ty hàng tiêu dùng lớn nhất ở Việt Nam với thị phần dẫn đầu trong ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi và cà phê hòa tan. Từ năm 2000, chúng tôi đã không ngừng nâng cấp nền tảng vận hành kinh doanh bằng cách đa dạng hóa danh mục sản phẩm, thúc đẩy doanh số bán hàng và mở rộng hệ thống phân phối trong nước, và đã xác lập vị thế dẫn đầu trên thị trường thực phẩm và đồ uống tiêu dùng mang thương hiệu Việt trong cả hai phân khúc cao cấp và phổ thông. Những thương hiệu hàng đầu của Masan Consumer bao gồm Chin-su (nước tương, nước mắm và tương ớt), Tam Thái Tử (nước tương), Nam Ngư (nước mắm), Omachi, Kokomi, Yoshi (mì ăn liền), Vinacafé, Wake Up (cà phê) và Kachi (ngũ cốc dinh dưỡng). Với danh tiếng về chất lượng và nền tảng kinh doanh theo đẳng cấp quốc tế, chúng tôi đã tạo lập được vị thế vững chắc để mở rộng thị phần sang những ngành hàng thực phẩm và đồ uống có sức tăng trưởng cao.

Masan Consumer nằm trong số những công ty hàng tiêu dùng tăng trưởng nhanh nhất ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong vài năm qua, đặc biệt thành công trong phân khúc gia vị và thực phẩm tiện lợi và ngày càng mở rộng sang thị trường đồ uống. Doanh thu và lợi nhuận thuần đã gia tăng từ mức 571 tỷ đồng và 29 tỷ đồng vào năm 2006 lên 10.389 tỷ đồng và 2.850 tỷ đồng vào năm 2012, lần lượt thể hiện tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm là 62,2% và 115,0%.

Tầm nhìn của Masan Consumer là trở thành:

- Công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu Việt Nam xét về doanh số, lợi nhuận và sự nhận biết thương hiệu;
- Đáp ứng nhu cầu hàng ngày của 90 triệu người tiêu dùng Việt Nam;
- Điểm thu hút các nhân tài hàng đầu, và được công nhận là môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; và
- Biểu tượng của chất lượng và niềm tự hào của người Việt.



Dựa trên sự thành công trong ngành thực phẩm và đồ uống, chúng tôi muốn khai thác giá trị thương hiệu mạnh, mạng lưới phân phối rộng khắp toàn quốc và năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm để đa dạng hóa hoạt động sang những ngành hàng tiêu dùng nhanh khác. Theo chiến lược này, chúng tôi đã mua cổ phần chi phối ở công ty nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”) vào tháng 3 năm 2013, công ty nước khoáng trong nước đầu tiên của Việt Nam, để phục vụ cho tầm nhìn xâm nhập sâu hơn vào thị trường đồ uống. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã phát triển một lịch trình giới thiệu sản phẩm mới rất tiềm năng cho năm tiếp theo.

Thấu hiểu sâu sắc hành vi tiêu dùng của người Việt

Chúng tôi xác định các ngành hàng gia vị, mì ăn liền, cà phê hòa tan và nước đóng chai là nền tảng của hoạt động kinh doanh thực phẩm và đồ uống. Masan Consumer đang giữ vị thế số 1 trong thị trường gia vị Việt Nam, với những dòng sản phẩm hàng đầu trong ngành hàng nước mắm, nước tương, tương ớt, và ngành hàng cà phê hòa tan. Chúng tôi cũng giữ vị trí thứ hai trong thị trường mì ăn liền. Chính sự thấu hiểu sâu sắc hành vi tiêu dùng đã góp phần đem lại thành công hôm nay của chúng tôi. Trong mỗi phân khúc nêu trên, chúng tôi cũng xác định được một số xu hướng mới giúp chúng tôi tiếp tục tăng trưởng mạnh.

Nước mắm

Thị trường nước mắm Việt Nam có nhiều nhà sản xuất địa phương nhỏ không có thương hiệu với các sản phẩm thường được bán với giá rẻ tại các chợ. Khi thu nhập khả dụng của dân cư tiếp tục gia tăng, thị trường dự kiến sẽ chuyển sang tiêu thụ nước mắm có thương hiệu, đặc biệt là ở các khu vực đô thị. Chúng tôi tin rằng thị trường vẫn còn nhiều cơ hội để thâm nhập sâu hơn, vì mức tiêu thụ nước mắm bình quân đầu người ở Việt Nam còn thấp hơn các nước tiêu thụ nước mắm khác ở Đông Nam Á. Chúng tôi cũng nhận thấy nhu cầu dành cho sản phẩm có chất lượng ngày càng tăng lên sau một loạt vụ bê bối về an toàn thực phẩm gần đây. Ngoài ra, người tiêu dùng Việt Nam cũng bắt đầu sử dụng nước mắm theo phong cách mới và tìm kiếm các sản phẩm giá trị gia tăng mới như nước mắm pha sẵn.

Nước tương

Do tính phổ biến của nước mắm nên nước tương vẫn là một thị trường tương đối nhỏ tại Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường này đang mở rộng nhanh chóng và mức độ thâm nhập thị trường dự kiến sẽ tăng lên. Thị trường đang chuyển đổi từ những sản phẩm không thương hiệu sang các thương hiệu nổi tiếng và cao cấp, một phần là do sức mua được cải thiện và những quan ngại về an toàn sản phẩm. Năm 2007, thị trường bị tác động mạnh bởi sự kiện chất 3-MCPD gây ung thư được phát hiện trong nhiều sản phẩm nước tương ở phân khúc thấp và trung bình. Thương hiệu Chin-su và Tam Thái Tử của Masan là hai trong số ba thương hiệu nước tương đáp ứng được yêu cầu an toàn của chính phủ và đã nắm bắt được cơ hội để gia tăng thị phần đáng kể. Sự tăng trưởng của các kênh bán lẻ như siêu thị,

cửa hàng tiện lợi và các tiệm tạp hóa nhỏ ở các khu vực nông thôn sẽ cải thiện hệ thống phân phối các sản phẩm nước tương, giúp gia tăng khả năng tiếp cận khách hàng.

Tương ớt

Cho đến gần đây thì tương ớt vẫn chỉ được xem là gia vị chấm ở Việt Nam nhưng nó ngày càng được tiêu thụ như một loại gia vị hỗ trợ nấu ăn. Thị trường cũng đã có một số thay đổi trong thói quen tiêu dùng từ việc sử dụng ớt tươi chuyển sang sử dụng tương ớt có thương hiệu do sự phổ biến rộng rãi, nhu cầu tiện lợi gia tăng và mối quan ngại về an toàn thực phẩm. Hơn nữa, việc tương ớt được sử dụng trong các nhà hàng thức ăn nhanh như KFC, Lotteria, Pizza Hut cũng đã tác động đến hành vi tiêu dùng, thúc đẩy lượng tiêu thụ tương ớt tăng cao tương tự như ảnh hưởng của các hoạt động quảng cáo liên tục và bao bì bắt mắt. Sự xuất hiện của dòng sản phẩm tương ớt được bổ sung vitamin và những mùi vị mới dự kiến sẽ tiếp tục giành nhiều sự quan tâm của người tiêu dùng đối với tương ớt có thương hiệu.



Mì ăn liền

Sức tiêu thụ mì ăn liền bình quân đầu người hàng năm của Việt Nam ước tính cao thứ ba trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chỉ sau Hàn Quốc và Indonesia. Sự phổ biến của hình thức mì ly có thể sẽ gia tăng khi nhu cầu tiện lợi của giới trẻ Việt Nam ngày càng tăng. Người tiêu dùng cũng sẽ ngày càng chuyển sang các sản phẩm cao cấp với mức giá cao hơn, giúp tăng quy mô tổng thể thị trường. Để thay đổi quan niệm truyền thống cho rằng mì ăn liền là thức ăn vặt, các nhà sản xuất sẽ tiếp tục gia tăng sự đa dạng và hương vị của sản phẩm và tung ra những loại mì không dùng bột mì và có lợi hơn cho sức khỏe.

Cà phê

Tuy Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, nhưng lượng tiêu thụ cà phê bình quân đầu người vẫn thấp hơn nhiều so với các quốc gia trồng cà phê và thấp hơn các quốc gia khác trong khu vực. Tuy nhiên, sức tiêu thụ cà phê ở Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng, đặc biệt là cà phê hòa tan. Được thiết kế đặc biệt để đáp ứng nhu cầu tiện lợi của người tiêu dùng Việt Nam vốn ngày càng bận rộn, thị trường cà phê hòa tan đang tăng trưởng nhanh hơn so với thị trường cà phê pha và đang giành lấy thị phần từ cà phê pha trong 10 năm qua. Vào năm 2010, ngành hàng cà phê hòa tan đã chứng kiến sự tăng trưởng cả về khối lượng lẫn giá trị doanh số mạnh mẽ nhất trong ngành hàng cà phê. Khi thị trường cà phê hòa tan phát triển và sự cạnh tranh gia tăng, các công ty sẽ tập trung hơn vào tiếp thị, đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm. Kết quả là những sản phẩm mới với mùi vị mạnh hơn sẽ trở nên phổ biến và nâng cao sự quan tâm của người tiêu dùng.

Thị trường cà phê Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục phát triển nhờ mức độ thâm nhập thị trường gia tăng, sự hiện đại hóa của các kênh phân phối, sự sáng tạo trong thiết kế sản phẩm và những thay đổi trong hành vi tiêu dùng (quảng cáo tích cực và bao bì sáng tạo khiến người tiêu dùng thích uống cà phê hơn).

Đồ uống đóng chai

Ngành đồ uống đóng chai được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào sự gia tăng nhận thức về thương hiệu thông qua quảng cáo và truyền thông, mà tập trung lớn vào vấn đề sức khỏe, nhu cầu về sự tiện lợi do cuộc sống ngày càng bận rộn, cũng như sự xuất hiện ngày càng rộng rãi của đồ uống đóng chai trong các kênh phân phối. Ngày càng có thêm nhiều người tiêu dùng chuyển đổi từ nước nấu sôi sang nước đóng chai, từ đồ uống không có thương hiệu sang đồ uống đóng chai có thương hiệu. Năng lực xây dựng thương hiệu cũng như khả năng cung cấp những sản phẩm đồ uống có khẩu vị phù hợp với người tiêu dùng trong nước sẽ trở thành những yếu tố then chốt trong quá trình cạnh tranh giành thị phần giữa các công ty trên thị trường ngày càng mở rộng này.

Theo Euromonitor, thị trường nước đóng chai và nước giải khát¹ đóng chai được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với tốc độ 20% mỗi năm trong giai đoạn từ 2011 đến 2015.

Với danh mục nhãn hiệu và sản phẩm nổi bật của mình, Vĩnh Hảo trở thành mảnh ghép rất quan trọng giúp Masan Consumer tiếp tục xâm nhập vào thị trường đồ uống đóng chai ở Việt Nam.



1. Nước giải khát bao gồm nước ngọt có ga, nước ép trái cây và nước trà đóng chai.

Trọng tâm của chúng tôi

Chúng tôi tập trung vào các ngành hàng thực phẩm và đồ uống có quy mô lớn và tiềm năng thị trường phải đạt ít nhất là 500 triệu đô la Mỹ. Đặc biệt, chúng tôi nhắm đến những ngành hàng có thể cạnh tranh bằng sự khác biệt nhờ vào khẩu vị địa phương và xây dựng thương hiệu. Điều này cho phép chúng tôi sử dụng nền tảng hoạt động kinh doanh của mình để củng cố thị phần và tạo ra lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường, tương tự như những gì mà chúng tôi đã đạt được trong các phân khúc gia vị và thực phẩm tiện lợi.

Thêm vào đó, đội ngũ quản lý của chúng tôi tập trung vào việc không ngừng thay đổi các động lực thị trường của ngành hàng tiêu dùng nhanh ở Việt Nam. Nỗ lực này bao gồm việc thúc đẩy người tiêu dùng đến với các nhãn hiệu cao cấp và thay đổi hành vi của người tiêu dùng để gia tăng mức tiêu thụ bình quân trong các ngành hàng tiêu dùng nhanh chính yếu. Nói một cách cô đọng, chúng tôi chuyên tâm phục vụ 90 triệu người tiêu dùng Việt Nam bằng cách cung cấp các sản phẩm an toàn, sáng tạo và tốt cho sức khỏe.

NGÀNH THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG CỦA VIỆT NAM

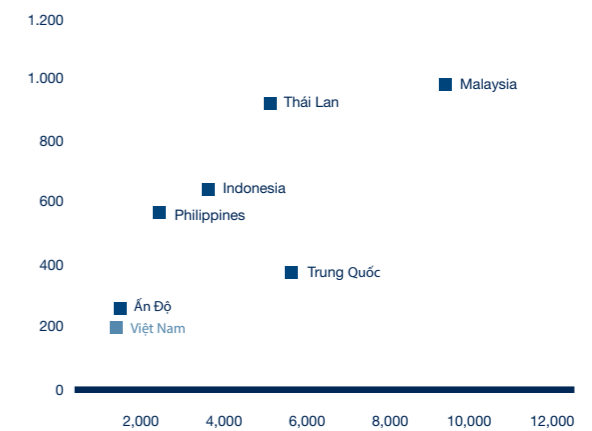
Thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện đã thúc đẩy ngành hàng tiêu dùng ở Việt Nam, vốn đã là nguồn tăng trưởng vững chắc bất chấp sự chao đảo kinh tế trên thế giới trong những năm gần đây. AC Nielsen xếp hạng Việt Nam là nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất châu Á trong lĩnh vực hàng tiêu dùng năm 2012 với tốc độ 23%, so với Ấn Độ 18% và Trung Quốc 13%. Nhu cầu tiêu dùng trong nước được kỳ vọng sẽ tiếp tục được thúc đẩy nhờ tác động kết hợp của các yếu tố nhân khẩu học thuận lợi, sự đô thị hóa mở rộng, mức gia tăng thu nhập khả dụng và tỷ lệ tiêu dùng.

Việt Nam có dân số đông thứ ba ở khu vực Đông Nam Á, với gần 70% dân số thuộc độ tuổi lao động (15-60 tuổi). Đặc điểm nhân khẩu học của Việt Nam tạo ra một cơ hội lý tưởng để gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong nước và được kỳ vọng sẽ tiếp tục kéo dài trong 30 năm tới. Những xu hướng khác gắn liền với những đặc điểm nhân khẩu học thực tế này có thể dẫn đến những thay đổi về mặt cấu trúc trong thị trường hàng tiêu dùng, chẳng hạn như nhu cầu lớn hơn về thực phẩm tiện lợi, sự chú trọng cao hơn vào các khía cạnh chất lượng và an toàn sức

khỏe của sản phẩm, sự hợp nhất trong hoạt động kinh doanh, và sở thích cao hơn dành cho các sản phẩm có thương hiệu, cùng nhu cầu dành cho các sản phẩm mới.

Ngành thực phẩm và đồ uống là một lĩnh vực trọng điểm vì nền tảng của nó được củng cố bởi mức sống ngày càng tăng của các gia đình người Việt và mức độ xâm nhập thị trường còn thấp so với các nước châu Á – Thái Bình Dương khác. Chi tiêu cho thực phẩm tiện lợi và đồ uống bình quân đầu người ở Việt Nam vẫn còn tương đối thấp so với các thị trường mới nổi tương đương, mang lại tiềm năng tăng trưởng mạnh cho thị trường. Theo Euromonitor, chi tiêu bình quân đầu người cho thực phẩm và đồ uống không còn được kỳ vọng tăng trưởng ở mức 7% hàng năm trong giai đoạn từ 2012 đến 2016, đạt 276 đô la Mỹ vào năm 2016. Sự tăng trưởng trong tương lai dự kiến sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ sự thay đổi không ngừng trong phong cách tiêu dùng đô thị khi người tiêu dùng ngày càng xem trọng sự tiện lợi, an toàn và sức khỏe. Ngoài ra, mức tiêu dùng ngày càng tăng của các sản phẩm hàng tiêu dùng nhanh có thương hiệu ở vùng nông thôn Việt Nam sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng thị trường khi người tiêu dùng ở vùng nông thôn dễ dàng tiếp cận sản phẩm hơn và mặt bằng thu nhập khả dụng tăng lên.

CHI TIÊU BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CHO THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG KHÔNG CÒN NĂM 2011 (ĐÔ LA MỸ)



GDP BÌNH QUÂN TRÊN ĐẦU NGƯỜI (ĐÔ LA MỸ)

Nguồn: Euromonitor, Bain.

THÀNH TÍCH TRONG NĂM 2012

Doanh nghiệp

Trong năm 2012, Masan Consumer tiếp tục thực thi quá trình chuyển đổi nền tảng kinh doanh thực phẩm dẫn đầu thị trường thành một nền tảng kinh doanh hàng tiêu dùng nhanh qua việc sáp nhập Vinacafe. Cụ thể, chúng tôi đã kết hợp với Vinacafe triển khai hai sản phẩm có thương hiệu là Wake Up và Kachi thông qua hệ thống phân phối của Masan Consumer. Kết quả là hệ thống phân phối của Vinacafe đã mở rộng từ 32 nhà phân phối và 93 đại lý bán hàng lên 181 nhà phân phối và 176.000 điểm bán hàng như hiện nay. Nhờ mở rộng tầm tiếp cận thị trường, Vinacafe đã đạt được kết quả kỷ lục vào cuối năm 2012 với doanh thu đạt 2.115 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 298 tỷ đồng. Với mục tiêu mở rộng sự xâm nhập vào thị trường đồ uống, chúng tôi đã chi khoảng 171 tỉ đồng để mua lại 24,9% cổ phần của công ty Nước khoáng Vĩnh Hảo, đây là một công ty sản xuất đồ uống đóng chai với thương hiệu nước khoáng nổi tiếng trên thị trường. Chúng tôi có kế hoạch hợp nhất Vĩnh Hảo nhằm tạo ra giá trị vận hành gia tăng đáng kể, hướng tới tầm nhìn đưa Vĩnh Hảo trở thành một công ty đồ uống đóng chai hàng đầu trên thị trường.

Chúng tôi cũng tiếp tục củng cố quan hệ đối tác với KKR. Công ty này đã mua thêm 8,7% cổ phần của Masan Consumer thông qua một giao dịch mua cổ phiếu phát hành mới và đang lưu hành trị giá 200 triệu đô la Mỹ. Khoản đầu tư tăng thêm này minh chứng cho năng lực của Masan Consumer trong việc đa dạng hóa có trọng điểm nền tảng hoạt động nhằm phục vụ cho nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng Việt.

Công ty Nước khoáng Vĩnh Hảo

Trải qua lịch sử hoạt động hơn 80 năm của mình, thương hiệu nước khoáng lâu đời nhất Việt Nam, Vĩnh Hảo, luôn được tin dùng và trở thành một trong những nhãn hiệu được nhận biết rộng rãi nhất trong tâm trí của người tiêu dùng Việt. Vào năm 1928, các nhà khoa học người Pháp đã phát hiện ra suối khoáng Vĩnh Hảo ở tỉnh Bình Thuận và đi đến sự so sánh tương đồng về chất lượng nước so với thương hiệu nước khoáng nổi tiếng toàn cầu Vichy.



Hiện nay, Vĩnh Hảo đã xây dựng được một danh mục sản phẩm tiêu dùng khá đa dạng, bao gồm các nước khoáng có ga, nước khoáng không có ga, nước tinh khiết, nước giải khát khoáng chất. Vĩnh Hảo hiện đang phân phối sản phẩm của mình thông qua 40 đại lý và gần 25.000 điểm bán lẻ chủ yếu ở miền Nam và miền Trung Việt Nam. Hưởng lợi thế từ hệ thống phân phối rộng khắp của Masan Consumer, thương hiệu và uy tín của Vĩnh Hảo được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian sắp tới.

Sản phẩm và nhãn hiệu mới

Trong năm 2012, Masan Consumer đã phát triển thành công một số sản phẩm mới và tung ra những thương hiệu mới để tiếp tục tăng thị phần. Tận dụng sự thành công của Omachi – thương hiệu nắm giữ 48% thị phần trong phân khúc mì ăn liền cao cấp, chúng tôi đã tung nhãn hàng Kokomi dành cho phân khúc phổ thông, và đã chiếm lĩnh được 19% thị phần bán lẻ trong phân khúc mì phổ thông.

Chúng tôi cũng đã thực hiện thành công chiến lược củng cố thương hiệu của mình với hoạt động giới thiệu nhãn hàng nước mắm Chin-su Nam Ngư nhằm mục đích nâng cấp người sử dụng sản phẩm Nam Ngư lên dòng nhãn hàng Chin-su cao cấp hơn.

Ở Vinacafe, Masan hợp tác tung ra sản phẩm với thương hiệu mới trong ngành hàng cà phê hòa tan và ngũ cốc dinh dưỡng, lần lượt là Wake Up và Kachi. Chúng tôi giới thiệu hai dòng sản phẩm mang nhãn hiệu Wake Up là “Wake Up Sài Gòn” và “Wake Up hương chồn” để phục vụ cho khẩu vị tiêu dùng ở các vùng miền khác nhau. Kachi giúp chúng tôi củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành hàng ngũ cốc dinh dưỡng. Với sự đóng góp của bộ phận nghiên cứu và phát triển của Masan Consumer, chúng tôi cũng đã nâng cấp thương hiệu lâu đời của Vinacafe để duy trì giá trị thương hiệu cao cấp của nó thông qua việc thay đổi và cải tiến công thức lẫn bao bì, và cả chất lượng sản phẩm.

Mạng lưới phân phối

Chúng tôi tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối trong năm 2012. Chúng tôi đã phát triển một mạng lưới phân phối toàn quốc, bao gồm hơn 176.000 điểm bán hàng tại tất cả 64 tỉnh thành của Việt Nam. Mạng lưới phân phối của chúng tôi bao gồm tất cả các kênh hiện đại chủ yếu như siêu thị và các cửa hàng tiện lợi, cũng như các cửa hàng tạp hóa. Cuối năm 2012, chúng tôi đã thiết lập quan hệ phân phối độc quyền với 200 nhà phân phối và hơn 2.000 nhân viên bán hàng trên khắp Việt Nam. Để hỗ trợ các nhà phân phối, chúng tôi trao cho họ sự độc quyền theo khu vực địa lý và kết hợp chặt chẽ với họ để đảm bảo hiệu quả của lực lượng bán hàng.

Chúng tôi đang vận hành 5 trung tâm phân phối có vị trí chiến lược ở Bình Dương, Tân Bình, Đà Nẵng, Hưng Yên và Hải Dương để giao hàng cho các nhà phân phối trong vòng 24 giờ sau khi nhận đơn đặt hàng. Các trung tâm phân phối này xử lý tổng cộng hơn 800.000 palet hàng trong năm 2012.

Sản xuất

Bao gồm cả nhà máy của Vinacafe, chúng tôi hiện đang vận hành 6 nhà máy ở Bình Dương, Tân Bình, Phú Quốc, Hải Dương, Biên Hòa và Long Thành. Những nhà máy này được tổ chức với đẳng cấp thế giới, cho phép chúng tôi sản xuất ra những sản phẩm có hương vị và chất lượng ổn định, đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn.

Trong năm 2012, Masan Consumer đã hoàn thành giai đoạn đầu trong dự án nâng cấp và mở rộng nhà máy ở Bình Dương. Cụ thể, chúng tôi đã triển khai xong ba dây chuyền sản xuất nước

mắm hoàn toàn tự động đầu tiên trên thế giới với tổng công suất 25 triệu lít mỗi tháng. Hơn nữa, nhà máy này giờ đây đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn GMP và HACCP.

Trong năm 2013, chúng tôi dự kiến sẽ hoàn thành dự án mở rộng nhà máy sản xuất mì ăn liền, nhờ đó sẽ tăng công suất sản xuất thêm 60 triệu gói mì mỗi tháng. Đồng thời, nhà máy mới vô cùng hiện đại của Vinacafe ở Long Thành dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động trong quý 2 năm 2013. Nhà máy này được trang bị những dây chuyền chế biến hoàn toàn tự động với chất lượng quốc tế. Khi đi vào sản xuất hoàn chỉnh, nhà máy mới có thể nâng công suất sản xuất cà phê hòa tan của Vinacafe lên gấp 2,5 lần.

Những gương mặt mới

Để củng cố đội ngũ quản lý, Masan Consumer đã tuyển dụng Giám đốc Điều hành cao cấp (COO) với hơn 30 năm kinh nghiệm về Chuỗi cung ứng tích hợp và Quản trị điều hành cùng với Giám đốc Marketing cao cấp với hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý thương hiệu trong nhiều ngành hàng và nhiều thương hiệu khác nhau. Để hỗ trợ chiến lược xâm nhập ngành đồ uống, Masan Consumer đã tuyển dụng Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển và Chuỗi cung ứng dành riêng cho mảng đồ uống của mình.

Xin xem phần Đội ngũ quản lý để biết thêm chi tiết về họ.

Giải thưởng

Trong năm 2012, Masan Consumer và thương hiệu mì Omachi đã nhận được các giải thưởng “Thương hiệu vàng” và “Logo và Slogan ấn tượng” của Bộ Công Thương. Nước mắm Chin-su Nam Ngư được tạp chí Sở hữu Trí tuệ và Sáng tạo (Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam) trao giải “Sản phẩm tin cậy” và “Nhãn hàng ưa dùng”.

Vinacafe được bình chọn vào nhóm “50 công ty hoạt động hiệu quả nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2012” do tạp chí Nhịp cầu đầu tư và công ty chứng khoán Thiên Việt tổ chức, và danh hiệu “10 thương hiệu mạnh nhất trong năm 2012” do tạp chí Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Chúng tôi tự hào có một đội ngũ quản lý cấp cao với nhiều kinh nghiệm trong ngành hàng tiêu dùng cũng như am hiểu sâu sắc về thị hiếu, khẩu vị, điều kiện và thông lệ của thị trường trong nước. Masan Consumer có thể đạt được sự kết hợp độc đáo giữa nền tảng hiểu biết địa phương và chuyên môn ngành nhờ tuyển dụng được những nhân sự tài giỏi nhất nước với kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các công ty hàng tiêu dùng đa quốc gia hàng đầu.

Trương Công Thắng

Tổng Giám đốc Điều hành

Ông Trương Công Thắng có hơn 16 năm kinh nghiệm trong ngành hàng tiêu dùng, trong đó có 6 năm làm Giám đốc Tiếp thị cho Procter & Gamble Vietnam và đã thành công trong việc tung ra một số thương hiệu toàn cầu tại thị trường Việt Nam. Ông Thắng tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Việt Nam.

Jeremy R. Clarke

Giám đốc Điều hành cao cấp

Ông Jeremy có hơn 30 năm kinh nghiệm về Chuỗi cung ứng tích hợp và Quản trị vận hành. Trước khi gia nhập Masan Consumer, ông Jeremy nắm giữ nhiều vị trí cao cấp tại Procter & Gamble (Canada, Mã Lai, Singapore và Philippines), John Hardy International (Indonesia), Cadbury/ Kraft Foods (Singapore, Thái Lan). Ông tốt nghiệp trường Đại học Waterloo, Canada.

Deepak Gulati

Giám đốc Marketing cao cấp

Ông Deepak có hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý thương hiệu trong nhiều ngành hàng và nhiều thương hiệu khác nhau. Trước khi gia nhập Masan Consumer, ông Deepak nắm giữ nhiều vị trí cao cấp tại Procter & Gamble, Nokia, và Phillip Morris International, công tác ở nhiều nước khác nhau như Ấn Độ, Nhật Bản, Singapore, Nigeria, Hong Kong và Indonesia. Ông tốt nghiệp Viện Quản lý Ấn Độ ở Bangalore.

Phạm Hồng Sơn

Phó Tổng Giám đốc cao cấp, Phát triển kinh doanh

Ông Sơn có hơn 10 năm kinh nghiệm về sản xuất tại Masan Consumer. Trước đây ông từng là giảng viên tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Ông nhận bằng Tiến sĩ Kỹ thuật từ Đại học Kansai, Nhật Bản.

Phạm Đình Toại

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính

Ông Toại có hơn 20 năm kinh nghiệm về tài chính trước khi gia nhập Masan Consumer. Trước đây, ông từng là Giám đốc Kế toán Tài chính của Unilever, Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Kế toán Tài chính và Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM, Việt Nam.

Nguyễn Tuấn Việt

Giám đốc Marketing

Ông Việt có khoảng 10 năm kinh nghiệm làm việc cho Unilever Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp. HCM, Việt Nam.

Ngô Văn Phước

Giám đốc Kinh doanh Toàn quốc

Ông Phước có hơn 17 năm kinh nghiệm trong ngành bán lẻ ở các công ty đa quốc gia như Unilever, Nestle và Kimberly Clark. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM, Việt Nam.

Phan Quang Khang

Giám đốc kênh bán hàng truyền thống toàn quốc

Ông Khang có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành bán lẻ ở các công ty đa quốc gia như Nestle và Kimberly Clark. Ông tốt nghiệp Đại học Cần Thơ.

Lê Thị Nga

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Nghiên cứu và

Phát triển (Ngành hàng Thực phẩm)

Bà Nga có hơn 20 năm kinh nghiệm trong khoa học nghiên cứu thực phẩm. Bà tốt nghiệp Đại học Công nghệ thực phẩm Moscow, Nga.

Naveen Kumar

Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển (Ngành hàng Đồ uống)

Ông Naveen có hơn 13 năm kinh nghiệm về nghiên cứu và phát triển trong cả mảng thực phẩm và đồ uống. Trước khi gia nhập Masan Consumer, ông Naveen nắm giữ nhiều vị trí cao cấp tại Pepsico và Dabur ở Ấn Độ, và Group Danone ở Ả Rập Saudi. Ông tốt nghiệp Đại học G.B.P.U.A&T, Pantnagar và S.G.I.D.T., Patna, Ấn Độ.

Vũ Quốc Tuấn

Giám đốc Chuỗi cung ứng tích hợp (Ngành hàng Thực phẩm)

Ông Tuấn có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý sản xuất và chuỗi cung ứng ở Unilever Việt Nam và Malaysia và Kimberly Clark Nam Á. Ông tốt nghiệp trường Đại học Bách khoa Bratislava, Slovakia và nhận bằng Thạc sĩ từ Viện Công nghệ Châu Á tại Bangkok, Thái Lan.

Peter R. Booth

Giám đốc Chuỗi cung ứng tích hợp (Ngành hàng Đồ uống)

Ông Peter có hơn 22 năm kinh nghiệm về quản lý chuỗi cung ứng, với 17 năm tại Kraft Foods ở Canada và Mỹ và 5 năm trong ngành thực phẩm và đồ uống ở Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Northwestern University, Chicago, Mỹ và Đại học British Columbia, Vancouver, Canada.

Nguyễn Thị Thu Hà

Giám đốc Kế hoạch & Kho vận

Bà Hà có hơn 14 năm kinh nghiệm quản lý chuỗi cung ứng tại Unilever, Effem Foods, Novartis Pharma và Procter & Gamble. Bà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Việt Nam.

ĐỐI TÁC

KKR

Được thành lập vào năm 1976, Kohlberg Kravis Roberts (KKR) là công ty quản lý tài sản thay thế hàng đầu thế giới. KKR tài trợ và quản lý các quỹ tiến hành đầu tư vào vốn cổ phần tư nhân, trái phiếu và các loại hình tài sản khác ở Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á và Trung Đông. Trong suốt lịch sử của mình, KKR luôn áp dụng triết lý đầu tư dài hạn, hợp tác trong mối quan hệ đối tác với đội ngũ quản lý của các công ty mà mình đầu tư và chú trọng đầu tư để tạo lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng trong tương lai. KKR có văn phòng ở New York, Menlo Park, San Francisco, Houston, Washington D.C., London, Paris, Hong Kong, Bắc Kinh, Tokyo, Seoul, Sydney, Mumbai và Dubai.

House Foods

Được thành lập vào năm 1913 và niêm yết trên cả hai Sở Giao dịch chứng khoán Tokyo và Osaka từ năm 1971. Danh mục sản phẩm của House Foods bao gồm cà ri, gia vị, thực phẩm đóng gói, thực phẩm nấu sẵn, đồ uống, đồ ăn nhẹ và các sản phẩm khác. Công ty có văn phòng, cơ sở sản xuất và trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm ở Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Anh và Mỹ.

MASAN RESOURCES

Masan Resources là một trong những công ty tài nguyên lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam và hiện đang phát triển dự án mỏ đa kim Núi Pháo mang đẳng cấp thế giới ở miền Bắc. Núi Pháo sẽ trở thành nhà sản xuất vonfram, florit và bismut tầm cỡ thế giới. Đây là những loại khoáng sản công nghiệp đặc biệt có tiềm năng đủ lớn để tạo nên một công ty dẫn đầu trong khu vực kinh tế tư nhân.

Sau dự án đầu tàu Núi Pháo, chúng tôi đặt mục tiêu phát triển và thăm dò các dự án khác để trở thành công ty tài nguyên hàng đầu thuộc khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam.

“Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng”



GIẢI THƯỞNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRAO TẶNG

NHÀ SẢN XUẤT KIM LOẠI VÀ KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP TẦM CỠ THẾ GIỚI



VONFRAM



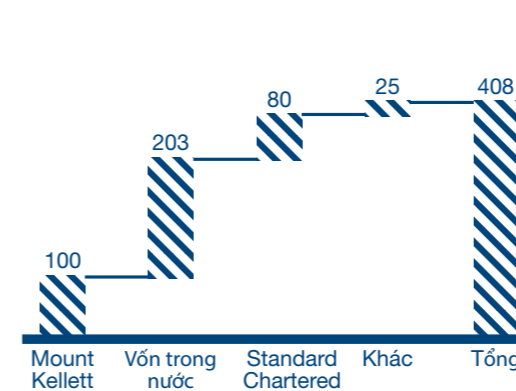
BISMUT



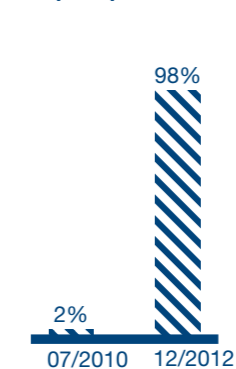
FLORIT

Lưu ý: Tại giai đoạn sản xuất ổn định, Núi Pháo sẽ trở thành nhà cung cấp vonfram và bismut đơn lẻ lớn nhất ngoài Trung Quốc và nhà cung cấp florit đơn lẻ đứng thứ hai thế giới ngoài Trung Quốc.

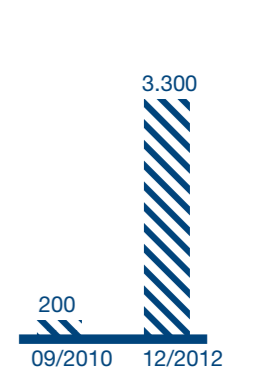
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG TỪ ĐỐI TÁC THỨ 3²



HIỆN TRẠNG THU HỒI TRÊN THỰC ĐỊA³



NHÂN SỰ CỦA DỰ ÁN¹



1. Chúng tôi đã tạo ra gần 800 công ăn việc làm cho người dân Thái Nguyên.
2. Nguồn vốn huy động tính bằng đơn vị triệu đô la Mỹ.
3. Diện tích đất này, loại trừ Khu vực 6, là vùng đệm chưa cần đến trong 5 năm sau kể từ ngày dự án bắt đầu vận hành.

MASAN RESOURCES

Masan Resources hướng đến mục tiêu trở thành công ty tài nguyên hàng đầu khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam thông qua hoạt động thăm dò và phát triển các dự án có quy mô lớn. Việt Nam được ưu đãi với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng với nhiều loại khoáng chất và kim loại. Những nguồn tài nguyên này phần lớn chưa được phát triển, nằm ngoài sở hữu nhà nước và thị trường rất phân tán. Chúng tôi tin rằng với đội ngũ quản lý dày dặn kinh nghiệm, năng lực tiếp cận và kết nối địa phương, khả năng thực thi mạnh mẽ cùng sự hợp tác của các đối tác quốc tế và khả năng huy động vốn của mình, chúng tôi đã phát triển được nền tảng phù hợp để phát triển ngành và xây dựng Masan Resources thành công ty khai thác khoáng sản hàng đầu tại Việt Nam.

Dự án Núi Pháo - dự án đầu tàu của chúng tôi hiện đang được triển khai phát triển đúng tiến độ để bắt đầu vận hành trong nửa đầu năm 2013. Trọng tâm hiện tại của chúng tôi là bắt đầu sản xuất và bán các sản phẩm từ nhà máy và đạt được tình trạng sản xuất ổn định. Núi Pháo sẽ trở thành một trong những nhà sản xuất vonfram, florit và bismut lớn nhất thế giới và mang lại nguồn tiền mặt giúp phát triển Masan Resources.

CHIẾN LƯỢC

Chiến lược thực thi xây dựng nền tảng kinh doanh của Masan Resources tập trung vào 3 lĩnh vực chính: có kiến thức và hiểu biết về địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển dự án, sử dụng lợi thế tiếp cận nguồn vốn và dòng tiền để mua lại và phát triển những dự án có chất lượng, và giảm thiểu rủi ro của các dự án thông qua nền tảng Masan.

Masan Resources tin rằng với vốn hiểu biết tốt về những mối quan tâm và những vấn đề nhạy cảm của cộng đồng là điều kiện quan trọng để thực hiện dự án thành công. Bằng việc chủ động làm việc với cộng đồng địa phương, Masan đã có thể tạo được một môi trường hoạt động kinh doanh thuận lợi để phát triển dự án Núi Pháo và đạt được sự ủng hộ nhiệt tình từ các bên hữu quan và điều đó đã giúp chúng tôi đẩy nhanh tiến độ dự án.

Chúng tôi cũng có kế hoạch tiếp cận nguồn vốn và dòng tiền để mua lại và phát triển những dự án có tiềm năng cao. Masan Resources tin tưởng vào chiến lược bổ sung nguồn vốn cần

thiết để không những hoàn thành việc phát triển các dự án đang triển khai, mà còn gia tăng quy mô hoạt động nhằm tối ưu hóa năng suất vận hành về lâu dài.

Masan Resources sẽ tập trung giảm thiểu rủi ro vĩ mô bằng phương pháp phòng vệ tự nhiên trước các biến động giá cả hàng hóa thông qua rổ hàng hóa kim loại và khoáng sản đa dạng của mình. Rủi ro tài chính nằm ở mức thấp nhờ khả năng tiếp cận dòng vốn dồi dào và quan hệ nhà đầu tư của Masan Group; trong khi rủi ro vận hành sẽ được hạn chế nhờ năng lực tiếp cận đối tác thương mại, khách hàng và khả năng quản trị chuyên nghiệp của Masan Group.

Đạt được tiêu chuẩn quốc tế

Masan Resources cam kết nỗ lực tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế khi chúng tôi phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh. Chúng tôi đã tập hợp một đội ngũ chuyên gia đẳng cấp thế giới giàu kinh nghiệm trên quốc tế và trong khu vực, với khao khát xây dựng Masan Resources thành công ty tài nguyên hàng đầu Việt Nam. Các đối tác Jacobs Engineering Group, Cube Consulting và Golder Associates đang hỗ trợ chúng tôi hiện thực hóa tầm nhìn này.

Chúng tôi quan tâm sâu sắc đến tác động của các dự án đối với môi trường và cộng đồng xung quanh. Do đó, chúng tôi xây dựng các kế hoạch hành động vì xã hội và môi trường tuân theo các Nguyên tắc xích đạo, "Tiêu chuẩn vàng" về sự bền vững của xã hội và môi trường dành cho các dự án khai khoáng, để giảm thiểu bất kỳ tác động bất lợi nào từ các dự án của mình và cũng để gia tăng giá trị cho các cộng đồng xung quanh. Kết quả của những nỗ lực và gắn kết cộng đồng là đầu năm 2013 chúng tôi nhận được giải thưởng "Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng" từ Bộ kế hoạch và đầu tư.

Tính đến cuối năm 2012, dự án Núi Pháo đã đầu tư hơn 60 triệu đô la Mỹ vào cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng bởi dự án, không chỉ dành cho công tác đền bù và giải tỏa, mà còn cho nhiều hoạt động phục hồi kinh tế đa dạng khác cho cộng đồng. Đến hôm nay, chúng tôi đã cung cấp hỗ trợ phục hồi kinh tế cho hơn 3.000 người bị ảnh hưởng thông qua các phương tiện như đào tạo nghề chuyển đổi, tuyển dụng vào dự án Núi Pháo và liên kết với các nhà đầu tư quốc tế nhằm cung cấp các cơ hội việc làm cho người dân.



NGÀNH TÀI NGUYÊN CỦA VIỆT NAM

Chúng tôi tin rằng tài nguyên là một trong những ngành cốt lõi đại diện cho giá trị Việt Nam. Ngành tài nguyên vốn kém phát triển và bị phân mảnh sẽ mang lại cơ hội để một công ty thuộc khối kinh tế tư nhân địa phương có thể đạt được quy mô lớn và phát triển vị thế dẫn đầu thị trường. Việt Nam được ưu đãi với những trữ lượng kim loại và khoáng chất lớn, trong đó có quặng bô-xít, đất hiếm, vonfram, titan, photphát, than đá và sắt. Tuy nhiên, ngoại trừ than đá, phần lớn các dự án khai thác hiện tại trong nước có quy mô nhỏ, thể hiện một cơ hội đầy tiềm năng để phát triển trên quy mô lớn hơn.

Dự án Núi Pháo phù hợp với các tiêu chí lựa chọn đầu tư của Masan vì dự án này sẽ trở thành một đơn vị sản xuất vonfram, florit và bismut tầm cỡ thế giới. Đây là những loại khoáng sản công nghiệp đặc biệt có tiềm năng đủ lớn để tạo nên một công ty dẫn đầu thuộc khu vực kinh tế tư nhân có khả năng tạo ra dòng tiền và phát triển ngành.

NHỮNG LĨNH VỰC TRỌNG YẾU ĐẶT NỀN MÓNG CHO KẾT QUẢ VƯỢT TRỘI HỒM NAY

Lợi thế chiến lược của dự án Núi Pháo

Núi Pháo là nền tảng lý tưởng để xây dựng Masan Resources thành công ty tài nguyên hàng đầu thuộc khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam.

Tài sản độc đáo có quy mô lớn

Núi Pháo là một mỏ khoáng sản độc đáo với trữ lượng vonfram, florit và bismut lớn nhất thế giới, ngoài ra còn có đồng.

Hàng hóa phù hợp

Nguồn doanh thu đa dạng mang lại sự ổn định cho dự án trong một môi trường hàng hóa nhiều biến động. Ngoài ra, với sự tập trung nguồn cung vonfram, florit và bismut, cùng với triển vọng của kim loại đồng gắn liền với sự tăng trưởng của các thị trường mới nổi, một tương lai đầy hứa hẹn về giá cả của các loại hàng hóa này đang mở ra rất thuận lợi.

Chi phí vận hành thấp

Được khai thác theo hình thức lộ thiên với tỷ lệ bóc đất thấp, dự án Núi Pháo sẽ trở thành một trong những đơn vị sản xuất vonfram có chi phí thấp nhất trên thế giới. Dự án sẽ sản xuất APT, tinh quặng florit cấp axit, bismut và đồng. Các sản phẩm sẽ được tách khỏi quặng sử dụng kết hợp các quy trình tuyển nổi và tuyển trọng lực thông thường.

Cơ sở hạ tầng sẵn có

Dự án nằm trên diện tích 9,21 km² ở huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên, chỉ cách thủ đô Hà Nội khoảng 80 km, cách cảng Hải Phòng khoảng 180 km và cách cảng Quảng Ninh khoảng 240 km. Cơ sở hạ tầng cơ bản như đường bộ, đường sắt, nguồn điện và nước đều có sẵn, giúp rút ngắn thời gian phát triển dự án.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản

Trữ lượng đẳng cấp thế giới

Núi Pháo là một trong những mỏ vonfram đã được nhận diện lớn nhất thế giới bên ngoài Trung Quốc với 52,5 triệu tấn quặng có chứa WO₃ (vonfram triôxit) phẩm cấp 0,21%. Khi đi vào sản xuất, Núi Pháo sẽ trở thành đơn vị sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc và là một trong những đơn vị sản xuất florit cấp axit và bismut lớn nhất thế giới. Vùng này có tiềm năng thăm dò bổ sung để kéo dài thêm vòng đời khai thác của mỏ hiện tại đang ở mức 16 năm.

TÀI NGUYÊN MỎ NÚI PHÁO¹

Phân loại	Tấn	WO ₃ %	CaF ₂ %	Bi %	Cu %	Au g/t
Đã xác định	25.450.000	0,27	8,70	0,12	0,26	0,28
Chỉ thị	39.560.000	0,16	8,30	0,06	0,14	0,15
Tổng tài nguyên đã xác định + chỉ thị	65.010.000	0,20	8,40	0,09	0,19	0,20
Suy đoán	32.400.000	0,15	6,40	0,07	0,17	0,14

Nguồn: Bảng ước tính tài nguyên khoáng sản nêu trên được lập theo hướng dẫn của ông Chris Black đến từ công ty Cube Consulting. Ông có đủ điều kiện để thực hiện công tác này theo quy định trong ấn bản năm 2004 của "Bộ luật báo cáo kết quả thăm dò, tài nguyên khoáng sản và trữ lượng quặng của Úc" (gọi tắt là "Bộ luật JORC"). Ước tính trữ lượng khoáng sản này được biên soạn tuân thủ theo quy định của Bộ luật JORC.

TRỮ LƯỢNG MỎ NÚI PHÁO²

Phân loại	Tấn	WO ₃ %	CaF ₂ %	Bi %	Cu %	Au g/t
Đã chứng minh	25.200.000	0,26	8,31	0,12	0,25	0,27
Tiềm năng	27.350.000	0,17	7,71	0,08	0,17	0,18
Tổng trữ lượng đã chứng minh + tiềm năng	52.540.000	0,21	8,00	0,10	0,21	0,22

Nguồn: Bảng ước tính trữ lượng quặng nêu trên được lập theo hướng dẫn của ông Quinton de Klerk đến từ công ty Cube Consulting. Ông có đủ điều kiện để thực hiện công tác này theo quy định trong ấn bản năm 2004 của "Bộ luật báo cáo kết quả thăm dò, tài nguyên khoáng sản và trữ lượng quặng của Úc" (gọi tắt là "Bộ luật JORC"). Ước tính trữ lượng khoáng sản này được biên soạn tuân thủ theo quy định của Bộ luật JORC.

1. Vào tháng 9/2011, hàm lượng biên tương đương 0,1% WO₃.
2. Vào tháng 11/2011, hàm lượng biên tương đương 0,1% WO₃.

THÀNH TÍCH TRONG NĂM 2012

Kể từ khi mua lại dự án Núi Pháo, Masan Group đã tăng tốc quá trình phát triển dự án bằng cách đưa vào sự kết hợp đồng bộ giữa các nhân tài địa phương và quốc tế, khả năng tiếp cận nguồn vốn và quan hệ với các bên hữu quan của dự án. Vào ngày lập Báo cáo Thường niên này, nhà máy chế biến khoáng sản Núi Pháo chỉ còn vài tuần nữa là bắt đầu đi vào sản xuất thương mại, đưa dự án đến đích thành công.

Thiết kế

Masan Resources đã ký hợp đồng với Jacobs Engineering từ năm 2011 để cung cấp dịch vụ thiết kế kỹ thuật và mua sắm, và đã gần hoàn thành phạm vi công việc cho dự án.

Xây dựng

Trong năm 2012, đội ngũ quản lý đã tập trung để đảm bảo tiến độ hoàn thành dự án Núi Pháo đúng hạn, dựa trên nền móng đã thiết lập trong năm 2010 và 2011. Những thành tích trong năm 2012 gồm có:

- Chỉ định nhà thầu và khởi công các công tác cấu trúc, cơ khí và đường ống, cũng như các gói thầu về điện và thiết bị điều khiển cho giai đoạn sau cùng trong các công tác của dự án;
- Hoàn thành khối lượng đáng kể các công tác bê tông, công tác thép kết cấu và lắp đặt thiết bị;
- Hoàn thành những tiện ích chính cho dự án với việc vận hành thử hệ thống cấp điện cho dự án và khởi động hệ thống dẫn nước từ sông Công; và
- Bắt đầu quá trình chuyển đổi từ xây dựng sang vận hành với việc chuyển giao đập chứa đuôi quặng và vận hành chu trình lắng.

Đền bù và tái định cư

Tính đến tháng 12/2012, hơn 98% diện tích đất tối cần thiết cho dự án đã được thu hồi, so với mức chỉ khoảng 2% vào thời điểm dự án được mua lại. Núi Pháo đã làm việc chặt chẽ với cộng đồng và chính quyền địa phương để thành công trong việc đảm bảo khả năng tiếp cận đất cho dự án.

Đội ngũ quản lý

Tính đến 31/12/ 2011, Núi Pháo có 529 nhân viên trong bảng lương biên chế và hơn 3.300 người cùng làm việc tại công trường để triển khai dự án.



Nguồn vốn

Ngay sau khi mua lại dự án, Masan Group đã bắt tay thương thảo với những đối tác tiềm năng cho dự án Núi Pháo. Masan Group đã ký một thỏa thuận với Mount Kellett, một công ty đầu tư vốn cổ phần tư nhân toàn cầu, để nhận khoản đầu tư vốn cổ phần 100 triệu đô la Mỹ vào Masan Resources. Sau đó, Masan Group tiếp tục nhận nguồn vốn tài trợ cho dự án gần 200 triệu đô la Mỹ.

Ngoài ra, trong tháng 2/2012, chúng tôi đã ký thỏa thuận để nhận một khoản vay kéo dài 2 năm trị giá 80 triệu đô la Mỹ từ ngân hàng Standard Chartered.



Những thách thức

Để đạt được những thành công nhất định trong dự án Núi Pháo hôm nay với việc nhà máy sắp đi vào hoạt động sản xuất, Masan Group đã phải nỗ lực hết mình, vượt qua muôn vàn khó khăn.

Do sự biến động của thị trường tài chính Việt Nam và khu vực, Masan Group đã phải thế chấp một số lượng tài sản đáng kể ngoài tài sản của chính dự án nhằm huy động vốn cho dự án Núi Pháo. Cùng với sự bảo lãnh trong cho hoạt động huy động vốn và hỗ trợ tài chính khác của Tập đoàn cho dự án Núi Pháo, điều này đã đảm bảo cho quá trình phát triển dự án không vấp phải bất cứ sự đình trệ nào. Bên cạnh đó, chi phí phát triển dự án cũng tăng lên đáng kể so với ước tính ban đầu, đòi hỏi phải đầu tư nhiều hơn; trong khi đó, giá của các loại khoáng sản và kim loại sẽ khai thác từ mỏ Núi Pháo lại giảm trong năm 2012.

Thiết kế Kỹ thuật và xây dựng một nhà máy khai thác khoáng sản phức tạp và có quy mô lớn với tiêu chuẩn đang thực hiện tại dự án Núi Pháo ở Việt Nam là vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, nhóm chuyên gia dày dặn kinh nghiệm và tài năng của Núi Pháo đã hợp tác với các nhà thầu trong nước cũng như quốc tế và các chuyên gia tư vấn để đảm bảo cho sự thành công của dự án.

Môi trường pháp lý cũng không ổn định. Sự gia tăng các loại thuế suất và những thay đổi về luật pháp và các quy định đã tạo ra thêm nhiều thách thức, khiến việc thực hiện giảm thiểu các rủi ro của dự án càng khó khăn hơn.

Đứng trước những thách thức này, Masan Group đã không hề chùn bước và vững vàng tiến lên với việc xây dựng dự án Núi Pháo. Chúng tôi tin rằng dự án này sẽ trở thành thước đo tiêu chuẩn đối với các dự án khai thác mỏ khác ở Việt Nam và chắc chắn sẽ tạo ra giá trị cho cổ đông của Tập đoàn Masan trong dài hạn.

1. Tính đến tháng 12/2012

KHOÁNG SẢN CHÍNH CỦA DỰ ÁN

Vonfram

Vonfram là một kim loại màu xám ngả trắng với một số đặc tính độc đáo:

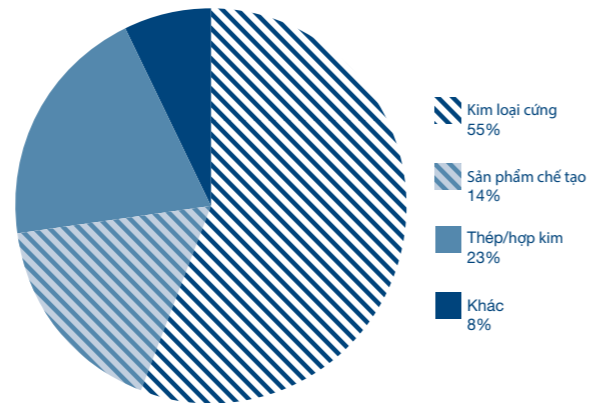
- Điểm nóng chảy cao – Điểm nóng chảy cao nhất trong mọi kim loại.
- Rất cứng – Vonfram có độ bền kéo và kháng mòn rất cao, còn cacbua vonfram, hợp chất được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp, có độ cứng gần bằng kim cương.
- Rất nặng – Tỷ trọng của vonfram tương đương với vàng.

Với những đặc tính độc đáo này, vonfram được sử dụng trong một loạt các ứng dụng công nghiệp mà nó hầu như không thể thay thế được nếu không muốn ảnh hưởng đến hiệu suất:

- Kim loại cứng – Do độ cứng và kháng mòn cao, trên 50% lượng vonfram của thế giới được sử dụng để sản xuất kim loại cứng. Đây là vật liệu dựa trên cacbua vonfram, với các ứng dụng rất đa dạng, bao gồm sử dụng trong các công cụ cắt kim loại và đá; các công cụ có quy mô lớn như mũi khoan khai thác mỏ; các công cụ tinh tế như mũi khoan sử dụng trong nha khoa; công cụ tạo hình trong ngành thép; vũ khí (vỏ đạn pháo, lựu đạn và tên lửa) và ngay cả đầu bút bi.
- Thép và siêu hợp kim – Độ cứng và điểm nóng chảy cao của vonfram có thể ứng dụng trong ngành thép. Nó được sử dụng trong công cụ cắt và siêu hợp kim sử dụng trong các ứng dụng như động cơ tuabin phản lực.
- Sợi tóc bóng đèn – Có lẽ ứng dụng nổi tiếng nhất của vonfram nằm trong các sợi tóc bóng đèn. Tuy nhiên, việc sử dụng vonfram trong ngành công nghiệp này đang dần suy giảm vì nguồn ánh sáng hiệu quả hơn đang được phát triển và đưa vào sử dụng.

- Các ứng dụng điện và điện tử – Vonfram có nhiều ứng dụng điện và điện tử khác, chẳng hạn như sử dụng trong các bảng mạch và trong sản xuất công tắc điện và điện cực.
- Ứng dụng hóa học – Vonfram cũng có một loạt các ứng dụng hóa học và ứng dụng khác trong ngành thủy tinh, gốm sứ, sơn và dầu khí.

NHU CẦU VONFRAM CƠ BẢN TOÀN CẦU THEO NGÀNH SỬ DỤNG NĂM 2010



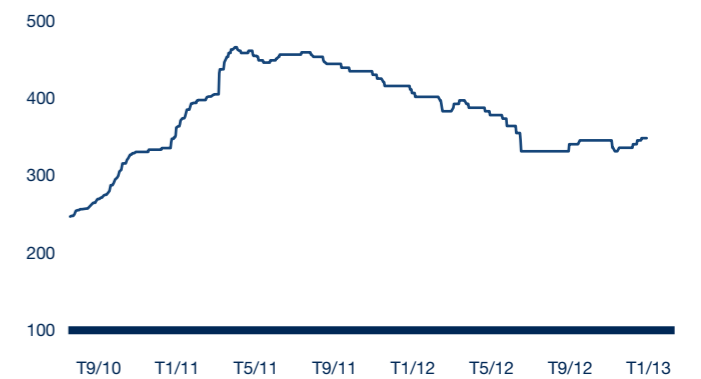
Nguồn: Ước tính của Roskill, 2011.
Lưu ý: 'Sản phẩm chế tạo' bao gồm nhưng không giới hạn trong sợi tóc bóng đèn và những ứng dụng điện và điện tử khác.

Nguồn cung toàn cầu

Trung Quốc thống trị thị trường vonfram cơ bản trên toàn thế giới với hơn 85% sản lượng vonfram vào năm 2012, cũng như gần 60% trữ lượng vonfram đã xác định (nguồn: USGS).

Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã áp dụng hạn ngạch sản xuất và xuất khẩu khi nhu cầu vonfram trong nước tiếp tục tăng lên. Nước này đang tìm cách vươn lên cao hơn trong chuỗi giá trị bằng cách chuyển từ cung cấp nguyên liệu thô vonfram sang việc bán các thành phẩm vonfram cho người tiêu dùng trên toàn cầu. Trung Quốc đã giảm dần hạn ngạch xuất khẩu vonfram từ 18.100 tấn năm 2002 xuống 15.400 tấn năm 2012. Một báo cáo gần đây của Liên minh Châu Âu (Những nguyên liệu thô quan trọng cho Châu Âu, tháng 7/2010) xem vonfram là một trong những "những nguyên liệu thô quan trọng" cho Châu Âu xét đến tầm quan trọng kinh tế và mức độ tập trung của các nguồn cung cấp kim loại này.

LỊCH SỬ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA APT VONFRAM TỪ LÚC MUA MỎ



Nguồn: Metal Bulletin.
Lưu ý: Giá vonfram tính theo USD/mtu. Vonfram được tính giá theo đơn vị 10 kg có thể được quy đổi thành 1 mtu.

SẢN LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG VONFRAM CƠ BẢN CỦA THẾ GIỚI (ĐƠN VỊ: TẤN VONFRAM)

Quốc gia	Sản lượng 2011	Sản lượng 2012 ¹	% sản lượng thế giới 2012 ¹	Trữ lượng ¹
Mỹ	NA	NA	NA	140.000
Trung Quốc	61.800	62.000	84,3%	1.900.000
Nga	3.500	3.500	4,8%	250.000
Canada	1.970	2.000	2,7%	120.000
Áo	1.100	1.100	1,5%	10.000
Bolivia	1.100	1.100	1,5%	53.000
Bồ Đào Nha	820	820	1,1%	4.200
Các nước khác	2.700	3.000	4,1%	760.000
Toàn thế giới (tròn số)	73.100	73.000	100,0%	3.200.000

Nguồn: USGS.
1. Ước tính.

Florit

Florit là một khoáng chất có chứa canxi florua (CaF₂). Mẫu vật florit được phân loại theo hai phẩm cấp hàng công nghiệp dựa trên mức tinh khiết: florit cấp acid chứa hơn 97% CaF₂ và florit cấp luyện kim chứa ít hơn 97% CaF₂. Florit cấp acid và florit cấp luyện kim được sử dụng trong nhiều ứng dụng đa dạng.

Florit cấp acid là nguồn florin công nghiệp cơ bản trên thế giới. Nó được sử dụng chủ yếu để sản xuất những sản phẩm sau:

- Acid Flohydric (HF) – HF được sử dụng trong nhiều ngành đa dạng.
 - Khoảng 60% HF được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất nhiều sản phẩm florua cacbon như CFC, HCFC và HFC. Những sản phẩm florua cacbon này chủ yếu được sử dụng làm chất làm lạnh trong máy điều hòa không khí và chất tạo bọt trong sản xuất polyme.
 - HF cũng được sử dụng làm chất xúc tác trong ankyl hóa dầu khí, làm chất làm sạch và khắc trong công nghiệp bán dẫn và để tẩy bẩn thép không gỉ.
- Nhôm florua và cryolit tổng hợp – Cả hai đều là những nguyên liệu thô thiết yếu trong lĩnh vực tuyển nhôm điện hóa.

Florit cấp luyện kim được sử dụng nhiều nhất làm chất dẫn xuất trong chế tạo thép, đúc kim loại và chế tạo hợp kim thép.

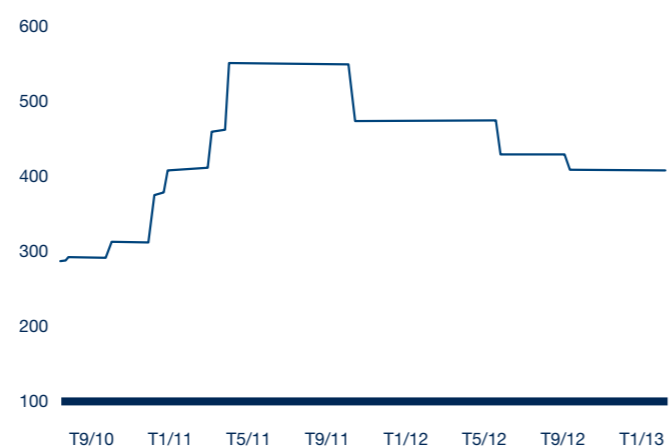
Là nguồn florin, florit hầu như không thể thay thế được bởi vì hiện không khám phá ra nguồn khác có thể cung cấp chất này một cách dồi dào.

Nguồn cung toàn cầu

Theo USGS, Trung Quốc và Mexico cùng nhau chiếm hơn 79% sản lượng florit trên thế giới theo ước tính năm 2012. Khoảng 70 - 75% florit được sản xuất trên toàn thế giới là cấp acid, phần còn lại là cấp luyện kim. Cả Trung Quốc và Mexico đều sản xuất cả hai loại. Nguồn tài nguyên florit trên thế giới phân tán khá rộng, Nam Phi và Mông Cổ cũng có trữ lượng khá lớn.

Một báo cáo gần đây của Liên minh Châu Âu (Nguyên liệu thô quan trọng cho Châu Âu, tháng 7/2010) xem florit là một trong số 14 “nguyên liệu thô quan trọng” đối với khu vực xét đến tầm quan trọng kinh tế và mức độ tập trung các nguồn cung của khoáng sản này.

LỊCH SỬ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA FLORIT TỪ LÚC MUA MỎ



Nguồn: Tạp chí Industrial Minerals.
Lưu ý: Giá florit tính theo USD/tấn.

SẢN LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG FLORIT CỦA THẾ GIỚI (NGÀN TẤN)

Quốc gia	Sản lượng 2011	Sản lượng 2012 ¹	% sản lượng thế giới 2012 ¹	Trữ lượng ^{1,2}
Mỹ	NA	NA	NA	NA
Trung Quốc	4.700	4.200	61,3%	24.000
Mexico	1.207	1.200	17,5%	32.000
Mông Cổ	416	420	6,1%	22.000
Nam Phi	240	220	3,2%	41.000
Nga	260	150	2,2%	NA
Tây Ban Nha	124	120	1,8%	6.000
Kenya	117	107	1,6%	2.000
Namibia	80	80	1,2%	3.000
Morocco	79	75	1,1%	NA
Kazakhstan	67	60	0,9%	NA
Brazil	26	25	0,4%	1.000
Các nước khác	200	190	2,8%	110.000
Toàn thế giới (làm tròn số)	7.520	6.850	100,0%	240.000

Nguồn: USGS.
1. Ước tính.
2. Tính theo 100% lượng florit canxi.

Bismut

Bismut là một kim loại trắng giòn với nhiều đặc tính độc đáo:

- Một trong những kim loại có điểm nóng chảy thấp nhất;
- Giãn nở khi bị đông lạnh;
- Độ dẫn nhiệt và dẫn điện rất thấp;
- Không độc hại.

Bismut được sử dụng trong nhiều ứng dụng đa dạng nhờ tận dụng các thuộc tính đặc biệt của nó:

- Thép và nhôm nguyên liệu – Do bismut có điểm nóng chảy thấp, nên khi bổ sung bismut vào thép hoặc nhôm sẽ làm tăng tính dễ gia công của kim loại nhờ vào việc giảm năng lượng cần dùng và ít làm bào mòn các công cụ hơn.
- Hợp kim có điểm nóng chảy thấp – Với nhiệt độ nóng chảy thấp và có xu hướng giãn nở khi bị đông đặc, bismut được sử dụng trong các hợp kim có điểm nóng chảy thấp, ứng dụng trong dây hàn, cầu chì an toàn và những sản phẩm đúc có yêu cầu tái tạo các chi tiết tinh vi.
- Sản phẩm y dược – Bismut được sử dụng trong nhiều loại dược phẩm và mỹ phẩm như thuốc giảm nồng độ axit.

Thuộc tính của bismut cũng tương tự như chì, trừ việc nó không độc hại, khiến bismut trở thành chất thay thế thích hợp và an toàn hơn cho chì. Việc sử dụng bismut tăng cao khi các nước trên thế giới có xu hướng giảm sử dụng chì trong các ứng dụng khác nhau như:

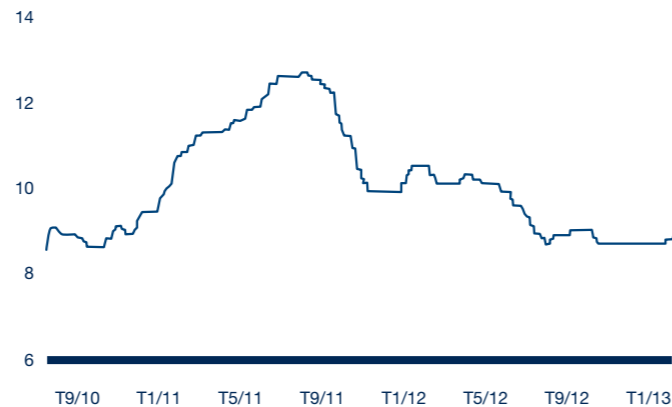
- Trong các chi tiết nối ống nước, để tránh độc tính từ chì xâm nhập qua đường ống vào nước;
- Làm phụ gia cho hợp kim kẽm trong quá trình mạ kẽm;
- Làm phụ gia cho thép để nâng cao tính dễ gia công của kim loại;
- Sản xuất đạn và chì câu.

Nguồn cung toàn cầu

Có rất ít mỏ bismut độc lập trên thế giới bởi vì bismut thường được tìm thấy trong các quặng đi cùng với các kim loại khác như chì, vonfram, đồng, vàng, bạc và kẽm. Hầu hết sản lượng bismut thương phẩm là sản phẩm phụ từ quy trình chế biến các kim loại này, đặc biệt là chì. Do đó, một phương pháp đo lường chính xác hơn trong sản xuất bismut là sản xuất tinh lọc, chứ không phải là sản xuất bằng cách khai thác. Vì lý do này, sự tăng trưởng trong sản xuất chì sẽ quyết định ở một mức độ đáng kể đến sự tăng trưởng sản xuất của bismut.

Trung Quốc thống trị cả nguồn cung và trữ lượng bismut của thế giới với 81% sản lượng tinh chế và 75% trữ lượng cả thế giới trong năm 2012.

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA BISMUT TỪ LÚC MUA MỎ



Nguồn: Metal Bulletin.
Lưu ý: Giá bismut tính theo USD/ cân Anh.

SẢN LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG BISMUT TINH CHẾ CỦA THẾ GIỚI (TÍNH BẰNG TẤN)

Quốc gia	Sản lượng 2011	Sản lượng 2012 ¹	% sản lượng thế giới 2012 ¹	Trữ lượng ¹
Trung Quốc	7.000	6.000	81,1%	240.000
Mexico	980	1.000	13,5%	10.000
Bolvia	100	100	1,4%	10.000
Canada	92	100	1,4%	5.000
Các nước khác	130	200	2,7%	50.000
Toàn thế giới (làm tròn số)	8.300	7.400	100,0%	320.000

Nguồn: USGS.
1. Ước tính.

Đồng

Đồng là một kim loại màu nâu, đỏ hoặc cam (tùy thuộc vào mức độ oxy hóa của nó), và là một trong những kim loại được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới do những đặc tính độc đáo:

- Là một trong những kim loại dễ dát mỏng và dễ uốn nhất;
- Tính dẫn nhiệt và dẫn điện cao thứ hai trong mọi nguyên tố (chỉ đứng sau bạc);
- Khả năng chống ăn mòn cao.

Đồng được sử dụng trong nhiều ứng dụng đa dạng như:

- Sản phẩm điện – Đồng được sử dụng chủ yếu trong sản xuất cáp điện và các sản phẩm điện khác như máy phát điện, động cơ và máy biến áp vốn được sử dụng trong ngành công nghiệp phát và truyền tải điện, và trong ngành chế tạo máy.
- Xây dựng công trình – Ứng dụng lớn thứ hai của đồng và hợp kim đồng (như đồng thau và đồng thiếc) thuộc về ngành công nghiệp xây dựng. Nó được sử dụng cho mái lợp và hệ thống ống nước, đặc biệt là đường ống nước, vòi nước, van và ống nối do đặc tính chống ăn mòn và dễ uốn của kim loại này.
- Chế tạo sản phẩm điện tử – Độ dẫn điện và dẫn nhiệt cao của đồng cũng khiến nó được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp điện tử.
- Chế tạo máy công nghiệp – Nhờ độ bền, tính dễ chế biến, và khả năng đúc với độ chính xác và dung sai lớn, hợp kim đồng rất lý tưởng để chế tạo các sản phẩm như bánh răng, vòng bi và cánh tua-bin.

Một số ứng dụng nêu trên của đồng được tập hợp trong các phương tiện giao thông vận tải, trong đó đồng là một thành phần thiết yếu trong động cơ, hệ thống dây điện, tản nhiệt, kết nối, phanh và vòng bi.

Khoảng 98% sản lượng đồng được sử dụng dưới dạng kim loại tinh khiết hoặc hợp kim, 2% còn lại được sử dụng để sản xuất ra các hợp chất khác.

Nguồn cung toàn cầu

Nguồn cung cấp đồng được phân phối rộng rãi trên toàn thế giới. Chile sản xuất hơn 30% sản lượng đồng cơ bản của thế giới. Tuy nhiên, phần sản lượng còn lại được phân bổ đều trên nhiều nước bao gồm Peru, Trung Quốc, Mỹ và Úc. Ngoài ra, khoảng một phần ba mức tiêu thụ đồng của thế giới có nguồn gốc từ hoạt động tái chế.

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA ĐỒNG TỪ LÚC MUA MỎ



Nguồn: Metal Bulletin.
Lưu ý: Giá đồng tính theo USD/ tấn.

SẢN LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG ĐỒNG TRÊN THẾ GIỚI (NGÀN TẤN)

Quốc gia	Sản lượng 2011	Sản lượng 2012 ¹	% sản lượng thế giới 2012 ¹	Trữ lượng ¹
Chile	5.260	5.370	32,3%	190.000
Trung Quốc	1.310	1.500	9,0%	30.000
Peru	1.240	1.240	7,5%	76.000
Mỹ	1.100	1.150	6,9%	39.000
Úc	958	970	5,8%	86.000
Nga	713	720	4,3%	30.000
Zambia	668	675	4,1%	20.000
Congo	520	580	3,5%	20.000
Canada	566	530	3,2%	10.000
Mexico	443	500	3,0%	38.000
Indonesia	543	430	2,6%	28.000
Ba Lan	27	430	2,6%	26.000
Kazakhstan	417	420	2,5%	7.000
Các nước khác	1.970	2.100	12,6%	80.000
Toàn thế giới (tròn số)	16.100	17.000	100,0%	680.000

Nguồn: USGS.
1. Ước tính

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Masan Resources đã tập hợp được một đội ngũ các chuyên gia khai khoáng quốc tế đẳng cấp thế giới, những người giàu kinh nghiệm trong việc xây dựng và vận hành các dự án trong khu vực bằng các phương pháp theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Chúng tôi đã tìm được một đội ngũ giỏi để phát triển và vận hành thành công dự án Núi Pháo và tạo dựng Masan Resources thành công ty tư nhân hàng đầu trong lĩnh vực tài nguyên ở Việt Nam.

Dominic Heaton

Tổng Giám đốc Điều hành

Ông Dominic Heaton phụ trách phát triển dự án Núi Pháo, lãnh đạo hoạt động thăm dò khoáng sản và xây dựng Masan Resources thành một công ty tài nguyên quy mô lớn với nhiều dự án.

Kể từ khi gia nhập Masan Resources, Dominic đã tập hợp một đội ngũ quản lý đẳng cấp thế giới để xây dựng Masan Resources thành một công ty tài nguyên hàng đầu Việt Nam và đóng vai trò cốt yếu thúc đẩy sự phát triển của dự án Núi Pháo.

Dominic có hơn 25 năm kinh nghiệm trong ngành khai thác mỏ ở Đông Nam Á với các công ty Placer Pacific, Aurora Gold, Oxiana, OZ Minerals và MMG. Ông từng làm Tổng Giám đốc mỏ Sepon ở Lào và Giám đốc Vận hành mỏ Martabe ở Indonesia.

Dominic tốt nghiệp trường Đại học James Cook và Đại học La Trobe ở Úc.

Vũ Hồng

Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, kiêm

Giám đốc Phụ trách Đối ngoại

Ông Hồng có hơn 30 năm kinh nghiệm, kể cả thời gian làm việc cho Ngân hàng Thế giới, chủ yếu trong các dự án cơ sở hạ tầng và phát triển tại Đông Nam Á. Ông tốt nghiệp Đại học Thủy lợi Hà Nội và Đại học Roorkee, Ấn Độ.

Dale Smith

Giám đốc Xây dựng

Ông Dale có hơn 23 năm kinh nghiệm trong ngành khai thác mỏ với hơn 10 năm kinh nghiệm về phát triển dự án. Trước đây, ông là Giám đốc Dự án cho mỏ Sepon tại Lào. Ông tốt nghiệp Đại học Queensland, Úc.

Craig Bradshaw

Giám đốc Vận hành

Ông Craig có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại và hành chính của ngành khai thác mỏ. Trước đây, ông từng là Giám đốc Thương mại cao cấp cho mỏ Sepon tại Lào. Ông tốt nghiệp Đại học Southern Queensland, Úc.

Russell Griffin

Giám đốc Kinh doanh & Marketing

Ông Russell có nhiều kinh nghiệm trong việc phát triển thị trường cho các mỏ mới khai thác và mở rộng tại Úc và Đông Nam Á với các công ty như OZ Minerals. Ông tốt nghiệp Đại học South Australia, Úc.

Paritosh Gupta

Giám đốc Tài chính

Ông Paritosh được biệt phái từ Masan Group để giữ vị trí Giám đốc Tài chính của Masan Resources. Ông Paritosh đóng vai trò then chốt trong việc mua lại dự án Núi Pháo và huy động vốn từ các nhà đầu tư quốc tế và địa phương cho dự án. Ông cũng kết hợp chặt chẽ với đội ngũ quản lý về các sáng kiến chiến lược của công ty.

Ông Paritosh trước đây làm việc cho Lehman Brothers. Ông tốt nghiệp Viện Quản lý Ấn độ ở Bangalore và Viện Công nghệ Ấn Độ ở Mumbai.

Saurabh Mathur

Phó Giám đốc Tài chính

Ông Saurabh có hơn 18 năm kinh nghiệm về tài chính và kế toán. Trước đây, ông đã từng làm việc cho công ty Schlumberger ở Ấn Độ. Ông Saurabh tốt nghiệp từ Viện Kế toán công Ấn Độ.

ĐỐI TÁC

NHÀ ĐẦU TƯ

Mount Kellett

Mount Kellett Capital Management L.P. là một công ty đầu tư đa lĩnh vực, tập trung đầu tư vào các loại tài sản đặc biệt trên toàn cầu và đầu tư cơ hội vào vốn tư nhân. Công ty đã đóng quỹ đầu tiên, MKCP I, vào tháng 12 năm 2009 với tổng mức cam kết vốn khoảng 3 tỷ đô la Mỹ và hiện đang quản lý tài sản có giá trị hơn 4,1 tỷ đô la Mỹ. Mount Kellett đầu tư ở Bắc Mỹ, Châu Á và Châu Âu.

Năm 2010, Mount Kellett đã đầu tư 100 triệu đô la Mỹ để đổi lấy 20% cổ phần trong Masan Resources.

ĐỐI TÁC BAO TIÊU SẢN PHẨM

CMC Cometals

CMC Cometals là đơn vị thuộc Commercial Metals Company (CMC), chuyên sản xuất, tái chế và cung cấp thép, kim loại và các sản phẩm có liên quan trên toàn thế giới. CMC Cometals là nhà phân phối hàng đầu về khoáng sản, hóa chất, kim loại và các nguyên liệu thô khác được sử dụng trong ngành hóa chất, dầu khí, thủy tinh, đúc khuôn, xây dựng, kim loại/ thép, nhôm và vật liệu chịu lửa. Commercial Metals Company niêm yết trên sàn chứng khoán New York với mã chứng khoán là CMC.

Núi Pháo đã ký với CMC Cometals một thỏa thuận bao tiêu florit được sản xuất từ dự án.



CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CHÚNG TÔI

TECHCOMBANK

Techcombank phục vụ 2,8 triệu khách hàng cá nhân và 75.000 khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.



Techcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản, cho vay, huy động, số lượng khách hàng và hệ thống mạng lưới. Chúng tôi đã xây dựng mạng lưới kinh doanh dẫn đầu ngành về huy động tiền gửi cá nhân và cho vay dành cho cá nhân và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong vòng 20 năm qua kể từ ngày thành lập, chúng tôi đã phát triển nhiều sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng để đáp ứng nhu cầu tài chính của lực lượng lao động hơn 50 triệu người và 305.000 doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam. Techcombank đã chèo lái thành công trong làn sóng tự do hóa tài chính cũng như sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam để trở thành một trong những ngân hàng lớn nhất và có tăng trưởng nhanh nhất cả nước.

Tầm nhìn của Techcombank là trở thành:

- Ngân hàng được yêu thích đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân thuộc tầng lớp giàu có và khá giả, cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ tài chính thông qua dịch vụ thân thiện, lấy khách hàng làm trung tâm;
- Hệ thống dịch vụ bán lẻ hàng đầu Việt Nam;
- Một tổ chức mang lại thu nhập hấp dẫn cho các cổ đông thông qua hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và biện pháp quản lý rủi ro chặt chẽ;
- Môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân viên có nhiều cơ hội để phát triển, đóng góp, và xây dựng sự nghiệp thành công;
- Ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam.

Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Techcombank có kế hoạch nâng cấp nền tảng mũi nhọn tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong cả hoạt động cho vay lẫn huy động vốn. Hơn nữa, ngân hàng sẽ sử dụng mạng lưới chi nhánh sâu rộng, nền tảng công nghệ thiết thực và các mối quan hệ với khách hàng doanh nghiệp để xây dựng thành một ngân hàng giao dịch hàng đầu Việt Nam.

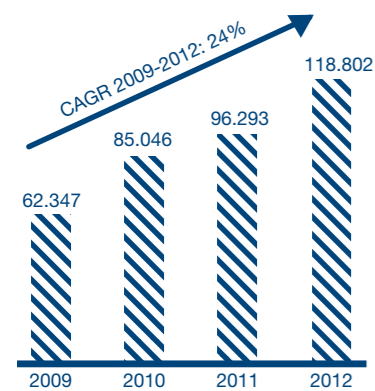
GIẢI THƯỞNG

Một số giải thưởng trong năm 2012 của Techcombank:

2,8 triệu khách hàng cá nhân

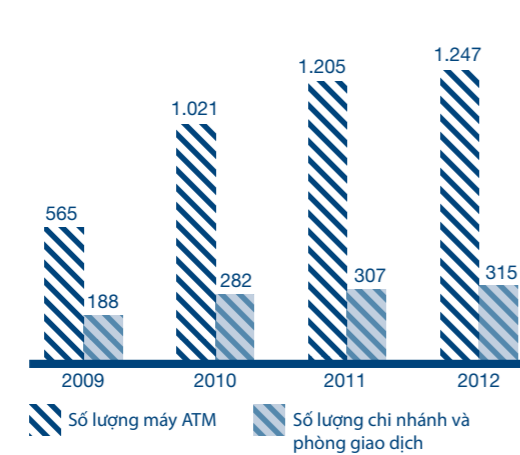
- “Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực châu Á của Chương trình Tài trợ Thương mại Toàn cầu GTFP” từ Công ty Tài chính quốc tế (IFC);
- “Ngân hàng tốt nhất năm 2012 của Việt Nam”, “Ngân hàng Quản lý Tiền tệ tốt nhất năm 2012 tại Việt Nam” và “Ngân hàng Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam” từ tạp chí Finance Asia;
- “Ngân hàng tốt nhất năm 2012 của Việt Nam” từ Alpha Southeast Asia;
- “Ngân hàng bán lẻ của năm” và “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất năm 2012 tại Việt Nam” từ Asian Banking & Finance;
- “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất tại Việt Nam năm 2012” từ tạp chí Global Trade Review; và
- “Ngân hàng tốt nhất trong các nền kinh tế mới nổi tại Châu Á” từ Global Finance.

TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG VỐN



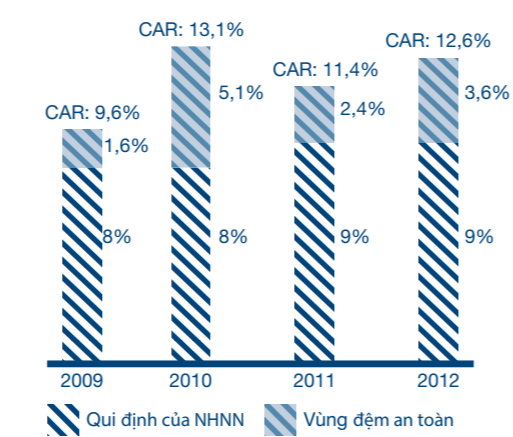
Nguồn: Techcombank.
Lưu ý: Tiền gửi bao gồm Chứng chỉ tiền gửi từ khách hàng.
Đơn vị tỉ đồng.

SỐ LƯỢNG CHI NHÁNH & ATM



Nguồn: Techcombank.

HỆ SỐ CAR THỰC TẾ SO VỚI QUY ĐỊNH



Nguồn: Techcombank, NHNN.

PROCONCO

Một trong 50 công ty sản xuất thức ăn gia súc lớn nhất thế giới¹



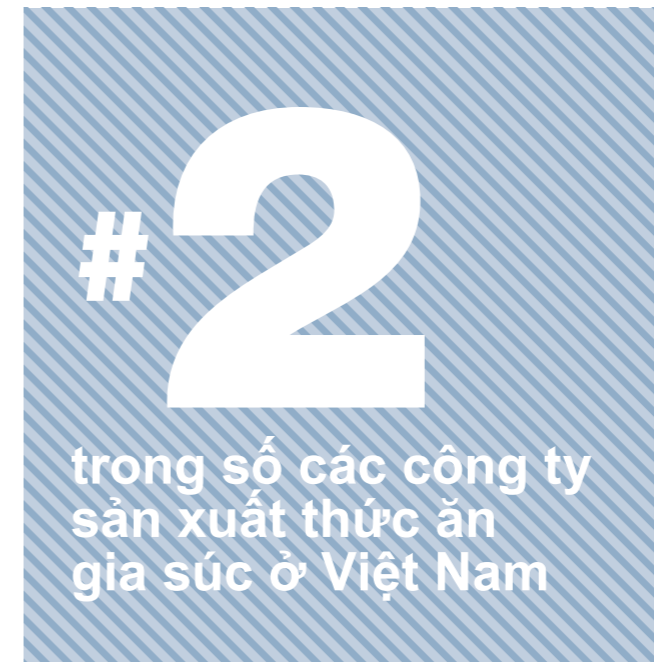
Được thành lập từ năm 1991, Công ty CP Thức ăn Gia súc Việt Pháp ("Proconco") là liên doanh đầu tiên giữa Pháp và Việt Nam trong ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi. Hiện nay, Proconco là công ty sản xuất thức ăn gia súc và thủy sản lớn thứ hai ở Việt Nam xét về sản lượng. Proconco cung cấp nhiều loại thức ăn chất lượng cao cho ngành chăn nuôi heo, bò, gà, vịt, cút, cá và tôm.

THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG

Proconco đã phát triển được thương hiệu thức ăn gia súc và thủy sản nổi tiếng nhất Việt Nam với thương hiệu "Con Cỏ" nhờ vào quá trình cung cấp những sản phẩm chất lượng cao và di sản danh tiếng từ đối tác Châu Âu. Mức độ nhận biết thương hiệu của công ty rất cao trong ngành hàng thức ăn chăn nuôi chất lượng cao cấp. Nhờ đó, sản phẩm của Proconco có thể bán được giá cao hơn so với các đối thủ cạnh tranh vì người chăn nuôi rất trung thành với các thương hiệu và luôn đòi hỏi chất lượng đối với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI VÀ NĂNG LỰC SẢN XUẤT MẠNH

Proconco đã xây dựng được một trong những hệ thống phân phối mạnh nhất trong ngành, vươn đến 63 tỉnh thành với hơn 500 nhà phân phối, hơn 50% trong số họ phân phối độc quyền sản phẩm của Proconco. Công ty cũng có năng lực sản xuất lớn thứ ba ở Việt Nam với 1,2 triệu tấn mỗi năm tại sáu nhà máy có vị trí địa lý chiến lược ở Việt Nam.

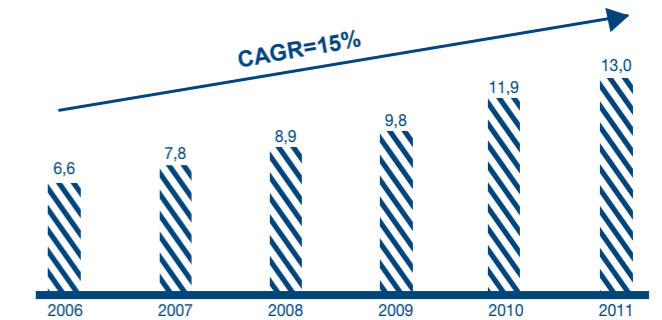


TIỀM NĂNG TIÊU DÙNG

Masan hiện là cổ đông lớn nhất của Proconco, nắm giữ 40,0% cổ phần của công ty. Khoản đầu tư này là một phần trong chiến lược của Masan nhằm mở rộng nền tảng ngành hàng tiêu dùng của Tập đoàn. Khi người tiêu dùng Việt Nam trở nên giàu có hơn, họ sẽ hưởng tới chế độ ăn uống giàu protein hơn, nhờ đó sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường thức ăn gia súc trong nước. Thương vụ này cũng mang lại cho Masan cơ hội tích hợp xuôi và tham gia vào thị trường thịt chế biến cũng như cơ hội tiếp cận người tiêu dùng.

SỰ TĂNG TRƯỞNG TRONG NGÀNH

Thị trường thức ăn chăn nuôi công nghiệp Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2006 - 2011, với tốc độ tăng trưởng kép trung bình là 15% hàng năm nhờ vào sức tăng trưởng tiêu thụ thịt mạnh mẽ ở Việt Nam. Quy mô thị trường hiện nay nằm ở khoảng 13 triệu tấn thức ăn chăn nuôi công nghiệp trong năm 2011 và dự báo sản lượng sẽ tăng trưởng với tốc độ 7 - 9% hàng năm trong giai đoạn từ 2012 - 2016 theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.



Nguồn: Bain.

1. Tạp chí Feed International 2010

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TỔNG QUAN

Năm 2012 lại là một năm đầy thách thức đối với Việt Nam. Tuy tỷ lệ lạm phát đã được kiểm soát và thâm hụt thương mại cũng đã thu nhỏ, nhưng nền kinh tế vẫn phải đối mặt với tình hình khó khăn; một phần là do những biện pháp bình ổn triển khai trong năm 2012 và nhu cầu bức thiết phải tái cấu trúc nền kinh tế. Trong khi đó, ngành tài chính đang giải quyết các hậu quả của việc mất thanh khoản và tỷ lệ nợ xấu gia tăng, còn thị trường bất động sản lại rơi vào tình trạng đình đốn, khiến cho bức tranh kinh tế vĩ mô vẫn còn vô cùng u ám. GDP đã giảm từ mức 5,9% trong 2011 xuống còn 5,0% trong năm 2012.

Trong môi trường đầy thách thức đó, niềm tin vào tiềm năng tiêu dùng trong nước của Masan Group càng được củng cố và chúng tôi đã tiếp tục thành công với quá trình đổi mới. Trong năm 2012, chúng tôi tiếp tục phát triển các nền tảng vận hành và dù phải đối mặt với nhiều khó khăn trong ngành tài chính, chúng tôi vẫn đạt được những kết quả tài chính vững chắc, huy động được nguồn vốn dài hạn, cũng như thực thi thành công những thương vụ mua bán và sáp nhập công ty để gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con và mở rộng nền tảng kinh doanh hàng tiêu dùng của Tập đoàn.

Về mặt hoạt động, chúng tôi đã hợp nhất thành công hoạt động của Vinacafe, một trong những công ty sản xuất cà phê hòa tan hàng đầu Việt Nam, được chúng tôi mua lại cổ phần đa số trong năm 2011. Masan Consumer đã mở rộng mạng lưới phân phối, tung ra những nhãn hàng mới trong tất cả các ngành hàng và nâng cao công suất sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng. Masan Group tiếp tục hoàn thành các mục tiêu thực thi kinh doanh trong nhiệm vụ xây dựng dự án Núi Pháo. Chúng tôi đã chi khoảng 220 triệu đô la Mỹ trong cả năm vừa qua để thúc đẩy tiến độ xây dựng một cách đáng kể và đã bắt tay vào những hạng mục xây dựng cuối cùng của dự án. Nhờ đó, chúng tôi đang duy trì đúng kế hoạch vận hành thử nhà máy chế biến khoáng sản vào quý 2 năm 2013. Điều quan trọng nhất là chúng tôi đã tiến hành tuyển dụng một số nhân sự cao cấp chủ chốt cho Masan Group, Masan Consumer và Techcombank; xây

dựng được những đội ngũ quản lý chuyên nghiệp kết hợp được cả yếu tố kinh nghiệm đa quốc gia với kinh nghiệm hoạt động thành công trong các thị trường mới nổi.

Về mặt tài chính, các hoạt động kinh doanh cốt lõi của chúng tôi đã đạt được những kết quả kỷ lục, mặc dù lợi nhuận hợp nhất có suy giảm do sự đóng góp thấp đi từ ngân hàng Techcombank; trong công ty liên kết này, chúng tôi nắm giữ lợi ích kinh tế không kiểm soát 30,4%. Nhờ vào thị phần gia tăng trong các ngành hàng chính yếu và sự hợp nhất thành công với Vinacafe, doanh thu thuần của chúng tôi tăng từ 7.057 tỷ đồng năm 2011 lên 10.389 tỷ đồng trong năm 2012, tương đương với mức tăng 47,2%. Nếu loại bỏ những tác động từ khấu hao lợi thế thương mại trong các công ty con và công ty liên kết, lợi nhuận thuần pro forma giảm nhẹ từ 3.090 tỷ đồng trong năm 2011 xuống 2.783 tỷ đồng trong năm 2012, tương ứng với tỉ lệ giảm 9,9%. Sự sụt giảm trong lợi nhuận thuần pro forma chủ yếu là do Techcombank, khi lợi nhuận của ngân hàng này tụt giảm mạnh 75,7% từ 3.154 tỷ đồng năm 2011 xuống 766 tỷ đồng năm 2012 do lãi suất cho vay thấp hơn trong môi trường cho vay đầy khó khăn của cả ngành ngân hàng và dự phòng mất vốn vay khá thận trọng. Bất chấp kết quả kinh doanh từ Techcombank thấp hơn kỳ vọng, sự suy giảm nhẹ trong tổng lợi nhuận thuần pro forma của Tập đoàn vẫn là sự minh chứng cho sức mạnh của hoạt động kinh doanh cốt lõi của Masan Group. Lợi nhuận thuần của Masan Consumer tăng 26,4% lên 2.850 tỷ đồng trong năm 2012.

Tuy nhiên, Techcombank cũng đã hoàn thành một số kết quả tích cực và thực hiện một kế hoạch hành động quyết liệt để xây dựng nền móng vững chắc, mạnh hơn cho tương lai. Tiền gửi từ khách hàng tăng mạnh 25,7% trong năm 2012 nhờ vào hệ thống phân phối rộng khắp, trong khi cho vay khách hàng tăng 7,3% trong năm 2012 trong bối cảnh chính sách cho vay thận trọng hơn. Techcombank cũng đã thực hiện những bước tiến đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro cho cơ cấu tài sản của mình, cải thiện hiệu năng và kiểm soát chi phí. Ngân hàng tiếp tục duy trì được tính thanh khoản lành mạnh và tỷ lệ an toàn vốn vững chắc, với tỷ lệ cho vay/ huy động ở mức 60,2% tính

đến ngày 31/12/2012 so với tỷ lệ 70,6% vào cuối năm 2011 và tỷ lệ an toàn vốn CAR vào ngày 31/12/2012 đạt 12,6%, cao hơn nhiều so với quy định 9,0%. Ngành ngân hàng đang trải qua quá trình hợp nhất và chúng tôi kỳ vọng Techcombank sẽ có hiệu quả vượt trội so với thị trường trong trung hạn nhờ vào hệ thống quản lý rủi ro mạnh mẽ và sự tập trung vào sức mạnh thanh khoản và cơ cấu tài sản.

Về cơ cấu tài sản, chúng tôi đã thực hiện một số bước để đơn giản hóa cấu trúc vốn của Tập đoàn bằng cách chuyển đổi hoặc mua lại những công cụ tài chính gắn liền với vốn cổ phần được phát hành trước đây. Hoạt động này bao gồm việc chuyển đổi hoặc mua lại những công cụ trước đây phát hành cho TPG, IFC và những khoản nợ bắt buộc chuyển đổi được phát hành để đổi lấy tỷ lệ sở hữu gia tăng trong các doanh nghiệp hiện hữu của chúng tôi. Việc thực hiện quyền đó đã giảm bớt nợ tài chính và số lượng cổ phiếu lưu hành tính trên cơ sở pha loãng hoàn toàn. Chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung vào việc đơn giản hóa cấu trúc tài chính trong thời gian tới, kể cả cấu trúc công ty, nhằm giúp các cổ đông dễ hiểu về chúng tôi hơn.

Năm 2012 và quý 1 của năm 2013 cũng là giai đoạn thành công trong hoạt động huy động vốn. Trong giai đoạn này, chúng tôi đã huy động được thêm gần nửa tỷ đô la Mỹ từ những nhà đầu tư và đối tác danh tiếng, bao gồm Mount Kellett, Richard Chandler Corporation và Standard Chartered. Nổi bật nhất là vào tháng 1/2013, KKR, một quỹ đầu tư toàn cầu hàng đầu đang quản lý khối lượng tài sản có giá trị hơn 66 tỷ đô la Mỹ, đã đầu tư thêm 200 triệu đô la Mỹ vào Masan Consumer trong một giao dịch hỗn hợp gồm cổ phần mới phát hành và đang lưu hành, sau khoản đầu tư 159 triệu đô la Mỹ vào tháng 4/2011. Đây là giao dịch đầu tư vốn cổ phần tư nhân lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam. Với khoản đầu tư này, KKR đã tăng gấp đôi giá trị đầu tư của mình trong không đầy 2 năm, chứng minh cho sự tin tưởng tuyệt đối của họ vào tiềm năng tăng trưởng tiêu dùng dài hạn của Việt Nam, vào Masan Group trong vai trò đối tác đáng tin cậy, và vào Masan Consumer như một nền tảng kinh doanh hàng tiêu dùng hàng đầu Việt Nam. Quan hệ đối tác với KKR sẽ giúp Masan phát triển mạnh hơn cả về chiều rộng lẫn chiều sâu nền tảng kinh doanh hàng tiêu dùng của Tập đoàn nhằm nắm bắt những

cơ hội từ sự tăng trưởng dài hạn của ngành hàng tiêu dùng và tiềm năng hấp dẫn của tầng lớp trung lưu đang nổi lên ở thị trường Việt Nam.

Hoạt động M&A của chúng tôi trong năm 2012 tập trung chủ yếu vào việc gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các doanh nghiệp hiện hữu và mở rộng nền tảng kinh doanh tiêu dùng. Chúng tôi đã tăng lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong công ty Masan Consumer từ 76,5% lên mức 80,8% và tăng tỷ lệ sở hữu của Masan Consumer trong công ty Vinacafe từ 50,3% lên 53,2%. Chúng tôi cũng đã mua lại 40,0% cổ phần của Công ty Proconco, đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi lớn thứ hai tính theo sản lượng tại Việt Nam. Thương vụ này đem đến cho chúng tôi cơ hội xây dựng thêm một nền tảng kinh doanh mang đẳng cấp thế giới khác trong ngành hàng tiêu dùng. Trong tháng 2 năm 2013, Masan Consumer cũng đã mua lại 24,9% cổ phần của Công ty Vĩnh Hảo, một trong những thương hiệu được tin cậy rộng rãi nhất trong lĩnh vực đồ uống đóng chai tại Việt Nam. Sau đó, chúng tôi đã tiến hành một đợt chào mua công khai để gia tăng tỷ lệ sở hữu của mình trong công ty Vĩnh Hảo.

Trong năm 2013, chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung vào các ngành hàng tiêu dùng và các ngành có liên quan đến tiêu dùng, đồng thời gia tăng sản lượng của dự án Núi Pháo. Với các nền tảng kinh doanh hàng đầu trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và tài nguyên, chúng tôi cảm thấy tự tin với việc tiếp tục củng cố vị thế của mình với tư cách là Tập đoàn kinh tế tư nhân hàng đầu của Việt Nam, áp dụng những phương pháp tốt nhất trong hoạt động xây dựng những doanh nghiệp hàng đầu cũng như cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng Việt Nam.

Môi trường kinh doanh

Hoạt động của chúng tôi tập trung ở Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế Việt Nam có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi nhiều yếu tố bên ngoài, bao gồm cả sự phát triển kinh tế trên toàn Châu Á.

Các yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động bao gồm chi tiêu và tiêu dùng cá nhân, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ, tỷ lệ lạm phát, lãi suất, mặt bằng giá cả hàng hóa, gánh nặng trả nợ của người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp, và mức độ sẵn sàng của tín dụng, cũng như các yếu tố khác như sự lây lan của bệnh dịch, xung đột vũ trang quy mô lớn, khủng bố hay bất cứ sự cố xã hội, địa lý hoặc chính trị bất lợi nào khác.

Năm 2013, nền kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng, mặc dù có những quan ngại về lạm phát và nợ xấu của khu vực ngân hàng.

Trên bình diện quốc tế, sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu có nguy cơ yếu hơn so với mức kỳ vọng hiện nay. Điều này không chỉ gây thiệt hại cho hoạt động xuất khẩu, mà còn tạo ra hiệu ứng dây chuyền đối với chi tiêu của người tiêu dùng và doanh nghiệp tại Việt Nam, dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Việt Nam sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự biến động giá cả hàng hóa quốc tế. Giá nhiên liệu toàn cầu sẽ duy trì ở mức tương đối cao trong suốt thời kỳ dự báo. Áp lực mạnh do sức cầu gia tăng và sự mất giá của tiền đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ khiến cho việc nhập khẩu hàng hóa trở nên đắt hơn, theo đó, đẩy mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao.

Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của chúng tôi

Chúng tôi là công ty mẹ với tài sản chính là những khoản đầu tư vào các công ty con, chủ yếu là Masan Consumer, Masan Resources và các công ty liên kết gồm có công ty Proconco và ngân hàng Techcombank. Vì vậy, những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty này cũng tác động đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 80,8% lợi ích kinh tế trong công ty Masan Consumer vào ngày 31/12/2012 và hợp nhất kết quả kinh doanh của Masan Consumer vào báo cáo tài chính của chúng tôi. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan

Consumer cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 80,0% lợi ích kinh tế trong công ty Masan Resources vào ngày 31/12/2012. Trong đó, 65,0% lợi ích kinh tế được nắm giữ thông qua cổ phần và chúng tôi hợp nhất tỷ lệ sở hữu này như một công ty con trong báo cáo tài chính của Masan Group. Tỷ lệ lợi ích kinh tế còn lại được nắm giữ dưới hình thức quyền chọn để mua lại 15% công ty Masan Resources từ một cổ đông thiểu số và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của chúng tôi theo Tiêu chuẩn kế toán Việt Nam (VAS). Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Resources cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 30,4% lợi ích kinh tế trong ngân hàng Techcombank, bao gồm các trái phiếu bắt buộc chuyển đổi và 32,3% lợi ích kinh tế trong công ty Proconco vào ngày 31/12/2012. Do không sở hữu cổ phần kiểm soát tại ngân hàng Techcombank, nên chúng tôi hạch toán khoản đầu tư vào ngân hàng này theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của ngân hàng Techcombank và Proconco cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của chúng tôi.

Những yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và kết quả tài chính của Masan Group bao gồm những rủi ro về pháp lý, kinh doanh, cạnh tranh và vận hành, cũng như những yếu tố khác nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi.

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Group hoạt động trong các ngành phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần.

Masan Consumer cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và sự đa

dạng của sản phẩm. Thị trường thực phẩm tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thực phẩm quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động chiêu thị, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. Masan Consumer có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mại và tiếp thị. Những khoản chi này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận của chúng tôi giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.

Ngoài ra, theo dự kiến, khi Masan Resources bắt đầu vận hành dự án khai thác mỏ Núi Pháo, phần lớn doanh thu sẽ thu được từ hoạt động xuất khẩu. Công ty sẽ cạnh tranh với những nhà sản xuất vonfram, florit, bismut và đồng trên thế giới bao gồm các nhà sản xuất Trung Quốc; chủ yếu dựa vào chất lượng, giá cả, chi phí vận chuyển và độ tin cậy của nguồn cung. Không thể bảo đảm rằng các đối thủ cạnh tranh với Núi Pháo sẽ không tìm cách bán khoáng sản có phẩm cấp cao hơn, giảm giá mạnh để giành thị phần, thăm dò thêm các khu mỏ dễ tiếp cận hơn hoặc tạo nguồn cung đáng tin cậy hơn.

Bên cạnh đó, ngân hàng Techcombank có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ các định chế tài chính trong nước và ngoài nước do yêu cầu mở cửa thị trường sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO vào năm 2007. Ngân hàng Nhà nước đã cho phép các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thông qua các chi nhánh tại Việt Nam. Khi ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực thi chính sách tự do hóa lĩnh vực ngân hàng, Techcombank cũng có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt hơn từ các ngân hàng trong nước. Điều này có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi cũng không bảo đảm là đối thủ hiện tại hoặc tiềm năng của Proconco không tung ra những sản phẩm tương đương hoặc vượt trội hơn chúng tôi nhằm đáp ứng những thay

đổi của thị trường. Đối thủ của chúng tôi có thể có nguồn tài chính dồi dào hơn, khả năng mua hàng tốt hơn và các chi phí hoạt động thấp hơn giúp họ có những lợi thế nhất định. Chúng tôi cũng không bảo đảm là có thể cạnh tranh hoàn toàn với đối thủ hiện tại và tiềm năng. Nếu chúng tôi không thể cạnh tranh hoàn toàn thì điều này có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Masan Group phụ thuộc vào khả năng duy trì các hoạt động tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có trình độ phù hợp với các vị trí quản lý then chốt của mình.

Mặc dù Masan Group không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Group phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ và nỗ lực, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân họ cùng những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên giỏi. Sự mất mát nhân sự chủ chốt có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Group.

Triển vọng kinh doanh của Masan Group gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến công ty chúng tôi.

Kết quả tài chính của Masan Resources sẽ bị ảnh hưởng bởi sự biến động của giá cả hàng hóa

Khi dự án Núi Pháo đi vào vận hành, công ty sẽ bán các sản phẩm tinh quặng hoặc sản phẩm có giá trị gia tăng chế biến từ vonfram, florit, bismut và đồng. Giá bán sản phẩm của công ty sẽ phụ thuộc vào tình hình cung cầu của thị trường quốc tế và mặt bằng giá của những sản phẩm này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: triệu đồng	2012	2011	2012	2011
	Kiểm toán	Kiểm toán	Pro forma	Pro forma
Doanh thu gộp	10.575.249	7.239.003	10.575.249	7.239.003
Các khoản giảm trừ	(185.835)	(182.154)	(185.835)	(182.154)
Doanh thu thuần	10.389.414	7.056.849	10.389.414	7.056.849
Giá vốn hàng bán	(6.178.926)	(3.997.834)	(6.178.926)	(3.997.834)
Lợi nhuận gộp	4.210.488	3.059.015	4.210.488	3.059.015
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	(2.052.650)	(1.416.523)	(1.884.811)	(1.388.550)
Thu nhập tài chính	809.824	1.185.206	809.824	1.185.206
Chi phí tài chính	(309.385)	(347.725)	(309.385)	(347.725)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.658.277	2.479.973	2.826.116	2.507.946
Lợi nhuận/ (Chi phí) khác	168.043	(4.134)	168.043	(4.134)
Lợi nhuận từ Công ty liên kết	(337.798)	392.733	325.709	960.006
Lợi nhuận trước thuế	2.488.522	2.868.572	3.319.868	3.463.818
Thuế	(525.930)	(372.564)	(536.427)	(374.314)
Lợi nhuận thuần	1.962.592	2.496.008	2.783.441	3.089.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: triệu đồng	31/12/2012	31/12/2011
	Kiểm toán	Kiểm toán
TÀI SẢN NGẮN HẠN	9.221.223	12.541.434
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.718.717	9.573.593
Đầu tư ngắn hạn	1.840.500	1.222.500
Phải thu thuần từ hoạt động kinh doanh	120.922	192.531
Phải thu khác	821.959	710.786
Hàng tồn kho	563.855	612.845
Tài sản ngắn hạn khác	155.270	229.179
TÀI SẢN DÀI HẠN	29.478.033	21.031.185
Các khoản phải thu dài hạn	23.158	-
Tài sản cố định	17.728.751	11.287.505
TSCĐ hữu hình	1.547.311	879.199
TSCĐ vô hình	863.516	983.239
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.317.924	9.425.067
Đầu tư dài hạn	11.313.619	9.321.085
Đầu tư dài hạn khác	412.505	422.595
TỔNG TÀI SẢN	38.699.256	33.572.619

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2012	31/12/2011
Đơn vị tính: triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
NỢ NGẮN HẠN	4.748.364	3.625.783
Vay và nợ ngắn hạn	1.793.384	2.032.397
Phải trả người bán	973.856	422.772
Người mua trả tiền trước	14.490	7.994
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	608.893	291.359
Phải trả người lao động	12.480	12.618
Chi phí phải trả	1.300.931	824.384
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.330	34.259
NỢ DÀI HẠN	14.246.507	8.391.804
Vay và nợ dài hạn	12.647.177	7.409.781
Nợ dài hạn khác	1.599.330	982.023
NỢ PHẢI TRẢ	18.994.871	12.017.587
VỐN CHỦ SỞ HỮU	13.883.837	15.875.652
Vốn cổ phần	6.872.801	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	7.999.167	2.166.136
Vốn khác của chủ sở hữu	1.721.824	10.462.804
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(16.128)	(16.066)
Vốn khác	(8.619.479)	(6.569.981)
Lợi nhuận chưa phân phối	5.925.652	4.680.036
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	5.820.548	5.679.380
TỔNG NGUỒN VỐN	38.699.256	33.572.619

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN**Doanh thu**

Doanh thu thuần tăng 47,2% từ 7.057 tỷ đồng trong năm 2011 lên mức kỷ lục 10.389 tỷ đồng trong năm 2012. Doanh thu của chúng tôi chỉ phản ánh doanh thu của Masan Consumer do dự án Núi Pháo chưa đi vào hoạt động. Sự tăng trưởng này là do các các ngành hàng đều tăng vì chúng tôi liên tục không ngừng đổi mới sản phẩm, xây dựng thương hiệu và mở rộng mạng lưới phân phối. Xuyên suốt một năm vừa qua, chúng tôi tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối hàng đầu trên toàn quốc với số lượng nhà phân phối tăng từ 162 vào năm 2011 lên đến 180 vào năm 2012, và số điểm bán hàng đã tăng từ khoảng 164.000 ngày 31/12/2011 lên 176.000 vào ngày 31/12/2012. Trong ngành hàng mì ăn liền, Masan Consumer đã đạt mức tăng trưởng mạnh về thị phần nhờ tiếp tục củng cố thương hiệu mì cao cấp Omachi đồng thời đẩy mạnh tăng trưởng mạnh ngành mì trong phân khúc bình dân là mì Kokomi, sản phẩm được tung ra thị trường vào cuối năm 2011. Ngành hàng nước súc miệng chuyển đổi từ sử dụng nước mắm Nam Ngư sang hương hiệu cao cấp hơn là Chin-su Nam Ngư. Trong ngành hàng cà phê hòa tan, Vinacafe đã đạt mức tăng trưởng mạnh mẽ và góp phần tăng vị thế cạnh tranh của mình thông qua sự hiệp lực với Masan Consumer, bao gồm quyền truy cập vào mạng lưới phân phối lớn của Masan Consumer và sự ra mắt các sản phẩm mới như cà phê Wake Up 3 trong 1 và ngũ cốc Kachi.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán (tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần) tăng lên 59,5% trong năm 2012 so với mức 56,7% trong năm 2011. Tính theo giá trị tuyệt đối, mức tăng này tương đương 54,6% từ 3.998 tỷ đồng trong năm 2011 lên 6.179 tỷ đồng vào năm 2012. Sự gia tăng của tỷ lệ phần trăm là do Vinacafe có tỷ suất lợi nhuận gộp thấp hơn so với Masan Consumer, và số liệu của Vinacafe cho cả năm đã được hợp nhất vào kết quả của năm 2012, trong khi nó chỉ bao gồm kết quả của hai tháng cuối năm trong năm 2011. Bên cạnh hiệu ứng này, Masan Consumer tiếp tục nhận được các lợi ích từ các sáng kiến tiết kiệm chi phí khác nhau trong hoạt động sản xuất và mua hàng. Ngoài ra, tỷ

suất lợi nhuận gộp của Vinacafe đã được cải thiện nhờ sự phối hợp kinh doanh tương hỗ, điều này dẫn đến giá vốn hàng bán tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần giảm từ 75,3% vào năm 2011 xuống còn 72,4% vào năm 2012.

Lợi nhuận gộp

Với sự tăng trưởng về doanh thu, lợi ích về tính quy mô và tiết kiệm trong chi phí, lợi nhuận gộp tăng 37,6% từ mức 3.059 tỷ đồng trong năm 2011 lên 4.210 tỷ đồng trong năm 2012. Tỷ suất lợi nhuận gộp của Tập đoàn giảm từ 43,3% trong năm 2011 xuống còn 40,5% trong năm 2012, chủ yếu là do sự hợp nhất kết quả cả năm 2012 của Vinacafe vì Vinacafe có tỷ suất lợi nhuận gộp thấp hơn hoạt động kinh doanh của Masan Consumer. Bên cạnh hiệu ứng này, Masan Consumer đã được hưởng lợi từ việc tăng quy mô sản xuất, tự động hóa các cơ sở sản xuất và tiết kiệm chi phí vận hành, trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp của Vinacafe cũng được cải thiện nhờ thực hiện tốt sự phối hợp kinh doanh.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng trong năm 2012 đã tăng 31,2% đạt mức 1.325 tỷ đồng so với mức 1.010 tỷ đồng trong năm 2011. Chi phí bán hàng tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần giảm từ 14,3% trong năm 2011 xuống còn 12,8% trong năm 2012, nhờ sự tập trung của Masan Consumer vào việc quản lý chi phí và sự tích hợp thành công với Vinacafe đã nêu trên.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý trong năm 2012 là 728 tỷ đồng so với mức 406 tỷ đồng trong năm 2011. Chi phí quản lý tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần tăng từ 5,8% trong năm 2011 lên 7,0% trong năm 2012. Đây là kết quả của việc phân bổ khấu hao lợi thế thương mại trọn năm từ thương vụ Vinacafe, sự gia tăng chi phí nhân sự do việc tăng cường tuyển dụng thêm các chuyên viên phát triển kinh doanh và nhân sự quản lý chủ chốt cho toàn Tập Đoàn, và các chi phí mà sẽ được công ty mẹ bồi hoàn với giá trị thanh toán được trình bày riêng biệt trong mục "Thu nhập khác". Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma sau khi điều chỉnh để phân bổ khấu hao lợi thế thương mại từ thương vụ mua Vinacafe giữ ổn định ở mức 5,4% của doanh số

bán hàng (đối với thông tin chi tiết, xin vui lòng xem phần “Thảo luận về kiểm toán so với kết quả pro forma” bên dưới).

Thu nhập tài chính

Thu nhập tài chính giảm 31,7% còn 810 tỷ đồng trong năm 2012 từ 1.185 tỷ đồng trong năm 2011. Sự sụt giảm này chủ yếu là do thu nhập lãi thuần thấp hơn vì lãi suất thấp hơn và số dư tiền mặt cũng thấp hơn. Số dư tiền mặt giảm là do chúng tôi chi tiêu vào các hoạt động xây dựng và phát triển doanh nghiệp, chi tiết vui lòng xem phần “Tiền và các khoản tương đương tiền” bên dưới.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính giảm 11,3% từ 348 tỷ đồng trong năm 2011 xuống còn 308 tỷ đồng trong năm 2012, chủ yếu là do tiền lãi phải trả cho các trái chủ giảm xuống.

Thu nhập khác

Thu nhập khác tăng từ mức 22 tỷ đồng trong năm 2011 lên 211 tỷ đồng trong năm 2012. Mức tăng này chủ yếu là do thu nhập từ việc bồi hoàn chi phí từ công ty mẹ do chia sẻ chi phí thuê văn phòng và các chi phí quản lý khác.

Lợi nhuận từ Công ty liên kết

Lợi nhuận từ Công ty liên kết thể hiện phần lợi nhuận thuần của ngân hàng Techcombank và Proconco tương ứng với tỉ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu do Masan Group nắm giữ. Lợi nhuận từ công ty liên kết ghi nhận lỗ 338 tỷ đồng trong năm 2012, so với khoản lợi nhuận lời 393 tỷ đồng năm 2011. Giá trị sụt giảm này chủ yếu là do khấu hao lợi thế thương mại cho công ty liên kết mới Proconco gia tăng sau khi Masan Consumer mua lại 40,0% lợi ích kinh tế trong công ty và khoản khấu hao lợi thế thương mại của Techcombank với tổng giá trị ghi nhận là 664 tỷ đồng trong năm 2012, và cũng do lợi nhuận của Techcombank giảm trong năm 2012 do tình hình hoạt động kinh doanh khó khăn và do tăng dự phòng vốn vay cao làm lợi nhuận thuần của Techcombank năm 2012 giảm còn 766 tỷ đồng, tương ứng giảm 75,7% so với 2011.

Lợi nhuận thuần

Thành công vượt trội của hoạt động kinh doanh chính của Masan Group trong năm 2012 được phản ánh qua mức tăng trưởng 31,4% của lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT¹) từ 1.642 tỷ đồng năm 2011 lên 2.158 tỷ đồng trong năm 2012. Lợi nhuận thuần đạt 1.963 tỷ đồng trong năm 2012, giảm 21,4% so với mức 2.496 tỷ đồng trong năm 2011 vì lợi nhuận do công ty liên kết Techcombank đóng góp giảm mạnh. Sau khi được điều chỉnh để loại trừ tác động của khoản khấu hao lợi thế thương mại cho các công ty con và các công ty liên kết, lợi nhuận thuần pro forma của chúng tôi giảm nhẹ 9,9% từ 3.090 tỷ đồng năm 2011 xuống còn 2.783 tỷ đồng năm 2012. Để biết chi tiết về kết quả pro forma vốn phản ánh hoạt động trong điều kiện ổn định, vui lòng tham khảo thêm phần “Thảo luận về kết quả kiểm toán so với pro forma” bên dưới.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Masan Group duy trì số dư tiền mặt vững mạnh (bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn) ở mức 7.559 tỷ đồng vào ngày 31/12/2012, giảm 30,0% so với mức 10.796 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2011. Khoản tiền này không bao gồm tiền mới huy động từ KKR ở Masan Consumer vào tháng 1 năm 2013. Khoản sụt giảm trên là do dòng tiền cấp vốn cho các hoạt động xây dựng và phát triển kinh doanh, bao gồm thương vụ mua lại 40,0% cổ phần của Proconco với tổng giá trị 1.967 tỷ đồng, tăng thêm 4,6% tỷ lệ sở hữu tại Masan Consumer với tổng giá trị 1.933 tỷ đồng, và chi phí vốn đầu tư tại các công ty con, đặc biệt là chi phí xây dựng và phát triển dự án Núi Pháo của Masan Resources.

Trong năm 2012, Masan Group đã huy động được khoảng 130 triệu đô la Mỹ từ R.F. Chandler và Mount Kellett, và 2.200 tỷ đồng dưới hình thức trái phiếu, trong khi đó Masan Resources huy động được 80 triệu đô la Mỹ thông qua một khoản vay từ ngân hàng Standard Chartered. Masan Group tin rằng chúng tôi có đủ thanh khoản kể cả khi thị trường vốn khó khăn. Lượng tiền dồi dào này sẽ giúp tăng tính linh hoạt, chi trả các khoản chi phí vốn đầu tư cần thiết, xử lý các tình huống bất ngờ và giúp chúng tôi đầu tư vào tăng trưởng.

Tài sản cố định

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định đạt mức 17.729 tỷ đồng, tăng 57,1% từ mức 11.288 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Sự gia tăng này chủ yếu bắt nguồn từ khoản chi phí vốn đầu tư cho dự án Núi Pháo cũng như việc đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất nước mắm tự động, toà nhà văn phòng mới của Masan Consumer và nhà máy mới của Vinacafe.

Đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Trong tháng 12/2012, Masan Group đã mua thêm cổ phần của Masan Consumer với tổng giá trị 1.933 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 80,8%. Sau đó, việc KKR đầu tư vào Masan Consumer vào tháng 1/2013 đã làm pha loãng quyền sở hữu của chúng tôi trong Masan Consumer xuống mức 77,7%.

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết bao gồm các khoản đầu tư cho 30,4% lợi ích kinh tế thực trong ngân hàng Techcombank và 32,3% lợi ích kinh tế thực trong công ty Proconco vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Vào tháng 10/2012, một công ty con do Masan Consumer sở hữu toàn phần đã mua lại 40,0% cổ phần của Proconco với tổng giá trị tiền mặt xấp xỉ 1.967 tỷ đồng. Việc mua lại cổ phần này dẫn đến kết quả Masan Group sở hữu 32,3% lợi ích kinh tế thực trong công ty Proconco.

Tổng tài sản

Tổng tài sản tăng thêm 15,3% từ 33.573 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 lên 38.699 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, là kết quả của các khoản chi phí vốn đầu tư (đặc biệt cho dự án Núi Pháo và mở rộng các nhà máy của Masan Consumer) và gia tăng đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết (với việc mua lại cổ phần của công ty Proconco).

Các khoản vay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tăng 52,9% lên 14.441 tỷ đồng, tương ứng với 37,3% tổng nguồn vốn. Phần lớn sự gia tăng này đến từ các khoản

vay dài hạn, bao gồm 2.200 tỷ đồng từ trái phiếu được phát hành ở Masan Group và các khoản vay dài hạn từ các công ty con, bao gồm Masan Consumer và Masan Resources cùng với việc huy động 80 triệu đô la Mỹ thông qua ngân hàng Standard Chartered. Như đã nêu trên, Masan Group tin rằng chúng tôi có đủ thanh khoản kể cả khi thị trường vốn khó khăn. Lượng tiền dồi dào này sẽ giúp tăng tính linh hoạt, chi trả các khoản chi phí vốn đầu tư cần thiết, xử lý các tình huống bất ngờ và giúp chúng tôi đầu tư vào tăng trưởng. Do đó, Tập đoàn nắm giữ lượng tiền mặt và tương đương tiền mặt 7.559 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, chưa tính đến lượng tiền mặt huy động từ KKR vào tháng 1/2013.

Trừ đi các hối phiếu nhận nợ, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn nằm ở mức 11.585 tỷ đồng. Các hối phiếu nhận nợ trị giá 2.856 tỷ đồng được phát hành cho đối tác vào thời điểm mua lại quyền sở hữu trong dự án Núi Pháo và sẽ không còn giá trị nếu thực hiện quyền chọn mua cổ phần phổ thông Masan Group để thanh toán những hối phiếu nhận nợ này thay vì trả bằng tiền mặt. Quyền chọn này là một phần trong giao dịch mua bán dự án Núi Pháo. Vào ngày 31/12/2012, quyền chọn này có giá trị dương. Masan Group có quyền bắt buộc chuyển đổi quyền chọn này vào ngày 31/12/2012 dựa trên các điều khoản của quyền chọn.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.884 tỷ đồng, so với mức 15.876 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, tương ứng với mức giảm 12,5%. Việc giảm vốn chủ sở hữu này chủ yếu bắt nguồn từ (i) việc giảm vốn khác do việc mua lại các công cụ gắn liền với vốn cổ phần và (ii) việc mua thêm 4,6% lợi ích kinh tế trong công ty Masan Consumer trong năm qua (chênh lệch giữa chi phí mua cổ phần và tài sản thuần được ghi nhận thành mức giảm trong các quỹ dự phòng khác).

1. EBIT được tính toán bằng cách lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

THẢO LUẬN VỀ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN SO VỚI PRO FORMA

Pro forma, dù không phải là số liệu được kiểm toán, chỉ là kết quả dựa trên các số liệu đã được kiểm toán và được điều chỉnh để thể hiện kết quả hoạt động ổn định. Những mục điều chỉnh này bao gồm (a) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thể thương mại từ việc chuyển nhượng quyền sở hữu trong ngân hàng Techcombank trong hai năm tài chính 2012 và 2011, với giả định Masan Group nắm giữ 30,4% lợi ích kinh tế trong Techcombank từ ngày 1 tháng 1 năm 2011; (b) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thể thương mại, tài sản hữu hình và tài sản vô hình từ thương vụ mua lại Vinacafe Biên Hòa cho năm tài chính 2012 và 2011; và (c) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thể thương mại từ thương vụ mua lại cổ phần công ty Proconco trong năm tài chính 2012.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH PRO FORMA

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma được tính toán sau khi hoàn nhập khoản phân bổ lợi thể thương mại, tài sản hữu hình và tài sản vô hình từ thương vụ mua lại Vinacafe Biên Hòa. Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma trong năm 2012 là 560 tỷ đồng so với mức 378 tỷ đồng trong năm 2011. Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần vẫn ổn định ở mức 5,4% trong năm 2012.

Lợi nhuận từ Công ty liên kết

Lợi nhuận pro forma từ Công ty liên kết được tính toán sau khi hoàn nhập khoản phân bổ lợi thể thương mại từ việc chuyển nhượng quyền sở hữu trong ngân hàng Techcombank, với giả định Masan Group nắm giữ 30,4% lợi ích kinh tế trong Techcombank từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, và hoàn nhập khoản phân bổ lợi thể thương mại từ thương vụ mua lại cổ phần công ty Proconco trong năm tài chính 2012. Lợi nhuận pro forma từ Công ty liên kết giảm 66,1% xuống 326 tỷ đồng trong năm 2012 do mức lợi nhuận thấp hơn từ ngân hàng Techcombank.

Lợi nhuận thuần sau thuế

Lợi nhuận thuần pro forma là 2.783 tỷ đồng trong năm 2012, tương ứng với mức giảm 9,9% từ 3.090 tỷ đồng trong năm 2011. Khoản giảm này chủ yếu là do mức lợi nhuận thuần từ ngân hàng Techcombank thấp hơn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 7 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 7 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Ông Madhur Maini
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho năm kết thúc cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Eric

Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 82. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và các kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-809



Chang Hung Chun

Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013



Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.221.223	12.541.434	2.643.573	2.291.494
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	5.718.717	9.573.593	2.160.026	1.510.736
Tiền	111		151.205	175.717	9.484	23.284
Các khoản tương đương tiền	112		5.567.512	9.397.876	2.150.542	1.487.452
Đầu tư ngắn hạn	120	12	1.840.500	1.222.500	68.000	373.000
Các khoản phải thu	130	7	942.881	903.317	376.179	387.496
Phải thu khách hàng	131		121.300	193.615	-	-
Trả trước cho người bán	132		475.436	363.633	117.773	57.977
Phải thu khác	135		346.523	347.153	258.406	329.519
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(378)	(1.084)	-	-
Hàng tồn kho	140	8	563.855	612.845	-	-
Hàng tồn kho	141		575.846	625.746	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.991)	(12.901)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		155.270	229.179	39.368	20.262
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.492	129.695	496	1.391
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		105.858	55.418	30.243	17.739
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	103	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		21.920	43.963	8.629	1.132

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		29.478.033	21.031.185	23.197.560	22.289.000
Các khoản phải thu – dài hạn	210	7	23.158	-	1.658.406	2.762.294
Phải thu khác	218		23.158	-	1.658.406	2.762.294
Tài sản cố định	220		17.728.751	11.287.505	84.437	19.201
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.547.311	879.199	11.707	14.317
Nguyên giá	222		2.040.428	1.196.701	17.698	16.519
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(493.117)	(317.502)	(5.991)	(2.202)
Tài sản cố định vô hình	227	10	863.516	983.239	1.102	1.316
Nguyên giá	228		1.028.783	1.021.469	1.566	1.451
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(165.267)	(38.230)	(464)	(135)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	15.317.924	9.425.067	71.628	3.568
Đầu tư dài hạn	250	12	11.313.619	9.321.085	21.423.058	19.490.421
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	12.490.634	10.557.997
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		10.948.119	9.321.085	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		365.500	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		412.505	422.595	31.659	17.084
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	97.060	88.066	21.346	7.400
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	36.035	24.798	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		30.778	32.626	10.313	9.684
Lợi thế thương mại	269	15	248.632	277.105	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.699.256	33.572.619	25.841.133	24.580.494

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		18.994.871	12.017.587	10.020.279	6.821.280
Nợ ngắn hạn	310		4.748.364	3.625.783	473.329	3.237.125
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.793.384	2.032.397	-	2.630.000
Phải trả người bán	312		973.856	422.772	1.854	523
Người mua trả tiền trước	313		14.490	7.994	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	608.893	291.359	-	5.193
Phải trả người lao động	315		12.480	12.618	-	-
Chi phí phải trả	316	18	1.300.931	824.384	471.475	339.697
Phải trả khác	319	19	44.330	34.259	-	261.712
Vay và nợ dài hạn	330		14.246.507	8.391.804	9.546.950	3.584.155
Nợ dài hạn khác	333	19	737.832	-	2.170.428	256.195
Vay và nợ dài hạn	334	20	12.647.177	7.409.781	7.376.522	3.327.960
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	860.117	973.459	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	1.381	8.564	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		13.883.837	15.875.652	15.820.854	17.759.214
Vốn chủ sở hữu	410		13.883.837	15.875.652	15.820.854	17.759.214
Vốn cổ phần	411	23	6.872.801	5.152.723	6.872.801	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	7.999.167	2.166.136	7.999.167	2.166.136
Vốn khác của chủ sở hữu	413	24	1.721.824	10.462.804	1.721.824	10.462.804
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(16.128)	(16.066)	-	-
Vốn khác	418	12	(8.619.479)	(6.569.981)	(530.235)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.925.652	4.680.036	(242.703)	(22.449)
LỢI ÍCH CŨ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5.820.548	5.679.380	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		38.699.256	33.572.619	25.841.133	24.580.494

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 có các đơn vị tiền tệ khác VND là:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ:				
USD	168.860.335	110.370.528	66.367.554	9.590.493
EUR	4.947	1.284.391	-	-

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng



Eric



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012	2011	2012	2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	25	10.575.249	7.239.003	-	-
Các khoản giảm trừ	02	25	185.835	182.154	-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	10.389.414	7.056.849	-	-
Giá vốn hàng bán	11	26	6.178.926	3.997.834	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		4.210.488	3.059.015	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	809.824	1.185.206	1.221.639	645.584
Chi phí tài chính	22	28	309.385	347.725	1.325.744	717.657
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		279.176	316.251	955.620	579.291
Chi phí bán hàng	24		1.325.121	1.010.149	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		727.529	406.374	258.602	150.487
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		2.658.277	2.479.973	(362.707)	(222.560)
Thu nhập khác	31	29	214.517	22.169	142.453	-
Chi phí khác	32	30	46.474	26.303	-	73
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		168.043	(4.134)	142.453	(73)
(Lỗ)/lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	31	(337.798)	392.733	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		2.488.522	2.868.572	(220.254)	(222.633)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	32	650.509	247.114	-	-
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	32	(124.579)	125.450	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.962.592	2.496.008	(220.254)	(222.633)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

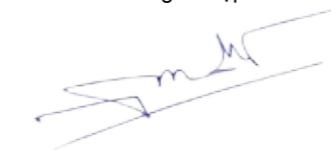
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012	2011	2012	2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (mang từ trang trước sang)			1.962.592	2.496.008	(220.254)	(222.633)
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		702.074	522.859	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		1.260.518	1.973.149	-	-
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	5	1.776	2.909	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VND	70	5	1.634	2.523	-	-

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012	2011	2012	2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.488.522	2.868.572	(220.254)	(222.633)
Điều chỉnh cho						
Khấu hao và phân bổ	02		349.906	142.120	10.797	5.112
Các khoản dự phòng	03		34.492	86.870	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(204)	(16.689)	-	(18.184)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		4.911	5.210	-	-
Thu nhập lãi từ tiền gửi và phí duy trì hạn mức vay	05		(789.189)	(1.124.958)	(1.221.572)	(602.109)
Chi phí lãi vay và phí duy trì hạn mức vay	06		279.176	316.251	1.302.041	701.046
Lỗ/(lợi nhuận) từ các công ty liên kết	07		337.798	(392.733)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.705.412	1.884.643	(128.988)	(136.768)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		169.869	(35.172)	228.653	(136.272)
Biến động hàng tồn kho	10		8.195	(173.878)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		219.840	74.423	(482.637)	23.508
			3.103.316	1.750.016	(382.972)	(249.532)
Tiền lãi vay đã trả	13		(745.684)	(149.650)	(243.736)	(59.020)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(317.354)	(148.616)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.245)	(11.304)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		2.031.033	1.440.446	(626.708)	(308.552)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012	2011	2012	2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.785.098)	(2.208.260)	(69.354)	(20.944)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		2.023	2.406	-	-
Khoản vay cấp cho các công ty con	23		-	-	(2.028.000)	(2.136.347)
Tiền thu hồi các khoản vay từ các công ty con	23		-	-	4.028.000	97.651
Khoản vay cấp cho công ty liên quan	23		-	(715.000)	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ công ty liên quan	23		-	715.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(32.720.670)	(46.504.552)	(68.000)	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		31.364.170	46.145.052	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào công ty liên kết	25		(2.015.748)	(1.000.000)	-	(1.000.000)
Tiền thuần chi cho việc mua công ty con	25		-	(808.828)	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con và các đơn vị khác	25		(2.054.692)	-	(1.932.647)	-
Tiền chi cho đầu tư trái phiếu	25		(48.000)	(800.000)	(48.000)	(800.000)
Tiền thu từ bán một công ty con cho một công ty con khác	26		-	-	10	-
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	26		421.000	427.000	421.000	427.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27		764.282	994.340	309.369	196.483
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(10.072.733)	(3.752.842)	612.378	(3.236.157)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012	2011	2012	2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		411.000	-	411.000	-
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31		12.500	5.329.180	-	-
Tiền thu từ phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu	31		2.707.640	-	2.707.640	-
Tiền chi mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	32		(4.634.395)	-	(4.634.395)	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		8.749.029	5.215.862	2.200.000	4.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.009.517)	(2.092.857)	-	-
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	36		(20.625)	-	(20.625)	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của một công ty con	36		(25.988)	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		4.189.644	8.452.185	663.620	4.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(3.852.056)	6.139.789	649.290	455.291
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		9.573.593	3.394.575	1.510.736	1.037.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(2.820)	39.229	-	18.184
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	5.718.717	9.573.593	2.160.026	1.510.736

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tăng khoản đầu tư thông qua việc phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	811.091	-	811.091
Chi phí giao dịch cần trừ với tiền thu từ khoản vay tương ứng	-	164.944	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi các khoản vay	796.524	-	796.524	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua việc chuyển đổi các vốn khác của chủ sở hữu	6.358.644	-	6.358.644	-
Chuyển lãi vay thành khoản vay	43.332	-	-	-

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:




Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan)	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến)	Sản xuất nước chấm	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San HD)	Sản xuất mì ăn liền	80,8%	76,5%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	76,4%	72,3%

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt)	Sản xuất bao bì	80,8%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ (**)	Tư vấn quản lý	80,8%	-
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	43%	38,4%
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	65%	65%

(*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược không được sở hữu bởi Công ty nhưng Công ty được ủy quyền 100% quyền bỏ phiếu và tất cả các lợi ích kinh tế liên quan đến quyền sở hữu trong các công ty này. Do đó, Công ty có quyền kiểm soát các công ty này.

(**) Trong năm, Công ty đã mua Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ ("HMG") và sử dụng như một công cụ đầu tư để mua 40% lợi ích của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc ("Proconco") mà trước đó được giữ bởi hai quỹ đầu tư là Prudential Vietnam Assurance Private Limited và PCA International Funds SPC. Tổng giá trị giao dịch là 2.028.010 triệu VND trong đó 10 triệu VND là vốn chủ sở hữu HMG và 2.028.000 triệu VND cho HMG vay để mua Proconco. Sau đó, vốn chủ sở hữu cùng khoản vay của HMG được chuyển giao bằng giá gốc cho Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, một công ty con của Công ty. Kết quả là, HMG trở thành công ty con và sở hữu khoản nợ vay trên đối với Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (xem Thuyết minh 12(a)).

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 41 nhân viên (31/12/2011: 41 nhân viên) và Tập đoàn có 5.832 nhân viên (31/12/2011: 5.555 nhân viên).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam và làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông ("Cổ đông Kiểm soát") trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập ("nguyên tắc mang sang toàn bộ"). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

(ii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Khi sự thay đổi quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5 - 25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) *Phần mềm vi tính*

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

(iii) *Thương hiệu*

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(iv) *Quan hệ khách hàng*

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(i) *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn tất công tác triển khai, mà thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

(j) *Chi phí trả trước dài hạn*

(i) *Chi phí trước hoạt động*

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) *Công cụ, dụng cụ và trực in*

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(iv) *Chi phí vay*

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

(v) *Phí bảo hiểm*

Phí bảo hiểm được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo thời gian hữu dụng trong vòng hai năm.

(vi) *Phí nâng cấp trang web*

Phí nâng cấp trang web được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Tập đoàn và Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn và Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn và Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn và Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) *Vốn chủ sở hữu*

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) *Vốn khác*

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(q) *Doanh thu*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) *Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính*

(i) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(x) Chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

4. BÁO CÁO CHIA THEO BỘ PHẬN KINH DOANH

Tập đoàn có bốn (4) bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này đem đến các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Hội đồng Quản trị của Tập đoàn soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Thực phẩm và đồ uống
- Khai thác khoáng sản

Tập đoàn cũng đầu tư và có ảnh hưởng đáng kể đối với một ngân hàng cổ phần và Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem các dịch vụ Tài chính là một bộ phận kinh doanh riêng. Trong năm Tập đoàn cũng đầu tư và có ảnh hưởng đáng kể đến một tập đoàn vận hành các nhà máy thức ăn gia súc và cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng cho động vật. Tập đoàn xem Dinh dưỡng động vật là một bộ phận kinh doanh riêng.

Báo cáo theo bộ phận kinh doanh

Triệu VND	Thực phẩm và đồ uống		Dinh dưỡng động vật		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
Doanh thu của bộ phận	10.389.414	7.056.849	-	-	-	-	-	-	10.389.414	7.056.849
Lợi nhuận gộp của bộ phận	4.210.488	3.059.015	-	-	-	-	-	-	4.210.488	3.059.015
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.733.282	2.158.106	2.555	-	113.099	262.477	(340.353)	392.733	2.508.583	2.813.316
Chi phí không phân bổ									(258.446)	(150.487)
Doanh thu hoạt động tài chính									232.753	388.892
Chi phí tài chính									(162.411)	(179.015)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm lợi nhuận từ công ty liên kết)									2.320.479	2.872.706
Thu nhập khác									214.517	22.169
Chi phí khác									(46.474)	(26.303)
Chi phí thuế thu nhập									(525.930)	(372.564)
Lợi nhuận thuần									1.962.592	2.496.008

Khoản lợi nhuận kế toán từ bộ phận Dinh dưỡng động vật của Tập đoàn đến từ việc phân bổ giá mua và lợi thế thương mại. Nếu những khoản phân bổ này được cộng ngược lại thì khoản lợi nhuận kế toán của bộ phận này sẽ là 89.775 triệu VND.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Triệu VND	Thực phẩm và đồ uống		Dinh dưỡng động vật		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản của bộ phận	9.816.942	9.387.054	1.967.387	-	15.220.632	12.570.448	8.980.732	9.321.085	35.985.693	31.278.587
Tài sản không phân bổ									2.713.563	2.294.032
Tổng tài sản									38.699.256	33.572.619
Nợ phải trả của bộ phận	5.734.363	4.967.970	-	-	4.954.500	918.720	-	-	10.688.863	5.886.690
Nợ phải trả không phân bổ									8.306.008	6.130.897
Tổng nợ phải trả									18.994.871	12.017.587

Triệu VND	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
Chi tiêu vốn	861.222	558.495	-	-	4.854.522	1.628.630	-	-	5.715.744	2.187.125
Khấu hao	175.994	102.000	-	-	10.376	1.829	-	-	186.370	103.829
Khấu hao tài sản cố định vô hình và lợi thế thương mại	153.068	29.267	-	-	2.113	576	-	-	155.181	29.843

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

5. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại cho năm kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 1.260.518 triệu VND (2011: 1.973.149 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 709.729.864 cổ phiếu (2011: 678.369.685 cổ phiếu). được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.260.518	1.973.149

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	515.272.269	515.272.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền	23.533.973	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi	17.552.330	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho vốn khác của chủ sở hữu	96.463.766	-
Ảnh hưởng của việc mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	25.235.234	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	31.672.292	152.579.160
Ảnh hưởng của các công cụ vốn phát hành để mua thêm lợi ích trong một công ty liên kết	-	10.518.256
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối năm	709.729.864	678.369.685

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm phát sinh từ quyền chọn mua và khoản vay có thể chuyển đổi.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	1.260.518	1.973.149
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số, sau thuế	30.687	14.510
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (suy giảm)	1.291.205	1.987.659

Lợi nhuận thuần suy giảm phân bổ cho cổ đông có bao gồm lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông thiểu số.

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2012	2011
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	709.729.864	678.369.685
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi của các khoản vay có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu	80.269.845	109.586.687
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)	789.999.709	787.956.372

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	4.652	2.804	2.797	432
Tiền gửi ngân hàng	146.553	172.913	6.687	22.852
Các khoản tương đương tiền	5.567.512	9.397.876	2.150.542	1.487.452
	5.718.717	9.573.593	2.160.026	1.510.736

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một phần của khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn được thế chấp tại các Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 16).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản trả trước cho người bán là 348.884 triệu VND (31/12/2011: 287.414 triệu VND) liên quan đến chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	206.244	232.399	224.902	266.265
Lãi trích trước phải thu từ:				
▪ Tiền gửi	82.686	44.022	2.902	4.931
▪ Đầu tư trái phiếu	-	13.757	-	13.757
Thuế GTGT của nhà thầu nước ngoài	24.257	-	7.345	-
Các dịch vụ phải thu	23.257	44.566	23.257	44.566
Phải thu khác	10.079	12.409	-	-
	346.523	347.153	258.406	329.519
Phải thu dài hạn khác				
Lãi dài hạn phải thu	23.158	-	-	-
Khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	-	-	1.658.406	2.762.294
	23.158	-	1.658.406	2.762.294

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	230.446	142.244	230.446
Cổ tức phải thu từ Proconco – ngắn hạn	64.000	-	-	-
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	1.953	82.658	35.819
Phi thương mại – dài hạn	-	-	1.658.406	2.762.294

Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Ma San và một công con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng, bao gồm:

- Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 12% đến 15% một năm với số tiền là 892.508 triệu VND đối với khoản vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 188 triệu USD và 2.200 tỷ VND, chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2014 và 2016.
- Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và các công ty con có số vốn gốc là 487.500 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2014;
- 278.398 triệu VND liên quan đến lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2014, từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 mà khoản vay này đã được hoàn trả trong năm.

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

8. HÀNG TỒN KHO

	Tập đoàn	
	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	15.349	31.028
Nguyên vật liệu	396.321	409.748
Công cụ và dụng cụ	26.794	1.152
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.448	64.939
Thành phẩm	48.934	118.879
	575.846	625.746
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.991)	(12.901)
	563.855	612.845

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Tập đoàn	
	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	12.901	6.347
Tăng dự phòng trong năm	46.618	86.491
Sử dụng dự phòng trong năm	(41.705)	(79.937)
Hoàn nhập	(5.823)	-
Số dư cuối năm	11.991	12.901

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một phần hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp với Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con (xem Thuyết minh 16).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tập đoàn:

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	244.496	21.562	38.917	860.263	31.463	1.196.701
Tăng trong năm	14.908	299	26.275	52.036	8.762	102.280
Chuyển từ chi phí xây Dựng cơ bản dở dang	206.216	664	8.144	554.776	84	769.884
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.559)	-	-	(2.120)	-	(8.679)
Thanh lý	(5.919)	-	(938)	(11.018)	(366)	(18.241)
Xóa sổ	(135)	-	(125)	(1.257)	-	(1.517)
Phân loại lại	702	-	(2.861)	2.148	11	-
Số dư cuối năm	453.709	22.525	69.412	1.454.828	39.954	2.040.428
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	35.162	6.157	15.967	246.934	13.282	317.502
Khấu hao trong năm	21.563	5.504	13.704	143.686	5.702	190.159
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(130)	-	-	(1.590)	-	(1.720)
Thanh lý	(2.901)	-	(896)	(7.145)	(365)	(11.307)
Xóa sổ	(135)	-	(125)	(1.257)	-	(1.517)
Phân loại lại	398	-	(1.858)	1.456	4	-
Số dư cuối năm	53.957	11.661	26.792	382.084	18.623	493.117
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	209.334	15.405	22.950	613.329	18.181	879.199
Số dư cuối năm	399.752	10.864	42.620	1.072.744	21.331	1.547.311

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản trị giá 71.270 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012(31/12/2011: 39.221 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 24.138 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012(31/12/2011: 23.946 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 35.556 triệu VND tại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012(31/12/2011: 7.914 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 613.304 triệu VND (31/12/2011: 312.378 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con.

Công ty:

	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.896	1.623	16.519
Tăng trong năm	187	992	1.179
Số dư cuối năm	15.083	2.615	17.698
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.830	372	2.202
Khấu hao trong năm	3.158	631	3.789
Số dư cuối năm	4.988	1.003	5.991
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	13.066	1.251	14.317
Số dư cuối năm	10.095	1.612	11.707

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tập đoàn:

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Nhãn hiệu Triệu VND	Quan hệ khách hàng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	142.625	13.762	544.435	320.647	1.021.469
Tăng trong năm	-	5.410	-	-	5.410
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.732	172	-	-	1.904
Số dư cuối năm	144.357	19.344	544.435	320.647	1.028.783
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.053	6.067	9.422	10.688	38.230
Khấu hao trong năm	3.867	4.534	54.505	64.131	127.037
Số dư cuối năm	15.920	10.601	63.927	74.819	165.267
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	130.572	7.695	535.013	309.959	983.239
Số dư cuối năm	128.437	8.743	480.508	245.828	863.516

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình là tài sản trị giá 1.931 triệu VND được khấu hao hết tại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012(31/12/2011: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2012, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 53.659 triệu VND (31/12/2011: 55.088 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con.

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Công ty:

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.451
Tăng trong năm	115
Số dư cuối năm	1.566
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	135
Khấu hao trong năm	329
Số dư cuối năm	464
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.316
Số dư cuối năm	1.102

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tập đoàn		Công ty	
	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	9.425.067	7.616.520	3.568	1.569
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	4.273	-	-
Tăng trong năm	6.672.427	2.028.436	68.060	16.895
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(769.884)	(222.070)	-	(14.896)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.904)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.782)	(2.092)	-	-
Số dư cuối năm	15.317.924	9.425.067	71.628	3.568

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 1.040.937 triệu VND (2011: 198.437 triệu VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	12.490.634	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết (a)	10.948.119	9.321.085	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác (b)	365.500	-	-	-
	11.313.619	9.321.085	21.423.058	19.490.421
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn (c)	-	373.000	-	373.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (c)	1.840.500	849.500	68.000	-
	1.840.500	1.222.500	68.000	373.000

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	10.333.461	8.400.824
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	1.199.373	1.199.373
	12.490.634	10.557.997

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Chi tiết các công ty con được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan)	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến)	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San HD)	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San PQ	261 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt)	Lô III-12-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Cổ Phần Tâm Nhìn Ma San	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

(a) Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) (*)	8.980.732	9.321.085	8.932.424	8.932.424
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc Proconco ("Proconco") (**)	1.967.387	-	-	-
	10.948.119	9.321.085	8.932.424	8.932.424

(*) Vào ngày 4 tháng 9 năm 2012, lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong Techcombank đã suy giảm từ 30,61% còn 30,44% (31/12/2011: 30,61%) do kết quả từ việc phát hành thêm cổ phiếu của Techcombank. Lợi ích kinh tế của Tập đoàn bao gồm 15,68% lợi ích vốn chủ sở hữu trực tiếp và 14,76% trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 10 năm phát hành bởi Techcombank mà Công ty đã đồng ý chuyển đổi một cách bắt buộc và không thể hủy ngang trong thời hạn chuyển đổi, theo các quy định pháp lý và các thông lệ được chấp thuận.

(**) Trong năm, Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mười Giờ ("HMG"), một công ty con của Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, đã mua 40% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco từ hai công ty quỹ Prudential Vietnam Assurance Private Limited và PCA International Funds SPC. Tập đoàn nắm giữ 32,32% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco tại Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm từ 11% đến 14% trong năm (31/12/2011: không có).

(c) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm từ 8% đến 12% trong năm (2011: 14%).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(d) Các giao dịch với các công ty con trong năm 2012 – các giao dịch với cổ đông thiểu số

(i) *Phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên*

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2012, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (“MSC”), một công ty con, đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà Tập đoàn không đăng ký mua	12.500
Tài sản thuần suy giảm	(34.947)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(22.447)

(ii) *Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số trong một công ty con*

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2012, Công ty mua lại 4,64% lợi ích kinh tế trong MSC bằng tiền có giá trị là 1.932.637 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(1.932.637)
Tài sản thuần tăng thêm	491.929
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(1.440.708)

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

(iii) *Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa*

Trong năm, lợi ích thực tế của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (“Vinacafe”) tăng từ 38,4% lên 43% do kết quả của các giao dịch mua thêm lợi ích vốn chủ sở hữu với tổng số tiền là 122.044 triệu VND:

Tất cả giao dịch mua thêm được thực hiện thông qua một công ty con, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, và tất cả giao dịch mua được thanh toán bằng tiền.

Việc mua lại dẫn đến các ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(122.044)
Tài sản thuần tăng thêm	48.380
	(73.664)
Chênh lệch phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	17.556
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(56.108)

Biến động vốn khác như sau:

	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	(6.569.981)
Giảm lợi ích của đồng thiểu số tại MSC	(1.463.155)
Giảm lợi ích của đồng thiểu số tại một công ty con của MSC	(56.108)
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(c))	(530.235)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	(8.619.479)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(e) Các giao dịch với các công ty con trong năm 2011

(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San

Vào ngày 7 tháng 4 năm 2011, Kohlberg Kravis Roberts & Co. L.P. ("KKR") thông qua Công ty MC Holdings II (Cayman) Limited đã mua cổ phiếu mới do Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San ("MSC") phát hành tương đương 10% cổ phần sau khi phát hành với giá trị là 3.327.552 triệu VND.

Cùng với việc phát hành trên, Công ty đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư, trong đó nếu việc định giá vốn chủ sở hữu của MSC căn cứ trên 16 lần của lợi nhuận của năm 2011 không đạt được mức định giá của MSC đã thỏa thuận ban đầu, Công ty sẽ chuyển một số cổ phiếu nhất định của MSC cho nhà đầu tư để đạt được mức định giá thực tế là 16 lần lợi nhuận của năm 2011. Ngoài ra, nếu tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của MSC trong giai đoạn các năm 2011-2013 thấp hơn tỉ lệ sinh lợi nội bộ đã thỏa thuận ở mức 20% bằng tiền VND hoặc 15% bằng tiền USD theo cách chọn lựa của Công ty, Công ty cũng sẽ chuyển giao một số lượng cổ phiếu MSC nhất định thuộc sở hữu Công ty cho nhà đầu tư. Việc điều chỉnh lợi nhuận và điều chỉnh tỉ lệ sinh lợi nội bộ là các xét đoán tiềm tàng.

Trong thời hạn 6 năm kể từ ngày giao dịch có hiệu lực, nếu MSC không hoàn tất việc phát hành chứng khoán ra công chúng, theo quy định trong thỏa thuận, nhà đầu tư sẽ có quyền chọn bán cổ phiếu MSC lấy cổ phiếu của Công ty trong một thời gian nhất định. Nếu nhà đầu tư không thực hiện quyền chọn bán này trong thời hạn hiệu lực, Công ty có thể mua cổ phiếu MSC từ nhà đầu tư trong khoảng thời gian một năm sau khi kết thúc thời hạn của quyền chọn bán bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng 50% vừa bằng tiền và cổ phiếu với giá trị đã được thỏa thuận trước với nhà đầu tư.

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2011, Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRC Limited đã đăng ký mua cổ phiếu mới của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San ("MR") bằng tiền có giá trị là 100 triệu Đô la Mỹ tương đương 2.059.120 triệu VND. Nhà đầu tư đã sở hữu 20% lợi ích trong MR. Cùng với giao dịch này, Tập đoàn đầu tư 487.500 triệu VND vào MR để mua cổ phiếu phổ thông mới phát hành, tổng hợp lại làm suy giảm lợi ích của Tập đoàn trong MR từ 80% xuống còn 65%. Công ty cũng cấp cho nhà đầu tư quyền bán 20% quyền sở hữu trong MR đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong trường hợp MR chưa được niêm yết trong vòng 4,5 năm sau khi kết thúc giao dịch. Số cổ phiếu phát hành trong trường hợp quyền bán được thực hiện sẽ được căn cứ theo giá giao dịch cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu để cho phép nhà đầu tư thu được tỉ lệ sinh lợi nội bộ hàng năm là 15%, dựa vào số tiền Đô la Mỹ đầu tư.

(f) Hợp đồng hoán đổi ký kết trong năm 2010

Hợp đồng hoán đổi MSC – Cùng với việc mua thêm 16% lợi ích kinh tế của MSC trong năm 2010, Công ty đã ký kết hợp đồng hoán đổi với người bán. Hợp đồng hoán đổi cho phép Công ty nhận từ không triệu đến 2.609.503 triệu đồng tiền mặt trong vòng 3,5 năm dựa trên kết quả hoạt động của MSC từ năm 2011 đến năm 2013. Khoản phải thu từ hợp đồng hoán đổi này dựa trên lợi nhuận và sự tăng trưởng lợi nhuận của MSC và sẽ dao động trong khoản từ 1.538 tỷ VND đến 2.000 tỷ VND. Khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi này là một tài sản tiềm tàng và không được ghi nhận vì việc thu khoản này là không chắc chắn. Trong trường hợp Công ty chấm dứt hợp đồng hoán đổi trước thời hạn, hợp đồng hoán đổi sẽ không có giá trị.

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Tập đoàn:

	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đất trả trước	Trục in	Công cụ và dụng cụ	Chi phí vay	Phí bảo hiểm	Phí nâng cấp trang web	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	56.796	2.346	610	3.419	6.720	17.495	680	88.066
Tăng trong năm	-	-	3.377	5.634	20.625	28.123	-	57.759
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	7.782	-	-	-	7.782
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	6.959	-	-	-	6.959
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(1.453)	-	(6.002)	-	(7.455)
Phân bổ trong năm	-	(60)	(3.232)	(6.464)	(6.135)	(39.616)	(544)	(56.051)
Số dư cuối năm	56.796	2.286	755	15.877	21.210	-	136	97.060

Công ty:

	Chi phí vay	Phí nâng cấp trang web	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	6.720	680	7.400
Tăng trong năm	20.625	-	20.625
Phân bổ trong năm	(6.135)	(544)	(6.679)
Số dư cuối năm	21.210	136	21.346

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Tập đoàn	
	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng phải thu khó đòi	-	206
Chiết khấu hàng bán trích trước	9.133	17.469
Chi phí quảng cáo khuyến mại trích trước	14.193	21.740
Chi phí vận chuyển phải trả	6.677	7.426
Chi phí phải trả khác	4.041	5.519
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.991	3.591
Trừ đi: cần trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(31.153)
	36.035	24.798
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	(751.021)
Tài sản cố định hữu hình	(11.330)	(12.808)
Tài sản cố định vô hình	(97.766)	(106.785)
Phải thu khác	-	(3.533)
Lãi dự thu	-	(130.465)
Trừ đi: cần trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	31.153
	(860.117)	(973.459)
	(824.082)	(948.661)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

(ii) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	31/12/2011	Được ghi nhận vào thu nhập	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng phải thu khó đòi	206	(206)	-
Chiết khấu hàng bán trích trước	17.469	(8.336)	9.133
Chi phí khuyến mãi và quảng cáo trích trước	21.740	(7.547)	14.193
Chi phí vận chuyển phải trả	7.426	(749)	6.677
Chi phí phải trả khác	5.519	(1.478)	4.041
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.591	(1.600)	1.991
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	-	(751.021)
Tài sản cố định hữu hình	(12.808)	1.478	(11.330)
Tài sản cố định vô hình	(106.785)	9.019	(97.766)
Phải thu khác	(3.533)	3.533	-
Lãi dự thu	(130.465)	130.465	-
	(948.661)	124.579	(824.082)

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Chi phí phải trả khác	27.768	-	27.768	-
Lỗi tính thuế	102.185	58.760	79.981	53.630
	129.953	58.760	107.750	53.630

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực trong năm năm kể từ năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn và Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Lỗ tính thuế hết hiệu lực trong các năm như sau

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Số lỗ được khấu trừ	
		Tập đoàn	Công ty
		Triệu VND	Triệu VND
2014	Chưa quyết toán	9.000	3.572
2015	Chưa quyết toán	4.700	-
2016	Chưa quyết toán	235.015	210.948
2017	Chưa quyết toán	292.637	216.478
		541.352	430.998

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Tập đoàn
	31/12/2012
	Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/Số dư cuối năm	284.728
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.623
Khấu hao trong năm	28.473
Số dư cuối năm	36.096
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	277.105
Số dư cuối năm	248.632

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn	1.540.393	1.298.728	-	2.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	252.991	733.669	-	630.000
	1.793.384	2.032.397	-	2.630.000

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa/năm	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn						
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	8,2%-13%	1.540.393	815.822	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	6,5%	-	1.536	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	15,7%-18%	-	481.370	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	15% - 18%	-	-	-	2.000.000
			1.540.393	1.298.728	-	2.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- Hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 26,25 triệu USD, tương đương 546.000 triệu VND (31/12/2011: 5 triệu USD, tương đương 104.140 triệu VND).
- Tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 666.963 triệu VND (31/12/2011: 367.466 triệu VND). Một phần của những tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 632.006 triệu VND (31/12/2011: 310.560 triệu VND) cũng được sử dụng để đảm bảo cho những khoản vay dài hạn tương ứng với các khoản đảm bảo được trình bày ở Thuyết minh 20. Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng vay với một công ty con để gia hạn thời gian đáo hạn của khoản vay 2.000 tỷ VND từ công ty con này từ 12 tháng lên 4 năm và do đó, khoản vay này được phân loại lại là khoản vay dài hạn.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	535.785	202.630	-	-
Thuế giá trị gia tăng	39.626	41.071	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	11.446	14.810	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.126	11.580	-	2.159
Các loại thuế khác	7.910	21.268	-	3.034
	608.893	291.359	-	5.193

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	139.125	177.364	-	-
Lãi vay phải trả	549.848	253.095	415.560	244.954
Chi phí trích trước cho hàng tồn kho đã mua	28.139	13.616	-	-
Chiết khấu hàng bán	41.188	69.876	-	-
Chi phí vận chuyển	30.615	29.703	-	-
Thưởng và lương tháng 13	98.624	50.755	-	1.470
Phí tư vấn	127.954	104.942	38.074	66.056
Phải trả cho xây dựng công trình	195.070	42.500	-	-
Thuế nhà thầu	31.183	33.273	10.013	27.217
Các khoản khác	59.185	49.260	7.828	-
	1.300.931	824.384	471.475	339.697

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	226	1.002	-	12
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	480	19.705	-	-
Chi phí lãi vay phải trả cho một công ty con	-	-	-	261.698
Phải trả khác	43.624	13.552	-	2
	44.330	34.259	-	261.712
Phải trả dài hạn khác				
Phải trả dài hạn	381.563	-	381.563	-
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	1.432.596	256.195
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 24(a))	356.269	-	356.269	-
	737.832	-	2.170.428	256.195

Phải trả dài hạn bao gồm khoản chi phí lãi gộp liên quan đến một số công cụ tài chính được trình bày trong Thuyết minh 24(a), và các khoản phải trả này không được đảm bảo và lần lượt phải trả theo định kỳ sáu tháng và định kỳ mười hai tháng từ ngày sử dụng các công cụ này.

Phải trả dài hạn khác của Công ty cho một công ty con là 1.432.596 triệu VND (31/12/2011: 256.195 triệu VND) bao gồm chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay dài hạn bằng VND là 4.000.000 triệu VND và phí duy trì hạn mức vay liên quan đến khoản vay dài hạn bằng USD tương đương với 2.246.400 triệu VND. Các khoản vay này không được đảm bảo và phải trả vào thời gian đáo hạn của các hợp đồng vay.

Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu thể hiện khoản nợ để phát hành thêm một lượng cổ phiếu không cố định như đã được trình bày trong Thuyết minh 24(a).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay dài hạn (a)	6.667.882	3.329.726	4.000.000	2.000.000
Hối phiếu nhận nợ (b)	2.855.764	2.855.764	-	-
Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi (c)	1.176.522	1.957.960	1.176.522	1.957.960
Trái phiếu có thể chuyển đổi có đảm bảo (d)	2.200.000	-	2.200.000	-
	12.900.168	8.143.450	7.376.522	3.957.960
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(252.991)	(733.669)	-	(630.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	12.647.177	7.409.781	7.376.522	3.327.960

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa/năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty	
				31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
a. Vay dài hạn							
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	9,6%-20%	2014-2020	2.397.355	1.080.302	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	3,82%-10,15%	2014-2020	4.270.527	2.249.424	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	13%	2016	-	-	4.000.000	2.000.000
				6.667.882	3.329.726	4.000.000	2.000.000

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa/năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty	
				31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
b. Hối phiếu nhận nợ	(b)	VND	2016-2017	2.855.764	2.855.764	-	-
c. Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi phát hành cho:							
TPG	(c.1)	VND	15% 2012	-	630.000	-	630.000
International Finance Corporation	(c.2)	VND	8,0%-20,4% 2016	608.562	760.000	608.562	760.000
Jade Dragon (Mauritius) Limited	(c.3)	USD	2%-6% 2015	567.960	567.960	567.960	567.960
				1.176.522	1.957.960	1.176.522	1.957.960
d. Trái phiếu có thể chuyển đổi có đảm bảo		VND	11,25%-15% 2016	2.200.000	-	2.200.000	-

(a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản vay dài hạn gồm:

- các khoản vay bằng VND là 418.597 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 632.006 triệu VND (31/12/2011: 310.560 triệu VND).
- khoản vay bằng VND là 879.500 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản tương ứng hiện hữu và hình thành trong tương lai và quyền khai thác mỏ Núi Pháo. Thêm vào đó Công ty đã thế chấp 68.521.729 cổ phiếu Techcombank để đảm bảo cho khoản vay.
- khoản vay bằng VND là 1.099.258 triệu VND và khoản vay bằng USD tương đương 360.127 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản tương ứng hiện hữu và hình thành trong tương lai và quyền khai thác mỏ Núi Pháo. Thêm vào đó Công ty đã thế chấp 69.321.837 cổ phiếu Techcombank để đảm bảo cho khoản vay.
- khoản vay bằng USD từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) tương đương 1.664.000 triệu VND được đảm bảo bằng 275.748.141 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Ma San và 5.087.836 triệu VND vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San Thái Nguyên trong Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San Thái Nguyên. Khoản vay này cũng được Công ty đảm bảo.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

- (v) Khoản vay bằng USD từ J.P. Morgan tương đương 2.246.400 triệu VND chịu lãi suất LIBOR cộng lãi suất biên 3,5% một năm trong năm đầu tiên, LIBOR cộng 7% một năm trong năm thứ hai và LIBOR cộng 10% một năm trong năm thứ ba sau khi giải ngân. Số dư còn lại tại cho năm kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả một lần vào ngày hết hạn.

Tập đoàn có quyền gia hạn khoản vay sau tháng thứ 12, 18, 24 và 30 dựa trên việc thanh toán phí gia hạn là 56.797 triệu VND đối với mỗi lần gia hạn. Hợp đồng vay này có hiệu lực trong 36 tháng.

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San với giá trị ghi sổ là 879.023 triệu VND (31/12/2011: 679.023 triệu VND) và khoản đầu tư vào công ty liên kết được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay này.

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2012, vay dài hạn của Công ty bao gồm hai khoản vay bằng VND không được đảm bảo từ một công ty con là 4.000.000 triệu VND, các khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 13% một năm. Các khoản vay này lần lượt đáo hạn trong 4 và 5 năm kể từ ngày giải ngân. Số vốn gốc và lãi được trả vào ngày đáo hạn.

- (b) Hối phiếu nhận nợ phải trả vào ngày 23 tháng 9 năm 2016 và ngày 23 tháng 9 năm 2017 lần lượt là 237.980 triệu VND và 2.617.784 triệu VND, liên quan đến việc mua lại Công ty TNHH Khai thác Chế Biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM") từ các quỹ và các công ty được quản lý và/hoặc sở hữu bởi Dragon Capital Group Limited (gọi chung là "Dragon Capital") trong năm 2010. Các hối phiếu nhận nợ này được phát hành để mua lại NPM.

Ngoài các hối phiếu nhận nợ nêu trên, Tập đoàn đã phát hành các công cụ khác như là một phần của chi phí mua lại. Dưới đây là chi tiết tài chính và điều khoản thương mại của các công cụ đã phát hành. Các công cụ này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

- (i) **Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông của Công ty** - Công ty phát hành cho Dragon Capital quyền chọn mua 1.962.320 triệu VND cổ phiếu của Công ty với giá 65.915 VND mỗi cổ phiếu, tương đương 29.770.465 cổ phiếu của Công ty. Quyền chọn mua có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc cán trừ bằng hối phiếu nhận nợ do Dragon Capital quyết định. Dragon Capital có thể thực hiện quyền chọn này từ năm thứ ba kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2010 cho đến năm thứ năm. Công ty có thể yêu cầu Dragon Capital thực hiện việc chuyển đổi bất kỳ khi nào giá cổ phiếu của Công ty vượt mức 65.915 VND trong 15 ngày liên tục, khi đó Công ty có thể trả hối phiếu nhận nợ đã phát hành cho Dragon Capital hoặc là yêu cầu Dragon Capital thực hiện quyền chọn của mình.
- (ii) **Điều chỉnh quyền sở hữu tại MR** - Tập đoàn ký một thỏa thuận với Dragon Capital trong đó quy định Tập đoàn sẽ chuyển nhượng cho Dragon Capital tối đa là 12% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 12%) lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của Tập đoàn nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram tăng trên mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Đổi lại, Dragon Capital sẽ chuyển nhượng cho Tập đoàn tối đa 4% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4%) lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của Dragon Capital nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram giảm dưới mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Thỏa thuận này có thể được thực hiện mà không tính phí trong vòng 15 ngày kể từ ngày báo cáo kiểm toán của NPM được phát hành cho năm sau năm mà NPM sản xuất hơn 300.000 tấn chứa vonfram trioxit. Bất kỳ sự điều chỉnh tiềm tàng nào trong việc sở hữu của MR sẽ được bao gồm trong quyền chọn mua và các quyền chọn bán như mô tả trong thuyết minh dưới đây mà không tính đến bất kỳ điều chỉnh nào cho mức phí để thực hiện các quyền chọn trên.

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

- (iii) **Quyền chọn mua và quyền chọn bán cổ phiếu của MR** - Dragon Capital phát hành cho Tập đoàn quyền chọn mua toàn bộ phần sở hữu của Dragon Capital trong MR bằng tiền mặt trong vòng ba năm, mà nó sẽ tăng lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong MR từ 65% lên đến 80%. Giá mua được xác định theo từng quý trong vòng ba năm và dao động từ 1.164.320 triệu VND đến 1.710.000 triệu VND. Đổi lại, Công ty phát hành cho Dragon Capital quyền chọn bán toàn bộ phần sở hữu của Dragon Capital trong MR để mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với giá trị là 1.710.000 triệu VND trong vòng một tháng sau khi kết thúc giai đoạn ba năm kể trên tại mức giá 65.915 VND mỗi cổ phiếu.

- (c.1) Trái phiếu dài hạn phát hành cho TPG bao gồm (i) ba trái phiếu có thể chuyển đổi, với mệnh giá mỗi trái phiếu là 180.000 triệu VND, được phát hành cho Công ty TNHH TPG Star Masan, Công ty TNHH TPG Star Masan II, và Công ty TNHH TPG Star Masan III (được gọi chung là "TPG"); và (ii) trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 90.000 triệu VND phát hành cho Công ty TNHH TPG Star Masan.

Các trái phiếu này có lãi suất là 15% một năm, tính cộng dồn hàng năm và phải trả khi trái phiếu đáo hạn. Tiền lãi không được trả nếu quyền chuyển đổi được thực hiện. Vào tháng 6 năm 2012, khoản trái phiếu này đã được chuyển đổi toàn bộ thành 30.922.285 cổ phiếu phát hành bởi Công ty.

- (c.2) Khoản vay này là khoản vay chuyển đổi, với số tiền gốc là 608.562 triệu VND (31/12/2011: 760.000 triệu VND) được ký với Công ty Tài chính Quốc tế ("IFC"), trong đó 38.562 triệu VND (31/12/2011: 190.000 triệu VND) có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay là 8% một năm từ ngày giải ngân đến ngày 15 tháng 4 năm 2012 và là 20,4% một năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày hết hạn cho phần khoản vay có thể được chuyển đổi. Lãi suất của khoản vay là 20,4% một năm cho phần khoản vay không được chuyển đổi từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày 15 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này đáo hạn ngày 15 tháng 4 năm 2016. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.
- (ii) IFC có thể thực hiện quyền chọn để chuyển đổi ở mức tối đa là 190.000 triệu VND, trong tổng nợ gốc và có thể yêu cầu Công ty niêm yết các cổ phiếu chuyển đổi này. Có hai kỳ chuyển đổi: kỳ đầu tiên bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc sau 36 tháng sau ngày 31 tháng 5 năm 2010, kỳ chuyển đổi thứ hai bắt đầu từ sau 36 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Lãi vay phải trả sẽ tiếp tục được trích trước và phần thanh toán cho phần phụ trội sẽ được trả cho các khoản vay chuyển đổi nếu IFC không thực hiện quyền chuyển đổi trong kỳ chuyển đổi đầu tiên. IFC đã chuyển đổi 151.438 triệu VND thành 3.521.803 cổ phiếu phát hành bởi Công ty vào tháng 6 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, 38.562 triệu VND còn lại có thể chuyển đổi bởi IFC thành 896.802 cổ phiếu phổ thông vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.
- (iii) Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San bảo lãnh cho khoản vay này. Khoản vay này được đảm bảo bởi 2.800.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San.

- (c.3) Khoản vay này từ Goldman Sachs Group, Inc. thông qua Công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited là khoản vay có thể chuyển đổi bằng Đô la Mỹ với nợ gốc là 30 triệu Đô la Mỹ.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2% một năm và 6% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4% một năm và 4% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6% một năm và 2% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm.
- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.
- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu.
- (iv) Tập đoàn còn ký kết một hợp đồng với Công ty Cổ phần Ma San mà theo đó Công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một khoản tiền mặt là 30 triệu USD cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.
- (d) Khoản trái phiếu trị giá 2.200 tỷ VND được đảm bảo bằng 22,3 triệu trái phiếu chuyển đổi của Techcombank. Khoản trái phiếu trị giá 1.500 tỷ VND có mức lãi suất năm 15% và khoản trái phiếu 700 tỷ VND có mức lãi suất năm 15% trong sáu tháng đầu. Cho những giai đoạn tiếp theo, các khoản trái phiếu 700 tỷ VND này có mức lãi suất năm là 1% cộng lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn. Các khoản lãi được thanh toán theo định kỳ sáu tháng kể từ ngày phát hành. Công ty cũng phát hành quyền chọn mua cho phép trái chủ có thể chuyển đổi trái phiếu hoặc đăng ký mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá thực hiện là 100.000 VND hoặc 120.000 trên mỗi cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số cổ phiếu tối đa sẽ được phát hành là 33,8 triệu cổ phiếu.

Trong năm, Công ty và Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay nêu trên.

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

21. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Tập đoàn	
	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	8.564	4.552
Mua lại từ hợp nhất kinh doanh	-	2.805
Số trích lập dự phòng trong năm	731	1.855
Số sử dụng dự phòng trong năm	-	(648)
Dự phòng trả trong năm	(754)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(7.160)	-
Số dư cuối năm	1.381	8.564

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã đóng góp 5.021 triệu VND (2011: 5.650 triệu VND) và Công ty đã đóng góp 21 triệu VND (2011: 39 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận như là một phần chi phí nhân công và nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012

Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty

Mẫu B 09 - DN

22. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tập đoàn:

Triệu VND	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	Cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	3.189	(9.062.082)	2.712.006	10.623.685	1.524.803	12.148.488
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	811.091	-	-	-	811.091	-	811.091
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	-	-	-	-	-	-	-	800.370	800.370
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	2.492.101	-	2.492.101	2.837.079	5.329.180
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(19.255)	-	-	(19.255)	(4.155)	(23.410)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.973.149	1.973.149	522.859	2.496.008
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.119)	(5.119)	(1.576)	(6.695)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032

Triệu VND	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	Cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23 và 24(c))	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-	-	-	-
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(c))	-	-	(4.104.160)	-	(530.235)	-	(4.634.395)	-	(4.634.395)
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ (Thuyết minh 23 và 20(c.1)(c.2))	344.440	439.025	-	-	-	-	783.465	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	-	411.000	-	411.000
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(a),(b))	-	-	1.721.824	-	-	-	1.721.824	-	1.721.824
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại vốn cổ phần trong các công ty con (Thuyết minh 12(d)(i))	-	-	-	-	(22.447)	-	(22.447)	34.947	12.500
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại vốn cổ phần trong các công ty con (Thuyết minh 12(d)(ii))	-	-	-	-	(1.440.708)	-	(1.440.708)	(491.929)	(1.932.637)
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua thêm vốn cổ phần trong một công ty con của MSC (Thuyết minh 12(d)(iii))	-	-	-	-	(56.108)	-	(56.108)	(65.936)	(122.044)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(62)	-	-	(62)	(33)	(95)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.260.518	1.260.518	702.074	1.962.592
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(25.988)	(25.988)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(14.902)	(14.902)	(11.967)	(26.869)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Công ty:

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	-	200.184	17.170.756
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	811.091	-	-	811.091
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(222.633)	(222.633)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	-	(22.449)	17.759.214
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	-	(22.449)	17.759.214
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23 và 24(c))	964.638	5.394.006	(6.358.644)	-	-	-
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(c))	-	-	(4.104.160)	(530.235)	-	(4.634.395)
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ (Thuyết minh 23 và 20(c.1)(c.2))	344.440	439.025	-	-	-	783.465
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	411.000	-	-	-	-	411.000
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 24(a),(b))	-	-	1.721.824	-	-	1.721.824
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(220.254)	(220.254)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(242.703)	15.820.854

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

23. VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	687.280.123	6.872.801	515.272.269	5.152.723
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	687.280.123	6.872.801	515.272.269	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	-	7.999.167	-	2.166.136

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ vốn chủ sở hữu	96.463.766	964.638	-	-
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ	34.444.088	344.440	-	-
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	41.100.000	411.000	-	-
Số dư cuối năm	687.280.123	6.872.801	515.272.269	5.152.723

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

24. VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu cố định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

Biến động của vốn khác của chủ sở hữu trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	154.393.705	10.462.804	143.579.160	9.651.713
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu để mua cổ phiếu của Techcombank	-	-	10.814.545	811.091
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu bằng tiền:				
▪ Hỗ trợ tín dụng từ công ty mẹ (a)	19.602.824	909.846	-	-
▪ Khoản vay bắt buộc chuyển đổi (b)	11.571.111	811.978	-	-
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu (c)	(57.929.939)	(4.104.160)	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông thông qua chuyển đổi công cụ vốn chủ sở hữu	(96.463.766)	(6.358.644)	-	-
Số dư cuối năm	31.173.935	1.721.824	154.393.705	10.462.804

(a) Hỗ trợ tín dụng từ công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng vay chuyển đổi 50 triệu USD (tương đương với số tiền là 1.041.400 triệu VND) với Richard Chandler Corporation thông qua Công ty Kairos Capital Limited và 30 triệu USD (tương đương với số tiền là 624.840 triệu VND) với Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRG Limited với thời hạn là bốn năm.

Để tăng cường mức tín nhiệm tín dụng của Công ty và hỗ trợ giao dịch tài chính, công ty mẹ ký các thỏa thuận với Công ty và bên cho vay, mà theo đó công ty mẹ sẽ chấp nhận mọi rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua cổ phiếu chuyển đổi và thanh toán trực tiếp số nợ gốc và khoản lãi vay hoãn lại cho các bên cho vay trong trường hợp các bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu. Công ty mẹ không nhận bất kỳ khoản tiền công hay lợi ích nào khác trong việc hỗ trợ này cho Công ty.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Bên cạnh đó, thỏa thuận này còn bao gồm các điều khoản sau:

- Các khoản vay chuyển đổi có lãi suất năm là 5% trong năm thứ nhất, 6% trong năm thứ hai và thứ ba, và 7% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi, lãi suất được thanh toán định kỳ sáu tháng một lần. Lãi suất hoãn lại 10% tương ứng với tỷ lệ hoàn vốn thực tế được thanh toán nếu quyền chuyển đổi không được thực hiện; và
- Cổ phiếu được phát hành khi chuyển đổi ("Cổ phiếu chuyển đổi") có thể được xác định căn cứ vào giá chuyển đổi ban đầu là 85.000 một cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và các điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số lượng Cổ phiếu chuyển đổi tối đa sẽ là 25,6 triệu cổ phiếu. Số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu là 19,6 triệu cổ phiếu, được coi như một công cụ vốn chủ sở hữu.

(b) Khoản vay bắt buộc chuyển đổi

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng vay bắt buộc chuyển đổi với Richard Chandler Corporation thông qua Công ty Kairos Capital Limited với hạn mức là 50 triệu USD (tương đương với số tiền là 1.041.400 triệu VND) với kỳ hạn hai năm. Vào ngày đáo hạn, toàn bộ khoản nợ gốc chưa thanh toán bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- Khoản vay chuyển đổi chịu lãi suất năm là 11%. Tất cả khoản thanh toán lãi bằng USD được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành tại ngày đến hạn hoặc các nguồn vốn khác; và
- Cổ phiếu phát hành để chuyển đổi ("Cổ phiếu Chuyển đổi") được xác định dựa trên giá chuyển đổi là 90.000 VND một cổ phiếu. Vì khoản vay bắt buộc chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu nhất định vào cuối thời hạn hai năm, giá trị hợp lý của các cổ phiếu có thể phát hành được hạch toán như một công cụ vốn chủ sở hữu.

(c) Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu

Trong nửa cuối năm 2010 và nửa đầu năm 2011, Công ty đã phát hành công cụ vốn chủ sở hữu như một phần của giá mua trong cùng kỳ, do đó đã làm tăng lợi ích kinh tế của Công ty trong các công ty con và công ty liên kết. Trong quý II năm 2012, Công ty có thặng dư tiền và tìm thấy cơ hội để giảm thiểu khả năng suy giảm cổ phiếu toàn phần trong thị trường vốn suy yếu. Trong tháng 6 năm 2012, Công ty đã mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu mà theo đó Công ty sẽ phải phát hành 57.929.939 cổ phiếu phổ thông với giá mua là 4.634.395 triệu VND, tương đương 80.000 VND một cổ phiếu. Tại ngày đó, giá đóng cửa của cổ phiếu của Tập đoàn là 100.000 VND một cổ phiếu. Phần còn lại của công cụ vốn chủ sở hữu đã được chuyển đổi thành 96.463.766 cổ phiếu theo các điều khoản chuyển đổi.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

25. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	10.575.021	7.238.994	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	228	9	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(150.243)	(119.856)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(35.592)	(62.298)	-	-
Doanh thu thuần	10.389.414	7.056.849	-	-

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	6.138.131	3.911.343	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	40.795	86.491	-	-
	6.178.926	3.997.834	-	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi từ:				
▪ Tiền gửi	760.585	917.948	204.082	138.407
▪ Đầu tư trái phiếu	28.604	75.265	28.604	75.265
▪ Cho công ty con vay	-	-	60.898	134.937
▪ Thu lại từ công ty mẹ	-	110.997	-	110.997
▪ Cho công ty mẹ vay	-	20.748	-	20.748
Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay từ các công ty con	-	-	927.988	121.755
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.687	54.598	67	43.475
Doanh thu tài chính khác	2.948	5.650	-	-
	809.824	1.185.206	1.221.639	645.584

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
▪ Ngân hàng	140.468	153.847	-	-
▪ Các trái chủ	138.708	162.404	387.339	162.404
▪ Công ty con	-	-	568.281	416.887
Phí duy trì hạn mức vay trả cho các công ty con	-	-	346.421	121.755
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.913	19.273	3.399	8.646
Chi phí tài chính khác	20.296	12.201	20.304	7.965
	309.385	347.725	1.325.744	717.657

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

29. THU NHẬP KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thu từ bán phế liệu	20.630	12.499	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.023	2.406	-	-
Thu hồi chi phí từ công ty mẹ	142.244	-	142.244	-
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	18.977	-	-	-
Xóa sổ các khoản dự phòng	7.160	-	-	-
Thu nhập khác	23.483	7.264	209	-
	214.517	22.169	142.453	-

30. CHI PHÍ KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí bán phế liệu	15.759	12.174	-	-
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định đã thanh lý	6.934	7.616	-	-
Phạt thuế	2.080	3.315	-	-
Chi phí khác	21.701	3.198	-	73
	46.474	26.303	-	73

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

31. (LỖ)/LỢI NHUẬN TỪ CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tập đoàn	
	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận từ công ty liên kết	325.709	969.019
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(663.507)	(576.286)
	(337.798)	392.733

32. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2012	2011	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	649.931	242.683	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	578	4.431	-	-
	650.509	247.114	-	-
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(124.579)	125.450	-	-
	525.930	372.564	-	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Tập đoàn:

	2012		2011	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		2.488.522		2.868.572
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	25,00%	622.131	25,00%	717.143
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(11,48%)	(285.724)	(11,8%)	(338.558)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1,34%	33.302	1,37%	39.313
Ảnh hưởng của kết quả thuần từ công ty liên kết	3,39%	84.450	(3,42%)	(98.183)
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	2,86%	71.193	1,84%	52.739
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,02%	578	0,15%	4.431
Lợi ích từ lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây	-	-	(0,15%)	(4.321)
	21,13%	525.930	12,99%	372.564

Công ty:

	2012		2011	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lỗ trước thuế		(220.254)		(222.633)
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	(25,00%)	(55.064)	(25,00%)	(55.658)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,42%	944	1,31%	2.921
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	24,57%	54.120	23,69%	52.737
	-	-	-	-

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

33. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2012	2011
		Triệu VND	Triệu VND
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế nhà thầu được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	123.974
	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	142.244	1.801
	Khoản cho công ty mẹ vay	-	715.000
	Thu nhập lãi vay từ công ty mẹ	-	20.748
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Ma San	Phí bảo trì	12.990	10.717
	Mua tài sản cố định	12	2.505
Công ty Cổ phần Bất động sản Masan	Phí dịch vụ	13.459	12.797
	Bán tài sản cố định	32	-
	Thu nhập từ cho thuê	-	91
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc	Cổ tức phải thu	64.000	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	33.972	48.286

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2012 và 2011.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Công ty:

Bên liên quan	Bản chất giao dịch	2012	2011
		Triệu VND	Triệu VND
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế nhà thầu được chia sẻ bởi công ty mẹ	-	123.974
	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	142.244	1.801
	Khoản cho công ty mẹ vay	-	715.000
	Thu nhập lãi vay từ công ty mẹ	-	20.748
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần	Khoản vay cấp cho công ty con	2.028.000	-
Hàng Tiêu Dùng Ma San	Khoản vay nhận từ công ty con	-	4.715.000
	Thu nhập lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn	60.898	-
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn	-	282.447
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay dài hạn	568.281	134.440
	Phí duy trì hạn mức vay	346.421	121.755
	Bán một công ty con cho một công ty con	10	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con	-	2.136.347
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	157.236	134.937
	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	346.421	121.755
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	424.332	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	6.306	4.985

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2012 và 2011.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

34. CÁC CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.137.305	1.577.637	1.011	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	558.796	235.345	-	-
	2.696.101	1.812.982	1.011	-

(b) Thuê

Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng một năm	100.172	62.198	26.638	23.619
Từ hai đến năm năm	79.466	103.647	16.211	35.738
Trên năm năm	961	34.450	-	-
	180.599	200.295	42.849	59.357

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

35. THÙ LAO BẰNG CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu của công ty con đã phát hành và sẽ phát hành cho nhân viên đối với công sức đóng góp như sau:

	2012	2011
Nhân viên	1.149.594	683.466
Thành viên Ban Giám đốc của một công ty con (không bao gồm số lượng nhân viên)	131.521	268.334

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công ty con của Công ty có cam kết phát hành 565.590 cổ phiếu (2011: 324.268 cổ phiếu) cho nhân viên đối với công sức đóng góp từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2012 và đã được bao gồm trong số cổ phiếu nêu trên.

Trước khi niêm yết, Công ty đã ký kết các hợp đồng quyền chọn mua cổ phiếu với Ban Giám đốc cho phép mua dựa trên một tỷ lệ phần trăm cổ phiếu suy giảm toàn phần. Những quyền chọn được phát hành cho Ban Giám đốc trước khi niêm yết cho việc thực hiện thành công việc tái cơ cấu và phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Các hợp đồng quyền chọn này đã được phê duyệt bởi cổ đông của Công ty vào ngày 9 tháng 10 năm 2009 và việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào các thỏa thuận của các hợp đồng quyền chọn này được phê duyệt sau đó bởi cổ đông của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2012. Những quyền chọn này đã được thực hiện toàn bộ và 5% cổ phiếu dựa trên mức suy giảm toàn phần đã được phát hành trong tháng 6 năm 2012.

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính khi khách hàng hay các đối tác liên quan không thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ theo hợp đồng đối với Tập đoàn và Công ty khi đến hạn.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng hoặc đối tác. Đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn giao dịch với các khách hàng bằng tiền theo điều kiện hợp đồng. Đối với những khách hàng có khả năng tín dụng tốt, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các hạn mức tín dụng. Tiền và các khoản tương đương tiền được gửi trong các tổ chức tài chính theo quy định. Các khoản đầu tư và giao dịch liên quan đến các công cụ tài chính phái sinh với các đối tác chỉ được cho phép thực hiện sau khi Ban Giám đốc đã xem xét. Ban Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tín dụng này, cũng như nghi ngờ khả năng hoàn trả của các tổ chức tín dụng nói trên.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện rủi ro tín dụng tối đa.

Tập đoàn và Công ty lập dự phòng phải thu khó đòi phản ánh ước tính lỗ phát sinh đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.084	705	-	-
Tăng dự phòng trong năm	143	379	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(832)	-	-	-
Hoàn nhập	(17)	-	-	-
Số dư cuối năm	378	1.084	-	-

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không có khoản dự phòng nợ khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (ngắn hạn và dài hạn) còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác trước khi trích lập dự phòng nợ khó đòi như sau:

	Tập đoàn				Công ty			
	31/12/2012		31/12/2011		31/12/2012		31/12/2011	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
	Gộp	Lỗ giảm giá	Gộp	Lỗ giảm giá	Gộp	Lỗ giảm giá	Gộp	Lỗ giảm giá
Trong hạn	463.983	-	480.085	-	1.916.812	-	3.091.813	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	18.763	-	47.526	-	-	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.434	-	11.247	-	-	-	-	-
Quá hạn trên 180 ngày	4.801	(378)	1.910	(1.084)	-	-	-	-
	490.981	(378)	540.768	(1.084)	1.916.812	-	3.091.813	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn và Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất có thể rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, bất kể điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn, mà không phát sinh hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của Tập đoàn.

Thông thường Tập đoàn đảm bảo đủ lượng tiền mặt để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến, như thảm họa thiên nhiên.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn:

	Giá trị	Dòng tiền				
	ghi sổ	theo hợp	Trong vòng	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Trên 5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Vay ngắn hạn	1.540.393	(1.568.133)	(1.568.133)	-	-	-
Phải trả người bán	973.856	(973.856)	(973.856)	-	-	-
Phải trả người lao động	12.480	(12.480)	(12.480)	-	-	-
Chi phí phải trả	1.300.931	(1.300.931)	(1.300.931)	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	31.355	(31.355)	(31.355)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	7.049.445	(9.052.541)	(1.024.292)	(5.212.317)	(1.910.853)	(905.079)
Hối phiếu nhận nợ	2.855.764	(2.855.764)	-	-	(2.855.764)	-
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	3.376.522	(3.981.912)	(334.273)	(420.030)	(3.227.609)	-
	17.140.746	(19.776.972)	(5.245.320)	(5.632.347)	(7.994.226)	(905.079)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

	Giá trị	Dòng tiền				
	ghi sổ	theo hợp	Trong vòng	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Trên 5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Vay ngắn hạn	1.298.728	(1.350.857)	(1.350.857)	-	-	-
Phải trả người bán	422.772	(422.772)	(422.772)	-	-	-
Phải trả người lao động	12.618	(12.618)	(12.618)	-	-	-
Chi phí phải trả	824.384	(824.384)	(824.384)	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	34.259	(34.259)	(34.259)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	3.329.726	(4.357.949)	(419.353)	(791.319)	(3.147.277)	-
Hối phiếu nhận nợ	2.855.764	(2.855.764)	-	-	(237.980)	(2.617.784)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	1.957.960	(2.133.346)	(993.611)	(452.506)	(687.229)	-
	10.736.211	(11.991.949)	(4.057.854)	(1.243.825)	(4.072.486)	(2.617.784)

Công ty:

	Giá trị	Dòng tiền			
	ghi sổ	theo hợp	Trong vòng	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Phải trả người bán	1.854	(1.854)	(1.854)	-	-
Chi phí phải trả	471.475	(471.475)	(471.475)	-	-
Vay và nợ dài hạn	5.814.159	(7.946.905)	-	(252.703)	(7.694.202)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	3.376.522	(3.981.912)	(334.273)	(420.030)	(3.227.609)
	9.664.010	(12.402.146)	(807.602)	(672.733)	(10.921.811)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	Giá trị	Dòng tiền	Trong vòng	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	ghi số	theo	1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	Triệu VND	hợp đồng	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Vay và nợ ngắn hạn	2.000.000	(2.344.942)	(2.344.942)	-	-
Phải trả người bán	523	(523)	(523)	-	-
Chi phí phải trả	339.697	(339.697)	(339.697)	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	261.712	(261.712)	(261.712)	-	-
Vay và nợ dài hạn	2.256.195	(4.697.271)	-	-	(4.697.271)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	1.957.960	(2.133.346)	(993.611)	(452.506)	(687.229)
	6.816.087	(9.777.491)	(3.940.485)	(452.506)	(5.384.500)

Ban Giám đốc không kỳ vọng rằng các dòng tiền được trình bày trên bảng phân tích khả năng đáo hạn của Tập đoàn và Công ty có thể phát sinh sớm hơn một cách đáng kể hoặc có những giá trị chênh lệch đáng kể.

(e) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn và Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái đối với các giao dịch bán hàng, mua hàng và các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Loại tiền tệ sử dụng trong các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD), Đô la Úc (AUD), Euro (EUR) và Thai Baht (THB).

Trong năm 2011, Tập đoàn đã ký một hợp đồng kỳ hạn để quản lý rủi ro tỷ giá. Giá trị của hợp đồng là 10,46 triệu USD và đáo hạn trong năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn không có bất kỳ hợp đồng kỳ hạn nào để quản lý rủi ro tỷ giá.

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn là đảm bảo cho mức độ rủi ro hối đoái thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc tham gia các hợp đồng mua bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay để xử lý việc thiếu hụt hay thặng dư tiền tệ trong ngắn hạn.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Tập đoàn và Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

	Tập đoàn				Công ty
	USD	AUD	EUR	THB	USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.860.335	-	4.947	-	66.367.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	1.029.798	-	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-	31.635.370
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(19.271.699)	(2.579.577)	(568.090)	(53.186.433)	(11.464.445)
Vay và nợ dài hạn (***)	(223.626.890)	-	-	-	(41.512.356)
	(73.008.456)	(2.579.577)	(563.143)	(53.186.433)	45.026.123

	Tập đoàn			Công ty
	USD	AUD	EUR	USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.370.528	-	1.284.391	9.590.493
Phải thu khách hàng và phải thu khác(*)	780.537	-	1.392.000	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	6.036.164
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(6.469.551)	(856.620)	(1.093.544)	(2.565.697)
Vay và nợ ngắn hạn	(73.755)	-	-	-
Vay dài hạn(***)	(108.000.000)	-	-	(6.036.164)
	(3.392.241)	(856.620)	1.582.847	7.024.796

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm khoản phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

(**) Phải trả người bán và phải trả khác gồm khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

(***) Vay và nợ dài hạn gồm vay dài hạn và nợ dài hạn khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Bảng sau đây trình bày những tỷ giá hối đoái chính áp dụng bởi Tập đoàn và Công ty:

	Tập đoàn		Công ty	
	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2012	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2011	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2012	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
USD1	20.800	20.828	20.811	20.828
AUD1	21.520	21.772	-	-
EUR1	27.398	27.700	-	-
THB1	663	-	-	-

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và lỗ trước thuế của Công ty thông qua sự mạnh lên của các loại tiền tệ sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các yếu tố khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Tập đoàn		Công ty	
	Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2012	Giảm lỗ trước thuế tại 31/12/2012	Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2012	Giảm lỗ trước thuế tại 31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
USD (1%)	(15.186)	9.370		
AUD (1%)	(555)	-		
EUR (1%)	(154)	-		
THB (1%)	(353)	-		
	(16.248)	9.370		

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

	Tập đoàn	Công ty
	Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2011	Giảm lỗ trước thuế tại 31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
USD (10%)	9.597	14.631
AUD (3%)	(560)	-
EUR (1%)	438	-
	9.475	14.631

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Mức biến động lãi suất của Tập đoàn và Công ty chủ yếu liên quan đến tài sản tài chính và nợ phải trả có lãi suất thả nổi. Rủi ro lãi suất được quản lý bởi Tập đoàn và Công ty trên cơ sở liên tục với mục tiêu chính là giảm thiểu chi phí lãi vay có khả năng chịu ảnh hưởng bởi các biến động bất lợi về lãi suất.

Tập đoàn và Công ty không sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro biến động về lãi suất đối với các khoản vay chịu lãi suất.

Tại ngày báo cáo, tình hình lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn và Công ty như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ chịu lãi suất cố định				
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 6)	5.567.512	9.397.876	2.150.542	1.487.452
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 12)	1.840.500	1.222.500	68.000	373.000
Phải thu dài hạn từ một công ty con (Thuyết minh 7)	-	-	-	2.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12)	365.500	-	-	-
Khoản vay từ một công ty con vay – ngắn hạn (Thuyết minh 16)	-	-	-	(2.000.000)
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)	-	(358.884)	-	-
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	(3.556.021)	(2.607.960)	(6.676.522)	(1.957.960)
Khoản vay từ một công ty con – dài hạn (Thuyết minh 20)	-	-	-	(2.000.000)
	4.217.491	7.653.532	(4.457.980)	(2.097.508)
Công cụ chịu lãi suất thả nổi				
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 6)	146.553	172.913	6.687	22.852
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)	(1.540.393)	(939.844)	-	-
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	(6.488.383)	(2.679.726)	(700.000)	-
	(7.882.223)	(3.446.657)	(693.313)	22.852

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ chịu lãi suất dao động

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 78.822 triệu VND lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và tăng 6.933 triệu VND lỗ trước thuế của Công ty.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

(d) Ước tính giá trị hợp lý

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và nợ phải trả tài chính khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính ngắn hạn của các công cụ này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

Tập đoàn và Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(e) Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ tài chính

Bảng sau đây tóm tắt giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ tài chính cùng được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phân loại của Thông tư 210 như sau:

Tập đoàn:

	Thuyết minh	Năm giữ đến ngày đáo hạn	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		Các khoản cho vay và phải thu	Nợ tài chính khác	Tổng giá trị ghi sổ
			Triệu VND	Triệu VND			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012							
Đầu tư ngắn hạn	12	1.840.500	-	-	-	-	1.840.500
Đầu tư dài hạn khác	12	365.500	-	-	-	-	365.500
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)		-	-	-	467.445	-	467.445
Phải thu dài hạn khác	7	-	-	-	23.158	-	23.158
Tiền và các khoản tương đương tiền	6	-	-	-	5.714.065	-	5.714.065
		2.206.000	-	-	6.204.668	-	8.410.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	Thuyết minh	Năm giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Vay ngắn hạn	16	-	-	-	(1.540.393)	(1.540.393)
Vay và nợ dài hạn (***)	19, 20	-	(356.269)	-	(7.049.445)	(7.405.714)
Hối phiếu nhận nợ	20	-	-	-	(2.855.764)	(2.855.764)
Trái phiếu/khoản vay chuyển đổi	20	-	-	-	(3.376.522)	(3.376.522)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	-	-	-	-	(2.318.622)	(2.318.622)
		-	(356.269)	-	(17.140.746)	(17.497.015)

	Thuyết minh	Năm giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
--	-------------	---------------------------------------	--	--------------------------------	----------------------------------

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đầu tư ngắn hạn	12	1.222.500	-	-	1.222.500
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	7	-	539.684	-	539.684
Tiền và các khoản tương đương tiền	6	-	9.570.789	-	9.570.789
		1.222.500	10.110.473	-	11.332.973

Vay và nợ ngắn hạn	16	-	-	(1.298.728)	(1.298.728)
Vay và nợ dài hạn (***)	19, 20	-	-	(3.329.726)	(3.329.726)
Hối phiếu nhận nợ	20	-	-	(2.855.764)	(2.855.764)
Trái phiếu/khoản vay chuyển đổi	20	-	-	(1.957.960)	(1.957.960)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	-	-	-	(1.294.033)	(1.294.033)
		-	-	(10.736.211)	(10.736.211)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Công ty:

	Thuyết minh	Năm giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Đầu tư ngắn hạn	12	68.000	-	-	-	68.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	-	-	-	258.406	-	258.406
Phải thu dài hạn	7	-	-	1.658.406	-	1.658.406
Tiền và các khoản tương đương tiền	6	-	-	2.157.229	-	2.157.229
		68.000	-	4.074.041	-	4.142.041
Vay và nợ dài hạn (***)	19,20	-	(356.269)	-	(5.814.159)	(6.170.428)
Trái phiếu/khoản vay chuyển đổi	20	-	-	-	(3.376.522)	(3.376.522)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	-	-	-	-	(473.329)	(473.329)
		-	(356.269)	-	(9.664.010)	(10.020.279)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	Thuyết minh	Năm giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi số Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Đầu tư ngắn hạn	12	373.000	-	-	373.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	7	-	329.519	-	329.519
Phải thu dài hạn khác	7	-	2.762.294	-	2.762.294
Tiền và các khoản tương đương tiền	6	-	1.510.304	-	1.510.304
		373.000	4.602.117	-	4.975.117
Vay và nợ ngắn hạn	16	-	-	(2.000.000)	(2.000.000)
Vay và nợ dài hạn (***)	19,20	-	-	(2.256.195)	(2.256.195)
Trái phiếu/khoản vay chuyển đổi	20	-	-	(1.957.960)	(1.957.960)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	(601.932)	(601.932)
		-	-	(6.816.087)	(6.816.087)

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

(**) Phải trả người bán và phải trả khác gồm phải trả người bán, phải trả nhân viên, chi phí phải trả và phải trả ngắn hạn khác.

(***) Vay và nợ dài hạn gồm vay dài hạn và nợ dài hạn khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

(i) Phát hành cổ phiếu mới bởi công ty con

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, Kohlberg Kravis Roberts thông qua Công ty KKR Ma San Aggregator L.P. đã mua cổ phiếu mới do Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San, một công ty con của Công ty, phát hành tương đương 4,348% cổ phiếu đang lưu hành sau khi phát hành 109 triệu USD và phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện khác trong thỏa thuận.

(ii) Việc mua các đơn vị mới

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2013, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San đã ký hợp đồng mua 24,9% cổ phần của công ty nước uống đóng chai, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("Vĩnh Hảo") từ một cổ đông hiện hữu của Vĩnh Hảo bằng tiền với giá 85.000 VND một cổ phiếu. Sau đó, lợi ích kinh tế của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San trong Vĩnh Hảo đã tăng từ 24,9% lên 63,51% từ kết quả của việc mua thêm 38,61% cổ phần của Vĩnh Hảo từ các cổ đông khác với mức giá 85.000 VND một cổ phiếu.

Sau ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã cung cấp số tiền là 252 tỷ VND để mua một công ty bia thông qua các công ty con.

(iii) Giao dịch với cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, BI Private Equity New Markets II K/S, một công ty đầu tư được quản lý bởi BankInvest, đã mua cổ phiếu ưu đãi bắt buộc chuyển đổi của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San, một công ty con của Công ty, với tổng số tiền là 521 tỷ VND. Giá mua một cổ phiếu là 32.744 VND. Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc chuyển đổi này sẽ được thanh toán cổ tức từ 3% đến 10% một năm trên tổng số tiền đầu tư và bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong vòng 4 năm.

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Eric

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San được thành lập vào tháng 11 năm 2004 dưới tên là Công ty Cổ phần Hàng Hải Ma San. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (tên tiếng Anh là Masan Group Corporation) vào tháng 8 năm 2009 và đã niêm yết thành công tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào ngày 5 tháng 11 năm 2009. Dù Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San chính thức thành lập vào năm 2004 nhưng tính đến việc thành lập và hoạt động của các cổ đông lớn, công ty con và các công ty tiền nhiệm của chúng tôi thì Masan Group đã hoạt động được hơn 15 năm.

Masan Group là công ty mẹ giữ cổ phần kiểm soát ở Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (Masan Consumer) và Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San (Masan Resources) với lợi ích kinh tế tương ứng là 77,7% và 77,7%¹ tính đến tháng 3/2013. Chúng tôi cũng nắm giữ lợi ích kinh tế dưới hình thức cổ phiếu và trái phiếu bắt buộc chuyển đổi tại Techcombank là 30,4%² tính đến tháng 3/2013.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu tổ chức

Chấp thuận	Đại hội đồng cổ đông	
Phê duyệt	Hội đồng Quản trị	Ban Kiểm soát
Quản trị chiến lược	Ban Điều hành <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổng Giám đốc Điều hành ▪ Phó Tổng Giám đốc Điều hành ▪ Giám đốc Tài chính³ ▪ Kế toán trưởng 	
Thực thi	Phát triển Kinh doanh	Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu ra để điều hành hoạt động của Masan Group. Các thành viên Hội đồng Quản trị họp định kỳ để thảo luận về các quyết định chiến lược do Ban Điều hành đệ trình. Chi tiết về trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được trình bày trong phần Hội đồng Quản trị.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

Ban Điều hành

Trách nhiệm chính của Ban Điều hành bao gồm quản trị chiến lược, phân bổ nguồn lực ở cấp quản lý cao cấp, theo dõi và kiểm soát tài chính kế toán, quản lý vốn, quản trị doanh nghiệp và kiểm soát nội bộ.

Bộ phận Phát triển Kinh doanh

Đội ngũ Phát triển Kinh doanh có trách nhiệm thực hiện giao dịch, phân tích hoạt động kinh doanh, quản lý quan hệ đối tác và quản lý các công ty con.

Bộ phận Tài chính và Kế toán, Pháp lý, và Hành chính

Bộ phận Tài chính và Kế toán, Pháp lý, và Hành chính chịu trách nhiệm thực hiện các báo cáo tài chính, tuân thủ luật pháp và quản lý các công việc hành chính hàng ngày trong Công ty. Những vị trí quản lý cấp cao của bộ phận Tài chính & Kế toán và Pháp lý giữ vai trò quan trọng trong việc thực thi và theo dõi các giao dịch sau khi hoàn tất.

Hội đồng Quản trị

Trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có hai thành viên điều hành và bốn thành viên không điều hành. Hoạt động của Hội đồng Quản trị được tổ chức bởi Chủ tịch, là thành viên không điều hành. Vai trò của Chủ tịch và Tổng Giám đốc Điều hành là tách biệt. Trong năm qua, không có thay đổi trong cơ cấu của Hội đồng Quản trị.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch;
- Ông Hồ Hùng Anh, Phó chủ tịch;
- Ông Madhur Maini, Thành viên;
- Ông Nguyễn Thiệu Nam, Thành viên;
- Bà Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên;
- Ông Lars Kjaer, Thành viên.

Chủ tịch đóng vai trò lãnh đạo quan trọng và tham gia:

- Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và đóng vai trò lãnh đạo hiệu quả;
- Duy trì đối thoại với Tổng Giám đốc Điều hành và chỉ đạo chiến lược phù hợp;
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị; và
- Là đại sứ cho Tập đoàn, bao gồm chủ trì Đại hội cổ đông và xử lý các vấn đề liên quan đến cộng đồng và giữ quan hệ với những cổ đông lớn.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm vạch ra phương hướng, chiến lược và mục tiêu tài chính của Tập đoàn, và giám sát sự tiến triển của những vấn đề này. Hội đồng Quản trị hiện không thành lập các tiểu ban của mình.

Các thành viên không điều hành thường xuyên trao đổi với Ban Điều hành để nắm được diễn biến và hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

1. Theo tỉ lệ pha loãng và bao gồm quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) của Masan Group đối với việc mua lại 15% quyền sở hữu từ Tiberon Minerals Private Limited, một công ty do các quỹ thuộc tập đoàn Dragon Capital Group sở hữu.

2. Bao gồm lợi ích kinh tế của Masan Group tại Techcombank thông qua giao dịch đăng ký và mua 3.000 tỉ trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành trong tháng 12/2010.

3. Bổ nhiệm chính thức vị trí Giám đốc Tài chính đang chờ nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang, ông Hồ Hùng Anh, ông Madhur Maini, ông Nguyễn Thiệu Nam, bà Nguyễn Hoàng Yến, và ông Lars Kjaer lần lượt nắm giữ vị trí trong Hội đồng Quản trị của bốn, ba, một, năm, ba và năm công ty khác theo thứ tự tương ứng.

Họp Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thường xuyên họp để thảo luận về phương hướng, chiến lược và tiến độ phát triển kinh doanh của doanh nghiệp. Thông thường, các chủ đề tại cuộc họp Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Báo cáo về những dự án lớn và những vấn đề trong hoạt động kinh doanh hiện tại;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Trình bày những dự án kinh doanh cụ thể; và
- Các vấn đề của các cuộc họp trước và những vấn đề còn tồn đọng.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2012, hoạt động của Hội đồng Quản trị phần lớn bao gồm việc thảo luận và thông qua những vấn đề sau:

- Huy động vốn;
- Triển khai các giao dịch khác của Masan Group và các công ty con; và
- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và lập dự toán ngân sách.

Trong năm qua không có cuộc họp riêng biệt nào dành cho các thành viên không điều hành. Hoạt động của Hội đồng Quản trị có sự tham gia của tất cả các thành viên.

Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm thực thi kế hoạch phát triển kinh doanh của Masan Group và báo cáo kết quả kinh doanh. Tổng Giám đốc Điều hành lãnh đạo Ban Điều hành.

Hiện nay, Ban Điều hành gồm có 2 thành viên điều hành cao cấp của Masan Group, Tổng Giám đốc Điều hành và Phó Tổng Giám đốc Điều hành và 2 thành viên có vị trí cao nhất trong bộ phận Tài chính, Kế toán. Thành viên của Ban Điều hành bao gồm:

- Ông Madhur Maini, Tổng Giám đốc Điều hành - ông Madhur Maini hiện là Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group, đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Group, Masan Consumer và Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Núi Pháo. Ông Madhur tốt nghiệp trường Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ, với hai bằng cử nhân Khoa học ứng dụng và Tài chính.
- Ông Nguyễn Thiệu Nam, Phó Tổng Giám đốc Điều hành – ông Nguyễn Thiệu Nam từng làm việc cho Công ty Cổ phần Đa My. Ông Nam tốt nghiệp trường Đại học Thương mại Hà Nội, Việt Nam.

- Ông Chan Hong Wai, Giám đốc Tài chính¹ - ông Chan Hong Wai từng làm việc cho Ernst & Young và PricewaterhouseCoopers. Ông Chan tốt nghiệp trường đại học Sunway, Malaysia.
- Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên, Kế toán trưởng – bà Đoàn Thị Mỹ Duyên từng làm việc cho KPMG. Bà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM, Việt Nam.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi tiết về việc sở hữu cổ phiếu Masan Group của các thành viên Ban Điều hành như sau:

Ban Điều hành	Vị trí	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Madhur Maini	Tổng Giám đốc Điều hành	597.800	0,087
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	110.400	0,016
Ông Chan Hong Wai	Giám đốc Tài chính ¹	0	0
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kế toán trưởng	0	0
Tổng số cổ phần đang lưu hành		687.280.123	100,000

Thay đổi về thành viên Ban Điều hành: vào ngày 12 tháng 7 năm 2012, Hội đồng Quản trị đã phê chuẩn việc miễn nhiệm bà Tạ Thị Thủy Trang khỏi vị trí Kế toán trưởng và bổ nhiệm Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên làm Kế toán trưởng mới cho Masan Group.

Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát bao gồm các thành viên sau đây:

- Ông Nguyễn Quỳnh Lâm, Trưởng Ban Kiểm soát - ông Nguyễn Quỳnh Lâm có hơn 20 năm kinh nghiệm trong các vị trí quản lý và kế toán. Trước đây, ông làm việc cho Công ty Cổ phần Đa My và Công ty CP Thương mại La Giang. Ông Lâm tốt nghiệp Đại học Mở Địa chất, Hà Nội, Việt Nam.
- Bà Nguyễn Thu Hiền², Thành viên - bà Nguyễn Thu Hiền có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính – ngân hàng. Trước đây, bà làm việc cho Incombank và Masan Consumer. Bà Hiền tốt nghiệp Đại học Kinh tế Baku, Liên Xô (cũ).
- Ông Đặng Ngọc Cả, Thành viên - ông Đặng Ngọc Cả trước đây làm việc cho Allens Arthur Robinson và Luật Việt. Ông Cả tốt nghiệp trường Đại học Luật Tp.HCM.

1. Bổ nhiệm chính thức vị trí Giám đốc Tài chính đang chờ nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

2. Bà Nguyễn Thu Hiền từ nhiệm vị trí thành viên Ban kiểm soát từ ngày 2 tháng 1 năm 2013. Đại hội đồng cổ đông năm 2013 sẽ phê chuẩn việc từ nhiệm này và bổ nhiệm thành viên mới vào Ban Kiểm soát.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi tiết về việc sở hữu cổ phiếu Masan Group của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:

Thành viên Ban Kiểm soát	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	50.000	0,007
Bà Nguyễn Thu Hiền ¹	50.000	0,007
Ông Đặng Ngọc Cả	100	0,000
Tổng số cổ phần đang lưu hành	687.280.123	100,000

Hoạt động của ban kiểm soát

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Masan Group và pháp luật Việt Nam. Đặc biệt, Ban Kiểm soát tham gia vào các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông.

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Masan Group đã được phê duyệt bởi Đại hội cổ đông tổ chức ngày 09 tháng 10 năm 2009. Mục tiêu của Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ là:

- Đảm bảo một kế hoạch quản trị doanh nghiệp hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đảm bảo quyền bình đẳng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo các giao dịch của các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở các điều kiện thị trường;
- Nâng cao tính minh bạch; và
- Giúp cho hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị và kiểm soát của Ban Kiểm soát đạt hiệu quả.

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Quản trị, thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

Chín trên tổng số mười một thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được đào tạo chuyên môn liên quan đến quản trị doanh nghiệp.

Tập đoàn hiện đang tăng cường nền tảng pháp lý và quản trị doanh nghiệp trong năm 2013. Chúng tôi cũng có kế hoạch bổ sung thêm vài thành viên độc lập trong Hội đồng Quản trị và phát triển chính sách để đạt được tiêu chuẩn quốc tế.

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Masan Group đang xây dựng các chính sách về thù lao cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Thù lao của Ban Điều hành bao gồm một khoản cố định và một khoản biến đổi.

1. Bà Nguyễn Thu Hiền từ nhiệm vị trí thành viên Ban kiểm soát từ ngày 2 tháng 1 năm 2013. Đại hội đồng cổ đông năm 2013 sẽ phê chuẩn việc từ nhiệm này và bổ nhiệm thành viên mới vào Ban Kiểm soát.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Masan Group là 6.872.801.230.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2012

Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành và loại cổ phần của Masan Group: 687.280.123 cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 546.194.554 cổ phần.

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 141.085.569 cổ phần¹.

Cơ cấu cổ đông:

Tính theo tỷ lệ sở hữu:

- Cổ đông lớn bao gồm:

STT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Ma San	250.421.247	36,437%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoa Hường Dương	99.817.804	14,524%
3	BI Private Equity New Markets II K/S (BankInvest)	43.011.218	6,258%
Tổng cộng		393.250.269	57,219%

- Số lượng cổ phần do các cổ đông khác nắm giữ: 294.029.854, tương ứng với 42,781%

Tính trên cơ sở cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân: vào ngày 28/12/2012, Masan Group có 822 cổ đông, trong đó có 715 cổ đông cá nhân nắm giữ 94.580.560 cổ phần tương ứng với 13,76%, và 107 cổ đông tổ chức nắm giữ 592.699.563 cổ phần tương ứng với 86,24%.

Tính trên cơ sở cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài: vào ngày 28/12/2012, Masan Group có 649 cổ đông trong nước nắm giữ 542.649.396 cổ phần tương ứng với 78,96% và 173 cổ đông nước ngoài nắm giữ 144.630.727 cổ phần tương ứng với 21,04%.

Thay đổi vốn điều lệ

Trong năm 2012: Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 5.152.722.690.000 đồng lên 6.872.801.230.000 đồng. Trong số 172.007.854 cổ phần mới được phát hành trong năm 2012, có 141.085.569 cổ phần mới được phát hành dưới hình thức phát hành riêng lẻ và 30.922.285 cổ phần mới được phát hành dưới hình thức chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi được phát hành trong năm 2009.

Masan Group không có cổ phiếu quỹ.

1. Cổ phiếu không được chuyển nhượng cho đến ngày 28/06/1013.

Công ty Cổ phần Ma San

Công ty Cổ phần Ma San (Masan Corporation) được thành lập vào ngày 13 tháng 9 năm 2000. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại, tư vấn đầu tư, quản lý và chuyển giao công nghệ, xây dựng và quản lý các dự án đầu tư, cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Hoa Hướng Dương

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoa Hướng Dương được thành lập vào ngày 10 tháng 8 năm 2009. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm: xây dựng công trình dân dụng, mua bán vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng, khai khoáng, đại lý ký gởi hàng hóa, nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính).

BI Private Equity New Markets II K/S (BankInvest)

Thông tin về BankInvest được cung cấp ở phần Hồ sơ đối tác của Masan Group.

Cổ đông sáng lập

Ông Nguyễn Đăng Quang giữ vị trí Chủ tịch và Ông Hồ Hùng Anh là Phó Chủ tịch của Masan Group vào ngày 31/12/2012. Vào ngày lập báo cáo, cả hai đều giữ nguyên chức vụ.

Cổ đông lớn nước ngoài

Masan Group chỉ có một cổ đông lớn nước ngoài là BankInvest. Thông tin về BankInvest được cung cấp ở phần Hồ sơ đối tác của Masan Group.

Tỷ lệ sở hữu và sự thay đổi tỷ lệ sở hữu của các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2012

	31/12/2012	31/12/2011	Tăng/Giảm
Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch	0,000%	0,000%	0,000%
Hồ Hùng Anh, Phó chủ tịch	2,294%	3,836%	-1,542%
Madhur Maini, Tổng Giám đốc Điều hành	0,087%	0,116%	-0,029%
Nguyễn Thiệu Nam, Phó Tổng Giám đốc Điều hành	0,016%	0,021%	-0,005%
Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên	3,169%	4,227%	-1,058%
Lars Kjaer, Thành viên	0,000%	0,000%	0,000%

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các Cổ đông nội bộ

Trong năm 2012, có một số giao dịch cổ phiếu Masan Group được thực hiện bởi các cổ đông nội bộ và những người có liên quan. Bảng dưới đây liệt kê các giao dịch này:

STT	Cổ đông nội bộ và người có liên quan	Số cổ phần sở hữu vào ngày 1/1/2012	Số cổ phần sở hữu vào ngày 31/12/2012		Lý do tăng, giảm (chuyển nhượng, mua, chuyển đổi...)	
		Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần		Tỷ lệ
1	Ông Hồ Hùng Anh	19.768.269	3,84%	15.768.269	2,29%	Chuyển nhượng
2	BI Private Equity New Markets II K/S	50.011.218	9,71%	43.011.218	6,26%	Mua: 3.500.000 cổ phần Chuyển nhượng: 20.647.439 cổ phần Chuyển đổi: 10.147.439 cổ phần
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà (em bà Nguyễn Thị Thu Hiền)	114.900	0,02%	0	0%	Chuyển nhượng

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

	Vào ngày 31/12/2012
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	6.873
Giá cổ phiếu	102.000
Giá cao nhất 52 tuần (đồng)	124.000
Giá thấp nhất 52 tuần (đồng)	83.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	687.280
Số lượng cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	687.280
Số lượng cổ phiếu ưu đãi (cổ phiếu)	0
Số cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0
Tỷ lệ cổ tức / thị giá (%)	0

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những “nhận định về tương lai”. Những nhận định này có thể có những từ ngữ như “dự đoán”, “tin tưởng”, “có thể”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “kế hoạch”, “nhắm đến”, “sẽ” hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án đã lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Chúng tôi hoạt động tích cực trong lĩnh vực xây dựng, mua lại và quản lý các doanh nghiệp hàng đầu trong một số lĩnh vực tăng trưởng nhanh nhất của nền kinh tế Việt Nam. Triển vọng của Masan Group chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lý trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo, và Masan Group không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

ATM	Máy giao dịch ngân hàng tự động ATM
BankInvest	Tập đoàn BankInvest
CAR	Tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu (viết tắt của cụm "Capital Adequacy Ratio")
C&R	Bồi thường và giải phóng mặt bằng
Dragon Capital	Tập đoàn Dragon Capital và các quỹ, các công ty của mình
ESOP	Chương trình Sở hữu cổ phần cho nhân viên
HĐQT	Hội đồng Quản trị
House Foods	Tập đoàn House Foods
HSBC	Tập đoàn Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
M&A	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
Masan	Thuật ngữ chung nói về công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, bao gồm công ty Hàng tiêu dùng Ma San, công ty Tài nguyên Ma San, ngân hàng Techcombank, Proconco, Vĩnh Hảo và các công ty con
Masan Consumer	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San
Masan Food	Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San
Masan Group	Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Masan Horizon	Công ty Cổ phần Tầm nhìn Ma San
Masan Resources	Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San
Tài Nguyên Masan Thái Nguyên	Công ty TNHH Một thành viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên
MNC	Công ty đa quốc gia
Mount Kellett	Công ty quản lý quỹ Mount Kellett

NHNN
Núi Pháo

Proconco
R&D
R.F. Chandler
ROA
ROAA
ROE
ROAE
SG&A
SME
Tập đoàn
Techcombank
Tp.
TP.HCM
TSCĐ
TPG
USD
USGS
Vinacafe
Vinacafé
VND

Ngân hàng nhà nước Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, được tái cấu trúc từ Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo sau thương vụ mua lại dự án Núi Pháo
Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc
Nghiên cứu và phát triển
Công ty quản lý quỹ R.F. Chandler
Thu nhập trên tổng tài sản
Thu nhập trên giá trị tài sản trung bình
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu trung bình
Chi phí quản lý và bán hàng
Doanh nghiệp vừa và nhỏ
Masan Group
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
Thành phố
Thành phố Hồ Chí Minh
Tài sản cố định
Tập đoàn Texas Pacific
Đô la Mỹ
Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Thương hiệu cà phê của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Đồng Việt Nam

LIÊN HỆ

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Ma San

Địa chỉ: Lầu 8, Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 8 6256 3862

Fax: +84 8 3827 4115

Web: www.masangroup.com

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San

Địa chỉ: Lầu 12, Kumho Asiana Plaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 8 6255 5660

Fax: +84 8 3810 9463

Website: www.masanconsumer.com

www.masangroup.com/masanconsumer

Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San

Địa chỉ: Lầu 8, Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 8 6256 3862

Fax: +84 8 3827 4115

Website: www.masanresources.com